

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 1. BÀI MỞ ĐẦU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Biết được vị trí ,vai trò và tầm quan trọng của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong kinh tế quốc dân.
- Biết được những thuận lợi khó khăn của điều kiện tự nhiên, xã hội của nước ta ảnh hưởng đến sự phát triển nông, lâm, ngư nghiệp.
- Biết tiếp cận tình hình thực tiễn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta trong thời gian hiện tại và tương lai.
- Rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, khái quát hóa.
- Có nhận thức đúng đắn và thái độ tôn trọng đối với các nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp qua đó định hướng nghề nghiệp trong tương lai và bản thân.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học: Học sinh xác định được mục tiêu: Biết được vị trí ,vai trò và tầm quan trọng của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong kinh tế quốc dân.

- Biết được những thuận lợi khó khăn của điều kiện tự nhiên, xã hội của nước ta ảnh hưởng đến sự phát triển nông, lâm, ngư nghiệp.
- Biết tiếp cận tình hình thực tiễn sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta trong thời gian hiện tại và tương lai.

2.1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Tại sao sản xuất lương thực tăng liên tục là thành tựu nổi bật nhất.

2.1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình thành tựu và hạn chế của ngành nông, lâm,ngư nghiệp. Phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.

2.1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo: Phát triển tư duy phân tích các nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.

2.2. Năng lực chuyên biệt

2.2.1. Năng lực nghiên cứu khoa học: thu thập số liệu về tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở địa phương.

2.2.2. Năng lực quan sát: Quan sát hình 1.1, biểu đồ xu thế phát triển triển của ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Kế hoạch bài học.
- Hình 1.2, H 1.2, H 1.3, bảng 1 của SGK

2. Chuẩn bị của HS :

- Nghiên cứu trước nội dung bài học 1.
- Bảng phụ, SGK
- Tìm hiểu, sưu tầm các số liệu về tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở địa phương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số, tác phong.

2. Kiểm tra bài cũ : Giới thiệu nội dung chương trình.

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Học sinh hiểu được tầm quan trọng của bài học mở đầu và nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

- Tìm hiểu tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta những năm qua như thế nào?
- Tìm hiểu phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta trong thời gian tới

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc SGK và thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

- Em hãy nêu những yếu tố thuận lợi của nước ta để phát triển ngành nông, lâm, ngư nghiệp?
- Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.
- Tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta những năm qua như thế nào?
- Phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta trong thời gian tới

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta, học sinh làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta và đưa ra phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta trong thời gian tới

4) **Sản phẩm học tập**

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài mở đầu

1) **Mục đích**

- Tiếp thu kiến thức mới về bài mở đầu SGK Công nghệ 10, để:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta.
- Vận dụng kiến thức về nông, lâm, ngư nghiệp trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) **Nội dung**

- Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.
- Tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay.
- Phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Tự nghiên cứu lí thuyết của bài học và quan sát hình 1.1, 1.2, 1.3 để trả lời các câu hỏi dưới đây:

- Em có nhận xét gì về giá trị sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp xuất khẩu ở nước ta.
- Em có nhận xét gì về lực lượng lao động tham gia sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.
- Em có nhận xét gì về tốc độ gia tăng sản lượng lương thực ở nước ta những năm gần đây?
- Ý nghĩa của việc sản lượng lương thực tăng cao trong những năm qua ở nước ta?

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lí thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II, mục III trong SGK (từ trang 5 đến trang 8). Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

+ **Tầm quan trọng của sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.**

1. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đóng góp một phần không nhỏ vào cơ cấu tổng sản phẩm trong nước.

- Chiếm khoảng 1/4 tổng sản phẩm nước ta do vậy ,các ngành nghề rất quan trọng
- Tỉ trọng sản phẩm ngành nông, lâm ngư nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước có xu hướng ngày càng giảm ,đó là tất yếu vì nước ta đẩy mạnh công nghiệp hóa ,các nước tiên tiến luôn có tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng cao trong tổng thu nhập quốc dân ,đây là điều đáng mừng đối với nước ta.

2. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến

- Lương thực : Lúa, gạo, ngô, sắn,...khoai tây, khoai lang.
- Thực phẩm: Thịt, sữa, trứng..., cá , tôm, cua
- Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến:Các loại thủy ,hải sản đóng hộp, chè, cà phê, cam, dưa ,vải mít , dưa chuột ... (đóng hộp hoặc sấy khô)

3. Ngành nông, lâm, ngư nghiệp có vai trò quan trọng trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu
Tổng giá trị xuất khẩu chiếm tỉ lệ quan trọng trong nền kinh tế quốc dân

4. Hoạt động nông, lâm, ngư nghiệp còn chiếm trên 50% tổng số lao động tham gia vào ngành kinh tế.

+ **Tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay.**

1. Thành tựu

- Thành tựu nổi bật nhất là sản xuất lương thực tăng liên tục
- Thành tựu thứ hai của ngành nông, lâm, ngư nghiệp là bước đầu đã hình thành một số ngành sản xuất hàng hóa với các vùng sản xuất tập trung, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu
- Một số sản phẩm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã được xuất khẩu ra thị trường quốc tế.

2. Hạn chế:

- Năng suất và chất lượng còn thấp
- Hệ thống giống cây trồng và vật nuôi ,cơ sở bảo quản, chế biến nông, lâm, ngư nghiệp thủy sản còn lạc hậu và chưa đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

+ **Phương hướng nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta.**

- Tăng cường sản xuất lương thực để đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia.
- Đầu tư phát triển chăn nuôi để đưa ngành này thành ngành sản xuất chính
- Xây dựng một nền nông nghiệp tăng trưởng nhanh và bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái – một nền nông nghiệp sản xuất đủ lương thực , thực phẩm đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu nhưng không gây ô nhiễm và suy thoái môi trường.
- Áp dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực chọn, tạo giống vật nuôi cây trồng để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm
- Đưa tiến bộ khoa học kĩ thuật vào khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch để giảm bớt hao hụt sản phẩm và nâng cao chất lượng nông, lâm, ngư nghiệp.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.
- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài mở đầu

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

Câu 1: Vai trò của ngành nông, lâm, ngư nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

Câu 2: Nêu những thành tựu và hạn chế của ngành nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta hiện nay.

Cho ví dụ minh họa.

Câu 3: Tại sao sản xuất lương thực là thành tựu nổi bật nhất? Lương thực tăng liên tục có ý nghĩa gì?

Câu 4: Phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông lâm, ngư nghiệp.

Câu 5: Tại sao đưa ngành chăn nuôi lên sản xuất chính?

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

**Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài mở đầu. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu công nghệ và xây dựng , dịch vụ, nông, lâm, ngư nghiệp ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu công nghệ và xây dựng , dịch vụ, nông, lâm, ngư nghiệp ở địa phương.

theo các câu hỏi gợi ý sau:

Nông, lâm, ngư nghiệp thông qua các hoạt động sản xuất đã có những ảnh hưởng như thế nào tới sinh thái môi trường

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về nông, lâm, ngư nghiệp.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về nông, lâm, ngư nghiệp

3) Sản phẩm học tập
Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về nông, lâm, ngư nghiệp.

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 2. KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ

- Biết được mục đích ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.

- Biết được nội dung của các thí nghiệm so sánh giống cây trồng, kiểm tra kỹ thuật, sản xuất quảng cáo trong hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng.

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích, so sánh.

- Có nhận thức đúng đắn và thái độ tôn trọng đối với các nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông lâm, ngư, nghiệp qua đó góp phần định hướng nghề nghiệp trong tương lai của bản thân.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

- Biết được mục đích ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.

- Biết được nội dung của các thí nghiệm so sánh giống cây trồng, kiểm tra kỹ thuật, sản xuất quảng cáo trong hệ thống khảo nghiệm giống cây trồng.

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích, so sánh.

- Có nhận thức đúng đắn và thái độ tôn trọng đối với các nghề nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông lâm, ngư, nghiệp qua đó góp phần định hướng nghề nghiệp trong tương lai của bản thân.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

Kế hoạch bài học.

2. Chuẩn bị của HS :

- Nghiên cứu trước nội dung bài học 2.

- Bảng phụ, SGK

- Tìm hiểu về các loại khảo nghiệm giống cây trồng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số, tác phong.

2. Kiểm tra bài cũ : Tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta những năm qua như thế nào?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Học sinh hiểu được mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng, các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.

2) Nội dung

- Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng

- Tìm hiểu các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp thông tin, tạo tình huống có vấn đề bằng một số câu hỏi:

- Ở huyện Krong Pa trồng được thuốc lá, điều ... nhưng không trồng được các loại cây như: cà phê, cao su....Em có thể giải thích?

- Vào khoảng năm 1997, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có hiện tượng: Khi nhập giống bắp từ Trung Quốc về trồng, cây sinh trưởng rất tốt, trái rất to nhưng không có hạt. Điều này gây thiệt hại rất lớn cho bà con nông dân. Vậy đâu là nguyên nhân của hiện tượng trên?

- Vậy trước khi đưa giống mới vào sản xuất đại trà, chúng ta cần phải làm gì? Và làm bằng cách nào?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế tình hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của nước ta, học sinh làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài khảo nghiệm giống cây trồng

2) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài khảo nghiệm giống cây trồng để vận dụng kiến thức về để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng

- Tìm hiểu các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu các nhiệm vụ HS cần thực hiện :

- Nghiên cứu nội dung bài 2 - SGK Công nghệ 10 mục I trả lời câu hỏi sau: Muốn biết giống cây trồng có phù hợp với điều kiện sinh thái ở địa phương hay không ta cần phải làm gì? Khảo nghiệm giống cây trồng nhằm mục đích gì?

- Nghiên cứu nội dung bài 2 - SGK Công nghệ 10 mục II trả lời câu hỏi sau: Phạm vi, nội dung, mục đích của các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng là gì?

GV chia lớp thành 4 nhóm và hướng dẫn HS nghiên cứu SGK để thảo luận.

- HS làm việc cá nhân: nghiên cứu các nội dung trong SGK, tài liệu tham khảo, suy nghĩ và viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ của bản thân.

- HS làm việc nhóm: Lần lượt từng thành viên trong nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình. Thư kí nhóm ghi lại các ý kiến, thảo luận và thống nhất ý kiến trong nhóm chuyên gia. Các thành viên trong nhóm ghi bổ sung các ý kiến cả nhóm đã thống nhất để chuẩn bị báo cáo.

- Nhóm 1: Tìm hiểu về mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.
- Nhóm 2: Tìm hiểu về phạm vi, nội dung, mục đích của thí nghiệm so sánh giống
- Nhóm 3: Tìm hiểu về phạm vi, nội dung, mục đích của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật.
- Nhóm 4: Tìm hiểu về phạm vi, nội dung, mục đích của thí nghiệm sản xuất quảng cáo.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II trong SGK (từ trang 9 đến trang 11). Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

* Mục đích, ý nghĩa của công tác khảo nghiệm giống cây trồng.

- Xác định được điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp với từng giống cây trồng
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống luân canh, kỹ thuật canh tác... phù hợp với từng giống
- Kịp thời đưa giống mới vào sản xuất đại trà.

* Các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng

1. Thí nghiệm so sánh giống

- * Mục đích: So sánh giống mới và giống sản xuất đại trà nhằm xác định tính ưu việt của giống mới
- * Nội dung: So sánh toàn diện giống mới và giống sản xuất đại trà về các chỉ tiêu:

- Sinh trưởng, phát triển
- Năng suất, chất lượng sản phẩm
- Khả năng chống chịu...

2. Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật

- * Mục đích: Kiểm tra những đề xuất của cơ quan chọn tạo giống để xác định quy trình kỹ thuật chuẩn bị cho sản xuất đại trà

- * Nội dung: Gieo trồng và chăm sóc giống mới với nhiều chế độ khác nhau

3. Thí nghiệm sản xuất quảng cáo

- * Mục đích: Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà

- * Nội dung:

- Tổ chức hội nghị đầu bờ để đánh giá năng suất, chất lượng của giống mới
- Tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng về giống mới.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài khảo nghiệm giống cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV sử dụng các câu hỏi/ bài tập ở mức vận dụng thấp và vận dụng cao đã xây dựng ở mục V giao cho HS thực hiện. Cụ thể là:

1/ Nội dung của thí nghiệm sản xuất quảng cáo là:

- A. Bố trí sản xuất so sánh giống mới với giống sản xuất đại trà.
- B. Bố trí sản xuất với các chế độ phân bón khác nhau.
- C. Bố trí thí nghiệm trên diện rộng, quảng cáo và tổ chức hội nghị đầu bờ.
- D. Tổ chức hội nghị đầu bờ.

2/ Giống như thế nào thì được phép phổ biến trong sản xuất đại trà?

- A. Giống thuần chủng. B. Giống Quốc Gia. C. Giống nhập nội. D. Giống lai.

3/ Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật nhằm xác định:

- A. Năng suất, chất lượng. B. Khả năng chống chịu.
- C. Mật độ, thời vụ gieo trồng, chế độ phân bón D. Khả năng thích nghi.

4/ Thí nghiệm so sánh nhằm mục đích:

- A. Đề ra kỹ thuật canh tác giống mới. B. Xác định tính ưu việt của giống đại trà.
- C. Xác định tính ưu việt của giống mới. D. Đưa giống vào sản xuất đại trà.

5/ Trong thí nghiệm so sánh thì giống mới được bố trí so sánh với giống nào?

- A. Giống mới khác. B. Giống thuần chủng. C. Giống phổ biến đại trà. D. Giống nhập nội.

6/ Giống mới được chọn tạo hoặc nhập nội được so sánh với giống nào? So sánh về các chỉ tiêu gì?

7/ Mục đích của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật là gì? Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật được tiến hành ở phạm vi nào?

8/ Thí nghiệm sản xuất quảng cáo nhằm mục đích gì?

9/ Vì sao phải khảo nghiệm giống cây trồng trước khi đưa vào sản xuất đại trà?

HS làm các bài tập vận dụng, sau đó hoạt động nhóm đôi để trao đổi, chia sẻ kết quả làm bài tập.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài mở đầu. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

GV giao cho HS về nhà thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Tìm hiểu, xác định một số giống cây trồng được nhập nội ở địa phương.
- + Tìm hiểu các loại thí nghiệm khảo nghiệm cụ thể ở địa phương.

HS tiến hành:

+ Thu thập và ghi chép các thông tin thu thập được qua thực hiện hoạt động vận dụng. Có thể dùng máy ảnh hoặc điện thoại di động chụp lại các hình ảnh để minh họa cho các thông tin thu thập được.

+ Cách trình bày kết quả thực hành (bằng các slides có hình ảnh đi kèm với thông tin hoặc trình bày trên giấy khổ to).

- Nêu phương thức hoạt động: Hoạt động theo nhóm (4 nhóm). Các nhóm trưởng hoặc tổ trưởng trao đổi với các bạn trong nhóm lập kế hoạch và phân công thực hiện nhiệm vụ.

- Lần lượt đại diện của các nhóm HS trình bày, phân tích kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm mình. Các HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi hoặc bình luận kết quả đạt được của nhóm vừa trình bày.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về khảo nghiệm giống cây trồng.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

HS tự nguyện tham gia ở gia đình, cộng đồng để mở rộng hiểu biết, kỹ năng thực hiện khảo nghiệm giống cây trồng mới.

- Hướng dẫn HS tìm đọc sách khoa học kỹ thuật hoặc tra cứu trên mạng internet để tìm hiểu thêm về kỹ thuật gieo trồng một giống mới phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của địa phương.

- Tham gia thực hiện các biện pháp kỹ thuật trồng thí nghiệm một giống mới tại gia đình (trồng ở vườn của gia đình hoặc trồng trong chậu). Theo dõi và ghi chép kết quả thu thập được.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về khảo nghiệm giống cây trồng.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 3. SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Hiểu được mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng trong nông nghiệp, sản xuất cây rừng.
- Biết được hệ thống xuất giống cây trồng các loại.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn, thụ phấn chéo, cây nhân giống vô tính và giống cây rừng.
- Phân tích, quan sát, so sánh, khái quát hoá .
- Có ý thức tích cực bảo vệ giống cây trồng
- Có ý thức lựa chọn giống phù hợp với điều kiện của địa phương
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng trong nông nghiệp, sản xuất cây rừng.

- Biết được hệ thống xuất giống cây trồng các loại.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn, thụ phấn chéo, cây nhân giống vô tính và giống cây rừng.

2.1.2. Năng lực giải quyết vấn đề:

- Giải thích các mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng
- Đưa ra được sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng giải thích sự khác nhau.

2.1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng.

2.1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo: So sánh giống cây tự thụ phấn và cây thụ phấn chéo.

2.2 . Năng lực chuyên biệt

- Quan sát các sơ đồ sản xuất giống cây trồng và hệ thống sản xuất giống cây rừng.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Sản xuất giống cây trồng	Mục đích của công tác sản xuất giống và hệ thống sản xuất giống cây trồng.	- Vẽ sơ hệ thống sản xuất giống cây trồng. - Các giai đoạn trong hệ thống sản xuất giống cây trồng	- Vẽ sơ đồ duy trì và phục tráng của sản xuất giống cây trồng.	- So sánh qui trình sản xuất giống cây theo sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Trình bày mục đích của công tác sản xuất giống và hệ thống sản xuất giống cây trồng.

Câu 2: Trình bày các giai đoạn trong hệ thống sản xuất giống cây trồng.

Câu 3: Vẽ sơ đồ hệ thống sản xuất giống cây trồng.

Câu 4: Thế nào là hạt SNC, hạt NC, hạt XN?

Câu 5: Vẽ sơ đồ duy trì và phục tráng của sản xuất giống cây trồng.

Câu 6: So sánh qui trình sản xuất giống cây theo sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Phóng to hình 3.1 (hệ thống sản xuất giống cây trồng); hình 3.2 (sản xuất hạt giống theo sơ đồ duy trì ở cây tự thụ phấn); hình 3.3 (sản xuất giống theo sơ đồ phục tráng ở cây tự thụ phấn; hình 3.4 (sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo).

2. Chuẩn bị của HS :

- Bảng phụ, SGK, vở ghi chép.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Tại sao phải khảo nghiệm giống cây trồng trước khi đưa vào sản xuất đại trà ?
- Thí nghiệm so sánh nhằm mục đích gì ?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của công tác giống cây trồng, nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu mục đích của công tác sản xuất giống, các giai đoạn trong hệ thống sản xuất giống.
- Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng nông nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc SGK và thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

- Em hãy nêu một số giống cây trồng ở địa phương có biểu hiện thoái hóa, kém phẩm chất cần được cải tạo?
- Một giống lúa tốt sau khi thu hoạch trích lại một phần cất làm giống năm sau, qua nhiều lần thấy năng suất giảm vì sao?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về giống cây trồng ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về sản xuất giống cây trồng của nước ta .

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài mở đầu

3) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài sản xuất giống cây, để:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về sản xuất giống cây của nước ta.
- Vận dụng kiến thức về sản xuất giống cây trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Mục đích của công tác sản xuất giống và hệ thống sản xuất giống cây trồng.
- Hệ thống sản xuất giống cây trồng.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng.

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm tự nghiên cứu lí thuyết của bài học và quan sát hình 3.1 (hệ thống sản xuất giống cây trồng); hình 3.2 (sản xuất hạt giống theo sơ đồ duy trì ở cây tự thụ phấn); hình 3.3 (sản xuất giống theo sơ đồ phục tráng ở cây tự thụ phấn; hình 3.4 (sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo) để trả lời các câu hỏi dưới đây:

- Nhóm 1: Nêu các mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.
- Nhóm 2: cho biết HTSXG gồm mấy giai đoạn ? Nội dung từng giai đoạn .
- Nhóm 3: So sánh qui trình sản xuất giống cây theo sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng.
- Nhóm 4: Trình bày vai trò của giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp.

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lí thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

*Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II, mục III trong SGK (từ trang 12 đến trang 14). Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

I. Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng.

- Duy trì, củng cố độ thuần chủng, sức sống và tính trạng điển hình của giống.

- Tạo ra đủ số lượng giống cung cấp cho sản xuất đại trà.

- Đưa giống tốt phổ biến nhanh vào sản xuất.

II. Hệ thống sản xuất giống cây trồng

*Giai đoạn 1: Sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng

- Hạt giống siêu NC: Hạt giống có chất lượng cao và độ thuần khiết rất cao.

- Nhiệm vụ: Duy trì, phụ tráng và sản xuất hạt giống SNC.

- Nơi thực hiện: Các xí nghiệp, các trung tâm sản xuất giống chuyên trách.

* Giai đoạn 2: Sản xuất hạt giống nguyên chủng từ siêu nguyên chủng

- Hạt giống NC: Hạt giống có chất lượng cao được nhân ra từ hạt giống SNC

- Nơi thực hiện: Các công ti hoặc các trung tâm giống cây trồng.

* Giai đoạn 3: Sản xuất hạt giống xác nhận

- Hạt giống XN: Được nhân ra từ hạt giống NC để cung cấp cho nông dân sản xuất đại trà

- Nơi thực hiện: Cơ sở nhân giống liên kết giữa các công ti, trung tâm và cơ sở sản xuất.

III. Quy trình sản xuất giống cây trồng

1. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp

a. Sản xuất giống ở cây trồng tự thụ phấn.

- Đối với GCT do tác giả cung cấp giống hoặc có hạt giống siêu nguyên chủng thì quy trình sản xuất hạt giống theo sơ đồ duy trì.

Năm thứ nhất: Gieo hạt tác giả (hạt SNC), chọn cây ưu tú

Năm thứ hai: Hạt cây ưu tú gieo thành từng dòng. Chọn các dòng đúng giống, thu hoạch hỗn hợp hạt (SNC)

Năm thứ ba: nhân giống NC từ SNC

Năm thứ 4: Sản xuất hạt giống XN từ giống NC

- Các giống nhập nội, các giống bị thoái hóa (không còn giống SNC) sản xuất hạt giống theo sơ đồ phục tráng.

* *Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2*

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài sản xuất giống cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

Câu 1: Hệ thống sản xuất giống cây trồng gồm mấy giai đoạn?

- A. 1 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 2. Quy trình sản xuất giống cây trồng được xây dựng dựa vào:

- A. điều kiện tự nhiên. B. phương thức sinh sản của cây trồng.
C. điều kiện kinh tế. D. hình thức luân canh của từng vùng.

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

**Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài sản xuất giống cây trồng. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu các hình thức sản xuất giống cây trồng ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các hình thức sản xuất giống cây trồng ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về sản xuất giống cây trồng.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về sản xuất giống cây trồng.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về sản xuất giống cây trồng.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 4. SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Hiểu được mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng trong nông nghiệp, sản xuất cây rừng.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo, cây nhân giống vô tính và giống cây rừng.
- Phân tích, quan sát, so sánh, khái quát hoá .
- Có ý thức tích cực bảo vệ giống cây trồng
- Có ý thức lựa chọn giống phù hợp với điều kiện của địa phương
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng trong nông nghiệp, sản xuất cây rừng.

- Quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo, cây nhân giống vô tính và giống cây rừng.

2.1.2. Năng lực giải quyết vấn đề:

Tìm ra sự khác biệt trong quy trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn và sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.

2.1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình sơ đồ sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.

2.1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo: So sánh giống cây tự thụ phấn và cây thụ phấn chéo.

2.2 . Năng lực chuyên biệt

- Quan sát các sơ đồ sản xuất giống cây trồng và hệ thống sản xuất giống cây rừng.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Sản xuất giống cây trồng	- Đặc điểm của công tác sản xuất giống cây rừng.	- Quy trình sản xuất giống cây trồng nhân giống vô tính.	- Vẽ sơ đồ sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.	- So sánh qui trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn và sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Vẽ và làm rõ các bước trong quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.

Câu 2: Trình bày quy trình sản xuất giống cây trồng nhân giống vô tính.

Câu 3: Trình bày quy trình sản xuất giống cây rừng.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Phóng to hình 4.1 (sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo).

2. Chuẩn bị của HS :

- Bảng phụ, SGK, vở ghi chép.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng?
- So sánh qui trình sản xuất giống cây theo sơ đồ duy trì và sơ đồ phục tráng?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của công tác giống cây trồng, nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng nhân giống vô tính.
- Quy trình sản xuất giống cây rừng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc SGK và thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

- Đối với cây trồng thụ phấn chéo thì trong quy trình sản xuất cần lưu ý điều gì?
- Cây trồng nhân giống vô tính, cây rừng có đặc điểm gì? Quy trình sản xuất giống cây sẽ thực hiện thế nào?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về giống cây trồng ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về sản xuất giống cây trồng của nước ta.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới

4) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài sản xuất giống cây, để:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về sản xuất giống cây của nước ta.
- Vận dụng kiến thức về sản xuất giống cây trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Tìm hiểu quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.
- Quy trình sản xuất giống cây trồng nhân giống vô tính.
- Quy trình sản xuất giống cây rừng.

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm tự nghiên cứu lý thuyết của bài học và quan sát hình 4.1 (sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo) để trả lời các câu hỏi dưới đây:

- Nhóm 1: Nêu quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo.
- Nhóm 2: So sánh qui trình sản xuất giống cây tự thụ phấn và thụ phấn chéo.
- Nhóm 3: Nêu quy trình sản xuất giống cây trồng nhân giống vô tính.
- Nhóm 4: Nêu quy trình sản xuất giống cây rừng.

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lý thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung trong SGK. Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

III. Quy trình sản xuất giống cây trồng

1. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp

b. Sản xuất giống ở cây trồng thụ phấn chéo

- Quy trình đều làm như với cây tự thụ phấn nhưng tất cả các bước đều tiến hành trong khu cách ly và khi phải loại bỏ các cây, dòng không đạt yêu cầu thì phải tiến hành trước khi phấn chín (tung phấn).

c. Sản xuất giống ở cây trồng nhân giống vô tính

- Gđ 1: Sản xuất giống SNC bằng chọn lọc

- Gđ 2: Sản xuất giống NC từ giống SNC

- Gđ 3: Sản xuất giống XN từ giống NC

2. Sản xuất giống cây rừng

- Giai đoạn 1: Sản xuất giống siêu nguyên chủng và nguyên chủng bằng cách chọn lọc cây trội để xây dựng rừng giống hoặc vườn giống.

- Giai đoạn 2: Nhân giống cây rừng ở vườn giống hoặc rừng giống để cung cấp cho sản xuất đại trà, có thể bằng hạt hoặc giâm hom hoặc nuôi cấy mô.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài sản xuất giống cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

Câu 1: So sánh sự giống và khác nhau trong qui trình sản xuất giống ở 3 nhóm cây trồng có phương thức sinh sản khác nhau.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài sản xuất giống cây trồng. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu các hình thức sản xuất giống cây trồng ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các hình thức sản xuất giống cây trồng ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về sản xuất giống cây trồng.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về sản xuất giống cây trồng.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về sản xuất giống cây trồng.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 5. THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH SỨC SỐNG CỦA HẠT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Biết quy trình xác định sức sống của hạt.
- Làm thành thạo các thao tác của quy trình xác định sức sống của hạt giống.
- Nghiêm túc trong học tập, cẩn thận chính xác trong công việc.
- Xác định được sức sống của hạt
- Ý thức tốt trong khi làm thực hành phòng thí nghiệm. Bảo quản tốt dụng cụ trong lúc làm thực hành.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Biết quy trình xác định sức sống của hạt. Làm thành thạo các thao tác của quy trình xác định sức sống của hạt giống.

2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày cách tiến hành làm thí nghiệm

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Đưa ra cách tính tỉ lệ hạt sống

2.2 . Năng lực chuyên biệt : Làm thí nghiệm xác định sức sống của hạt.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Xác định sức sống của hạt	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được sức sống của hạt một số cây trồng nông nghiệp. - Nhận biết được giống tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được quy trình sản xuất và đánh giá sức sống của hạt giống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các cấp hạt giống. 	Đánh giá được vai trò của giống cây trồng trong sản xuất nông nghiệp.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Dùng thuốc thử Carmin ngâm hạt sau 15 phút người ta thấy những hạt có nội nhũ bị nhuộm màu là hạt chết, nếu nội nhũ không bị nhuộm màu là hạt sống. Thí nghiệm trên dùng để

- A. Xác định sức sống của hạt.
B. Kiểm tra kỹ thuật bảo quản hạt giống.
C. Kiểm tra khả năng bắt màu của hạt.
D. Xác định các loại hạt giống.

Câu 2: Người ta làm thí nghiệm xác định sức sống với 50 hạt giống thì thấy có 6 hạt bị nhuộm màu. Tỷ lệ hạt sống là?

- A. 87%. B. 86%. C. 85%. D. 88%.

Câu 3: Chọn công thức tính tỷ lệ hạt sống?. Cho biết B là số hạt sống, C là tổng số hạt thí nghiệm

- A. $A\% = B - C100\%$ B. $A\% = B \times C100\%$
C. $A\% = B \times 100\% / C$ D. $A\% = C \times 100\% B$

Câu 4: Dụng cụ nào **không** có trong mục chuẩn bị của bài thực hành xác định sức sống của hạt?

- A. Máy đo pH B. Hộp petri C. Giấy thấm D. Dao cắt hạt

Câu 5: Quy trình xác định sức sống của hạt gồm có mấy bước?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 6: Thời gian ngâm hạt trong thuốc thử có indicago cacmanh để kiểm tra sức sống của hạt là bao nhiêu?

- A. Khoảng 13 phút B. Khoảng 5 phút C. Khoảng 20 phút D. Khoảng 30 phút

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Pha chế sẵn 1 lọ thuốc thử theo hướng dẫn trong SGK.
- Chuẩn bị đủ dụng cụ, thực hành theo nội dung trong SGK (số lượng đủ cho từng HS thực hành).

2. Chuẩn bị của HS :

- HS chuẩn bị các mẫu hạt giống theo hướng dẫn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Không (kiểm tra sự chuẩn bị của HS)

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của quy trình xác định sức sống của hạt, nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu quy trình xác định sức sống của hạt.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Kiểm tra hạt giống HS được giao chuẩn bị (Ngô, đậu, lạc...)

+ Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về quy trình xác định sức sống của hạt ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về quy trình xác định sức sống của hạt ở của nước ta .

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài mở đầu

5) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài Xác định sức sống của hạt, đề:

- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về bài Xác định sức sống của hạt ở nước ta.

- Vận dụng kiến thức về Xác định sức sống của hạt trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành

- Kết quả thí nghiệm

- Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình xác định sức sống của hạt.

* Thực hiện nhiệm vụ

+ Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình thực hành

Bước 1: Lấy một mẫu khoảng 50 hạt giống ,dùng giấy thấm lau sạch, sau đó xếp vào hộp petri.

Bước 2: Đổ thuốc thử vào hộp petri sao cho thuốc thử ngập hạt .Ngâm hạt từ 10-15 phút

Bước 3: sau khi ngâm, lấy hạt ra, dùng giấy thấm lau sạch thuốc thử ở vỏ hạt

Bước 4: Dùng panh kẹp chặt hạt, sau đó đặt lên tấm kính và dùng dao cắt đôi hạt và quan sát nội nhũ.

- Nếu nội nhũ bị nhuộm màu là hạt chết

- Nếu nội nhũ không nhuộm màu là hạt sống

Bước 5: Tính tỉ lệ hạt sống

Tỉ lệ hạt sống : $A\% = B/C.100\%$

Trong đó : B: Số hạt sống

C: Tổng số hạt thí nghiệm

II. Kết quả thí nghiệm

- Tổng số hạt thí nghiệm
- Số hạt bị nhuộm màu(hạt chết)
- Số hạt không bị nhuộm màu(hạt sống)
- Tỉ lệ hạt sống(%)

III.Đánh giá kết quả (SGK)

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá .

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài Xác định sức sống của hạt.

Câu 1: Dùng thuốc thử Carmin ngâm hạt sau 15 phút người ta thấy những hạt có nội nhũ bị nhuộm màu là hạt chết, nếu nội nhũ không bị nhuộm màu là hạt sống. Thí nghiệm trên dùng để

- A. Xác định sức sống của hạt. B. Kiểm tra kỹ thuật bảo quản hạt giống.
C. Kiểm tra khả năng bắt màu của hạt. D. Xác định các loại hạt giống.

Câu 2: Người ta làm thí nghiệm xác định sức sống với 50 hạt giống thì thấy có 6 hạt bị nhuộm màu. Tỉ lệ hạt sống là?

- A. 87%. B. 86%. C. 85%. D. 88%.

Câu 3: Chọn công thức tính tỷ lệ hạt sống?. Cho biết B là số hạt sống, C là tổng số hạt thí nghiệm

- A. $A\% = B - C100\%$ B. $A\% = B \times C100\%$
C. $A\% = B \times 100\% / C$ D. $A\% = C \times 100\% B$

Câu 4: Dụng cụ nào **không** có trong mục chuẩn bị của bài thực hành xác định sức sống của hạt?

- A. Máy đo pH B. Hộp petri C. Giấy thấm D. Dao cắt hạt

Câu 5: Quy trình xác định sức sống của hạt gồm có mấy bước?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 6: Thời gian ngâm hạt trong thuốc thử có indicagocacmanh để kiểm tra sức sống của hạt là bao nhiêu?

- A. Khoảng 13 phút B. Khoảng 5 phút C. Khoảng 20 phút D. Khoảng 30 phút

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

*Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài Xác định sức sống của hạt.. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu phương pháp xác định sức sống của hạt ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các phương pháp xác định sức sống của hạt ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về xác định sức sống của hạt.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về quy trình xác định sức sống của hạt.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về quy trình xác định sức sống của hạt ở địa phương.

Ngày soạn:
Tiết .

BÀI 6. ỨNG DỤNG NUÔI CẤY MÔ TẾ BÀO TRONG NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM NGHIỆP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.
- Hiểu được khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB.
- Hiểu được cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.
- Phân tích, quan sát, so sánh, khái quát hoá .
- Có ý thức tích cực bảo vệ giống cây trồng.
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ giống tốt, quý của địa phương.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : - Hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

- Hiểu được khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB.

2.1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: - Hiểu được cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

- Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.(giải thích được từng bước cần lưu ý điều gì, vì sao?

2.1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói thông qua làm rõ quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào

2.1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo: - cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

- So sánh được các ưu, nhược điểm của nhân giống cây trồng bằng phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại.

2.2 . Năng lực chuyên biệt

- Quan sát, tìm hiểu khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB.
- Mục đích, ý nghĩa của việc ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp	- Khái niệm, cơ sở khoa học và ý nghĩa của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.	- Quy trình công nghệ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.	- Ứng dụng nuôi cấy mô, tế bào trong thực tiễn.	- So sánh được các ưu, nhược điểm của nhân giống cây trồng bằng phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Trình bày cơ sở khoa học và mục đích, ý nghĩa của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.

Câu 2: Trình bày quy trình công nghệ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào: vẽ sơ đồ, làm rõ từng bước trong qui trình.

Câu 3: Nêu ứng dụng nuôi cấy mô, tế bào trong thực tiễn.

Câu 4: So sánh được các ưu, nhược điểm của nhân giống cây trồng bằng phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Phóng to hình 6/ sgk

2. Chuẩn bị của HS :

- Bảng phụ, SGK, vở ghi chép.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Trả, nhận xét bài thực hành.

Hoạt động 1. Khởi động**1) Mục đích**

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng, nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Hiểu được khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB.
- Hiểu được cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động*** Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc SGK và thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

Bằng cách nào để tạo ra số lượng lớn giống cây trồng có kiểu gen giống nhau trong thời gian ngắn?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về giống cây trồng ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

*** Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng của nước ta .

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới**Mục đích**

- Tiếp thu kiến thức mới về bài ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng.
- Vận dụng kiến thức về ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB.
- Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành 4 nhóm. Các nhóm tự nghiên cứu lí thuyết của bài học và quan sát hình 6 để trả lời các câu hỏi dưới đây:

- Nhóm 1: Làm rõ khái niệm về phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Nhóm 2: Trình bày cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào.
- Nhóm 3: Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào gồm có những bước nào? Làm rõ từng bước?
- Nhóm 4: Nêu ý nghĩa của phương pháp nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô tế bào.

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lí thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II, mục III trong SGK. Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

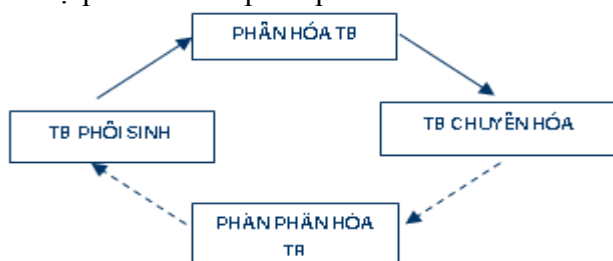
I. Khái niệm phương pháp nuôi cấy mô TB

* Nuôi cấy mô TB là phương pháp tách rời TB, mô đem nuôi cấy trong môi trường thích hợp để chúng tiếp tục phân bào rồi biệt hóa thành mô, cơ quan và phát triển thành cây mới

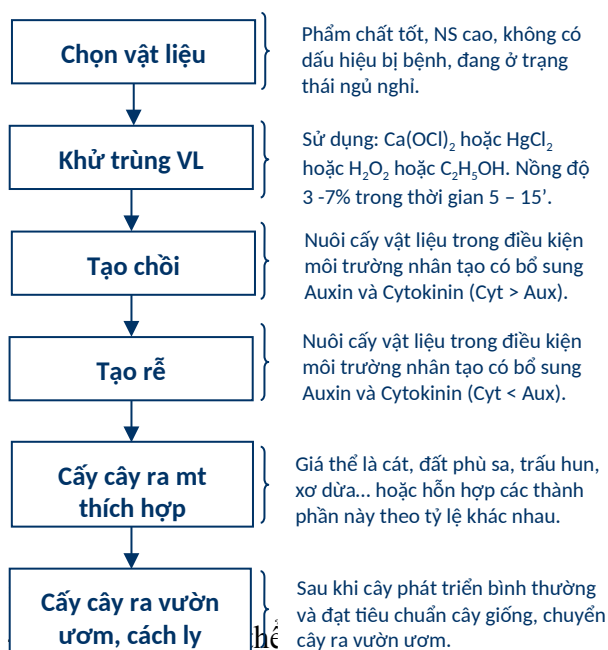
* Môi trường dinh dưỡng phù hợp: có đầy đủ các nguyên tố đa lượng (N, S, Ca, K, P...) các nguyên tố vi lượng (Fe, B, Mo, I, ...) Glucose hoặc Saccarose có thêm các chất điều hòa sinh trưởng như Auxin, Cytokinin

II. Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào**1. Tính toàn năng của tế bào**

Theo quan niệm của sinh học hiện đại, mỗi TB riêng rẽ đã phân hóa đều mang toàn bộ lượng thông tin di truyền cần thiết và đủ của cả cơ thể sinh vật đó. Khi gặp điều kiện phù hợp, mỗi TB đều có thể phát triển thành một cơ thể hoàn chỉnh

2. Sự phân hóa và phản phân hóa tế bào

* Kỹ thuật nuôi cấy TB là kỹ thuật điều khiển sự phát sinh hình thái của TBTv một cách định hướng dựa vào sự phân hóa và phản phân hóa của TB trên cơ sở tính toàn năng của TBTv khi nuôi cấy tách rời trong điều kiện nhân tạo và vô trùng.

III. Quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào

Yên đặc tính của nguyên liệu ban đầu với hệ số nhân giống cao

- Chủ động được việc sản xuất cây giống

- Tạo ra cây con khỏe mạnh, sạch virus, có thể phục tráng giống cây trồng quý hiếm

** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2*

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Làm bài tập về bài ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

** Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

Câu 1. Kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào là gì? Kể tên một số ứng dụng của kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông lâm nghiệp?

Câu 2. Cơ sở khoa học của công nghệ nuôi cấy mô, tế bào là:

A. Tế bào có tính toàn năng của tế bào

B. Tế bào không thể phát triển thành cây

C. Tế bào chỉ chuyên hóa đặc biệt

D. Mô tế bào không thể sống độc lập

Câu 3. Vật liệu thường được chọn để nuôi cấy mô là:

A. Tế bào non

B. Tế bào già vì nó đã ổn định

C. Tế bào đã phân hóa

D. Tế bào biểu bì

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu các ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu về các cơ sở nuôi cấy mô tế bào ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích Học sinh mở rộng hiểu biết về nuôi cấy mô tế bào.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về ứng dụng nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 7. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CỦA ĐẤT TRỒNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Biết được một số tính chất của đất trồng: keo đất, khả năng hấp thụ của đất, phản ứng dung dịch đất, độ phì nhiêu của đất.
- Phân tích, quan sát, khái quát hoá
- Có ý thức tích bảo vệ, cải tạo đất trồng. Vận dụng hiểu biết về đất trồng để tham gia và vận động mọi người sử dụng đất hợp lí, bảo vệ đất và áp dụng các biện pháp cải tạo đất, làm cho đất ngày càng phì nhiêu.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Nêu được khái niệm keo đất, khả năng hấp thụ của đất, phản ứng dung dịch đất, độ phì nhiêu của đất.

2.1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích được sự khác nhau giữa keo âm và keo dương.

Khi nào độ chua tiềm tàng trở thành độ chua hoạt tính. Giải thích các hoạt động sản xuất con người ảnh hưởng đến độ phì nhiêu.

2.1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình cấu tạo hạt keo, so sánh hạt keo dương và hạt keo âm, phản ứng dung dịch đất, độ phì nhiêu của đất.

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Vẽ sơ đồ cấu tạo hạt keo âm và hạt keo dương, so sánh hạt keo âm và keo dương

2.2 . Năng lực chuyên biệt

- Quan sát tranh về một số loại đất trồng và đưa ra biện pháp cải tạo.
- Làm thí nghiệm về hạt keo đất.

II. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Một số tính chất của đất trồng.	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm keo đất. - Phản ứng dung dịch đất - Độ phì nhiêu của đất 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo hạt keo âm và keo dương - Độ chua hoạt tính và độ chua tiềm tàng do nguyên nhân nào? Biện pháp khắc phục đất chua 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh hạt keo âm và keo dương - Sự hình thành độ phì nhiêu tự nhiên và độ phì nhiêu nhân tạo khác nhau ở điểm nào? 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong sản xuất nông, lâm nghiệp để thu năng suất cây trồng cao ngoài độ phì nhiêu của đất cần điều kiện gì? - Những hoạt động sản xuất nào của con người làm tăng độ phì nhiêu và làm giảm độ phì nhiêu.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Thế nào là keo đất, phản ứng dung dịch đất?

Câu 2: Keo đất có cấu tạo như thế nào?

Câu 3:: So sánh keo âm và keo dương. Khả năng trao đổi ion của dung dịch đất do ion nào quyết định?

Câu 4: Độ chua hoạt tính và độ chua tiềm tàng do nguyên nhân nào? Biện pháp khắc phục đất chua.

Câu 5: Thế nào là độ phì nhiêu? Độ phì nhiêu nhân tạo khác với độ phì nhiêu tự nhiên như thế nào?

Câu 6: Lấy ví dụ các hoạt động sản xuất nào của con người làm tăng độ phì nhiêu và làm giảm độ phì nhiêu.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tranh vẽ hình 7: Sơ đồ cấu tạo của keo đất.
- Bài soạn.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu trước nội dung bài học 7.
- Tìm hiểu một số tính chất của đất trồng ở địa phương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Trình bày qui trình công nghệ nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô tế bào ?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

Học sinh nêu khái niệm về đất và độ phì nhiêu của đất ; đề xuất một số biện pháp kĩ thuật làm tăng độ phì nhiêu của đất dựa trên những điều quan sát được từ thực tế và kiến thức, kinh nghiệm đã có về đất trồng.

2) Nội dung

GV đặt câu hỏi:

- Tại sao đất sét giữ nước tốt còn đất cát thì ngược lại?
- Tại sao bón quá nhiều phân hóa học gây chua đất?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên định hướng quan sát, tìm hiểu một số tính chất của đất trồng cho học sinh bằng cách giao nhiệm vụ và yêu cầu học sinh ghi vào vở các câu hỏi sau:

- + Nêu khái niệm keo đất và khả năng hấp phụ của đất.
- + Nêu các phản ứng của dung dịch đất.
- + Phân biệt độ phì nhiêu của đất.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về đất trồng ở địa phương, học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về một số tính chất của đất trồng và đề xuất một số biện pháp kĩ thuật làm tăng độ phì nhiêu của đất.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của cá nhân về kết quả quan sát, tìm hiểu về hiểu một số tính chất của đất trồng

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về một số tính chất của đất trồng

6) Mục đích

Tiếp thu kiến thức mới về trong một số tính chất của đất trồng SGK Công nghệ 10, để:

- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về một số tính chất của đất trồng
- Vận dụng kiến thức về một số tính chất của đất trồng trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Khái niệm keo đất, khả năng hấp phụ của đất, phản ứng dung dịch đất, độ phì nhiêu của đất
- Cấu tạo keo đất, các phản ứng dung dịch đất, phân loại độ phì nhiêu.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Tự nghiên cứu lí thuyết của bài học để trả lời 2 câu hỏi dưới đây:

- + *Keo đất là gì? Cấu tạo keo đất gồm những thành phần nào? Tại sao khi chúng ta bón phân và tưới nước thì cây có thể sử dụng và sử dụng từ từ mà không bị mất đi hay bị rửa trôi.*
- + *Cơ sở của quá trình trao đổi dinh dưỡng của đất với cây trồng*
- + *Thế nào là độ phì nhiêu của đất? Làm sao để tăng cường độ phì nhiêu cho đất.*

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lí thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

*Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II, mục III trong SGK (từ trang 22 đến trang 24). Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

I. Keo đất và khả năng hấp thụ của đất

1. Keo đất .

a. Khái niệm keo đất

Phân tử có kích thước nhỏ khoảng dưới 1 micromet, không hòa tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù.

b. Cấu tạo keo đất

- Mỗi hạt keo có một nhân. Lớp phân tử nằm phía ngoài của nhân phân li thành các ion và tạo ra lớp ion quyết định điện. Phía ngoài lớp ion quyết định điện là lớp ion bù (gồm 2 lớp : lớp ion bất động và ion khuếch tán) mang điện tích trái dấu với lớp ion quyết định.

- Có 2 loại keo âm và keo dương.

- Keo đất có khả năng trao đổi ion của mình ở lớp ion khuếch tán với các ion của dung dịch đất. Đây chính là cơ sở của sự trao đổi dinh dưỡng giữa đất và cây trồng

2. Khả năng hấp phụ của đất.

- Khả năng của đất giữ lại các chất dinh dưỡng ,các phân tử nhỏ như hạt limon, hạt sét, ... hạn chế sự rửa trôi của chúng dưới tác động nước mưa, nước tưới.

- Keo đất còn có tính hấp phụ trao đổi. Đó là khả năng trao đổi ion ở tầng khuếch tán với ion trong dung dịch đất.

II. Phản ứng của dung dịch đất

1. Phản ứng chua của đất.

a. Độ chua hoạt tính: là độ chua do H^+ trong dung dịch đất gây nên.

b. Độ chua tiềm tàng: là độ chua do H^+ và Al^{3+} trên bề mặt keo đất gây nên.

2. Phản ứng kiềm của đất

Đất chứa các muối kiềm Na_2CO_3 , $CaCO_3$,... các muối này thủy phân tạo thành $NaOH$, $Ca(OH)_2$ làm cho đất hóa kiềm.

3. Ý nghĩa:

Có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất nông, lâm nghiệp giúp ta xác định được các giống cây trồng phù hợp với từng loại đất và đề ra biện pháp cải tạo đất.

III. Độ phì của dung dịch đất

1. Khái niệm

Là khả năng của đất cung cấp đồng thời và không ngừng nước, chất dinh dưỡng, không chứa các chất độc hại cho cây, bảo đảm cho cây đạt năng suất.

2 Phân loại

- Độ phì nhiều tự nhiên: Hình thành dưới thảm thực vật tự nhiên, không tác động con người.

- Độ phì nhiều nhân tạo: hình thành do kết quả hoạt động sản xuất của con người.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời 2 câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập tình huống về cải tạo đất trồng tăng độ phì nhiêu.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập tình huống sau:

Bài tập 1. Bác B có mảnh vườn để hoang hóa lâu nay không trồng trọt gì nên đất bị cằn cỗi. Bác B đã thuê máy cày, cày xới đất, tất cả rác sinh hoạt, chai nhựa, bao bì đều bị vùi hết vào trong đất sau đó trồng cây ăn quả, trước khi trồng cây ăn quả Bác B mua phân hóa học về bón để cung cấp dinh dưỡng cho đất tức thời để cây hấp thụ.

- 1) Việc làm của bác B đã đúng hay chưa ?
- 2) Việc làm như vậy có ảnh hưởng gì đến đất vườn nhà bác?
- 3) Em sẽ giải thích với bác B như thế nào để bác thay đổi cách nâng cao độ phì nhiêu cho đất?

Bài tập 2. Em hãy đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng dưới đây:

Để nâng cao độ phì nhiêu cho đất cần	Được/ Nên	Không được/ Không nên
1. Thường xuyên sử dụng triệt để phân hóa học		
2. Bón vôi		
3. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật phân hủy nhanh trong môi trường		
4. Luân canh cây trồng		
5. Cày bừa, xới đất, phơi đất		
6. Trồng cây họ đậu		
7. Tất cả những sản phẩm phế thải vùi hết vào đất.		
8. Tăng cường bón phân chuồng, phân xanh		
9. Sau khi sử dụng cần thu gom bao gói, chai lọ đựng thuốc trừ sâu, đựng phân bón không vứt bừa bãi ra đồng ruộng, kênh mương		

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm 2 bài tập tình huống, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Đáp án 2: bài tập tình huống

Bài tập 1

- Việc làm của Bác B có đúng, có sai. Đúng là việc Bác thuê máy cày để cày xới đất thoáng khí. Sai ở điểm là trước khi cày Bác B không nhặt bao bì, chai lọ vì đây là những chất không phân hủy được, thứ hai là đất đang hoang hóa thì không thể dùng phân hóa học ngay từ đầu.

- Việc làm như vậy không có tác dụng tăng độ phì nhiêu cho đất.

- Vậy để tăng độ phì nhiêu cho đất thì trước khi cày nên nhặt hết tất cả bao bì, rác thải và bón lót bằng phân hữu cơ hoặc là phân xanh.

Bài tập 2. Em hãy đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng dưới đây:

Để nâng cao độ phì nhiêu cho đất cần	Được/ Nên	Không được/ Không nên
1. Thường xuyên sử dụng triệt để phân hóa học		X
2. Bón vôi	X	
3. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật phân hủy nhanh trong môi trường	X	
4. Luân canh cây trồng	X	
5. Cày bừa, xới đất, phơi đất	X	
6. Trồng cây họ đậu	X	
7. Tất cả những sản phẩm phế thải vùi hết vào đất.		X
8. Tăng cường bón phân chuồng, phân xanh	X	
9. Sau khi sử dụng cần thu gom bao gói, chai lọ đựng thuốc trừ sâu, đựng phân bón không vứt bừa bãi ra đồng ruộng, kênh mương	X	

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về keo đất, phản ứng cation dịch đất, độ phì nhiêu của đất và các biện pháp nâng cao độ phì nhiêu cho đất. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu, phân tích, đánh giá việc nâng cao độ phì nhiêu ở gia đình, địa phương.
- Đề xuất biện pháp nâng cao độ phì nhiêu cho đất.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật ở gia đình, địa phương theo các câu hỏi gợi ý sau:

- (1) *Nêu và nhận xét việc sử dụng các biện pháp nâng cao độ phì nhiêu của gia đình em hoặc những người mà em quen biết.*
- (2) *Đề xuất biện pháp nâng cao độ phì nhiêu cho đất.*

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về đất trồng

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về hiểu một số tính chất của đất trồng và biện pháp kỹ thuật làm tăng độ phì nhiêu của đất.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về một số tính chất của đất trồng.

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 8. THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH ĐỘ CHUA CỦA ĐẤT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ

- Biết quy trình xác định độ chua của đất.
- Làm thành thạo các thao tác của quy trình xác định độ chua của đất.
- Nghiêm túc trong học tập, cẩn thận chính xác trong công việc.

- Xác định được độ chua của đất.
- Ý thức tốt trong khi làm thực hành phòng thí nghiệm. Bảo quản tốt dụng cụ trong lúc làm thực hành.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Biết quy trình xác định độ chua của đất. Làm thành thạo các thao tác của quy trình xác định độ chua của đất.

2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày cách tiến hành làm thí nghiệm

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Đưa ra cách tính độ chua của đất.

2.2 . Năng lực chuyên biệt : Làm thí nghiệm xác định độ chua của đất.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Xác định độ chua của đất	- Biết cách và chuẩn bị được các dụng cụ và mẫu vật để xác định được độ chua của đất.	- Hiểu được qui trình để thực hiện đúng các bước theo qui trình.	- Xác định được độ chua của đất bằng máy đo pH.	

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

1. Phản ứng chua của dung dịch đất được qui định bởi trị số pH khi

- A. pH >7, đất chua
- B. pH < 7, đất kiềm
- C. pH < 7, đất trung tính
- D. pH < 7, đất chua

2. Thế nào là đất chua?

3. Phân biệt độ chua hoạt tính và độ chua tiềm tàng.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH Chuẩn bị của GV :

- Chuẩn bị đủ dụng cụ. thực hành theo nội dung trong SGK (số lượng đủ cho từng HS thực hành).

2. Chuẩn bị của HS :

- HS chuẩn bị các mẫu đất theo hướng dẫn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Không (kiểm tra sự chuẩn bị của HS)

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của quy trình xác định độ chua của đất, nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu quy trình xác định độ chua của đất

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

- + Kiểm tra mẫu đất HS được giao chuẩn bị.
- + Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về quy trình xác định độ chua của đất ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về quy trình xác định độ chua của đất ở của nước ta .

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài mở đầu

7) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài Xác định độ chua của đất, để:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về bài Xác định độ chua của đất ở nước ta.
- Vận dụng kiến thức về Xác định độ chua của đất trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành
- Kết quả thí nghiệm
- Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình xác định độ chua của đất

* Thực hiện nhiệm vụ

- + Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình thực hành

- Bước 1: Cân 2 mẫu đất đã chuẩn bị, mỗi mẫu 20gam vào hai bình tam giác loại 100ml
- Bước 2: Đong 50ml KCl 1N vào bình thứ nhất và 50ml nước cất vào bình thứ hai
- Bước 3: Lắc đều hai bình trong thời gian 15'
- Bước 4: Dùng máy đo pH xác định pH của dung dịch đất trong hai bình

II. Kết quả thí nghiệm

Xác định độ chua của đất

$$pH_{tb} = \frac{pH_1 + pH_2 + pH_3}{3}$$

III. Đánh giá kết quả (SGK)

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá .

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.
- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Tìm hiểu các biện pháp để cải tạo độ chua của đất.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* **Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài Xác định độ chua của đất. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu phương pháp xác định độ chua của đất ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các phương pháp xác định độ chua của đất ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về xác định độ chua của đất.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về quy trình xác định độ chua của đất.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về quy trình xác định độ chua của đất ở địa phương.

Ngày soạn:

Tiết

BÀI 10. BIỆN PHÁP CẢI TẠO VÀ SỬ DỤNG ĐẤT MẶN VÀ ĐẤT PHÈN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

Học xong bài này, HS cần đạt được:

- Biết nguyên nhân hình thành, tính chất chủ yếu và biện pháp cải tạo sử dụng đất mặn.
- Biết nguyên nhân hình thành, một số tính chất chủ yếu và biện pháp cải tạo sử dụng đất phèn

2. Kỹ năng : quan sát, phân tích, so sánh, khái quát hoá.

3. Thái độ: Có ý thức tích bảo vệ, cải tạo đất trồng. Vận dụng hiểu biết về đất trồng để tham gia và vận động mọi người sử dụng đất hợp lý, bảo vệ đất và áp dụng các biện pháp cải tạo đất, làm cho đất ngày càng phì nhiêu.

II. Định hướng phát triển năng lực

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu :

- Biết nguyên nhân hình thành, tính chất chủ yếu và biện pháp cải tạo sử dụng đất mặn.
- Biết nguyên nhân hình thành, một số tính chất chủ yếu và biện pháp cải tạo sử dụng đất phèn.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích được sự khác nhau về tính chất của đất mặn với đất phèn. Đưa ra các biện pháp cải tạo các tính chất đó.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình nguyên nhân, tính chất, biện pháp cải tạo.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Nêu được mối liên hệ giữa nguyên nhân hình thành và tính chất của đất, từ đó xác định được các biện pháp cải tạo và hướng sử dụng hợp lý đối với từng loại đất.

2 . Năng lực chuyên biệt: Quan sát hình về một số loại đất trồng.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn và đất phèn	Nguyên nhân hình thành đất mặn và đất phèn.	Tính chất của đất mặn và đất phèn.	- So sánh tính chất của đất mặn và đất phèn. - Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng đất mặn và đất phèn.	Tác dụng của từng biện pháp cải tạo đất mặn và đất phèn

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1 : So sánh tính chất của đất mặn và đất phèn.

Câu 2 : Nguyên nhân hình thành đất mặn.

Câu 3: Tính chất của đất mặn?

Câu 4 : Nguyên nhân hình thành đất phèn

Câu 5: Tính chất của đất phèn ?

Câu 6 : Trình bày các biện pháp của đất mặn và nêu tác dụng của từng biện pháp ?

Câu 7 : Trình bày các biện pháp của đất phèn và nêu tác dụng của từng biện pháp ?

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình 10.1 a,b, 10.2 a,b, 10.3 a,b SGK

Biện pháp	Tác dụng cải tạo đất của biện pháp
1. Biện pháp thủy lợi gồm những khâu nào? Nhằm mục đích gì?	
2. Tại sao đất mặn thuộc loại đất trung tính, kiềm yếu mà ng ta vẫn bón vôi để cải tạo? Viết PTPU	
3. Sau khi bón vôi cho đất một thời gian cần làm gì?	
4. Bổ sung chất hữu cơ cho đất bằng cách nào? Tác dụng	

- Phiếu học tập số 1

Đáp án PHT số 1

Biện pháp	Tác dụng cải tạo đất của biện pháp
1. Biện pháp thủy lợi gồm những khâu nào? Nhằm mục đích gì?	- Đắp đê biển và xây dựng hệ thống tưới tiêu phù hợp - hạn chế sóng biển, thủy triều và dẫn nước ngọt vào

2. Tại sao đất mặn thuộc loại đất trung tính, kiềm yếu mà ng ta vẫn bón vôi để cải tạo? Viết PTPU	- Thúc đẩy phản ứng trao đổi giữa Ca^{2+} và Na^+ , giải phóng Na^+ khỏi keo đất, thuận lợi rửa mặn - PTPU: SGK
3. Sau khi bón vôi cho đất một thời gian cần làm gì?	Cho nước ngọt vào rửa mặn và bổ sung chất hữu cơ
4. Bổ sung chất hữu cơ cho đất bằng cách nào? Có tác dụng gì?	Bón phân xanh, phân hữu cơ làm tăng lượng mùn giúp vsv phát triển, đất tơi xốp...

Phiếu học tập 2

Biện pháp	Tác dụng
1. Phản ứng của dung dịch đất khi bón vôi vào đất mặn và bón vôi vào đất phèn có gì khác nhau?	
2. Việc giữ nước liên tục thay nước thường xuyên có tác dụng gì?	
3. Vì sao không cày sâu bừa kỹ mà chỉ cày nông bừa sục?	

Đáp án PHT số 2

Biện pháp	Tác dụng
1. Phản ứng của dung dịch đất khi bón vôi vào đất mặn và bón vôi vào đất phèn có gì khác nhau?	Rửa mặn và giải độc
2. Việc giữ nước liên tục thay nước thường xuyên có tác dụng gì?	Không bị oxi hóa làm chua đất, giữ nước cho tầng đất mặt ko bị nứt, khô cứng, thay nước làm giảm chất độc
3. Vì sao không cày sâu bừa kỹ mà chỉ cày nông bừa sục?	Các chất độc lắng sâu nếu cày sâu sẽ đẩy chất độc lên tầng mặt thúc đẩy ôxi hóa, bừa sục làm bề mặt thoáng, rễ cây hô hấp được

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK, Sưu tầm một số mẫu đất mặn và đất phèn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

GV đặt câu hỏi:

- Ở Việt Nam Đất mặn phân bố ở vùng nào? Vì sao?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

8) Mục đích

- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về đất mặn và đất phèn.

- Vận dụng kiến thức về đất mặn và đất phèn trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

* Cải tạo và sử dụng đất mặn

- Nguyên nhân hình thành

- Tính chất đất mặn.

- Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng

* Cải tạo và sử dụng đất phèn.

- Nguyên nhân gây đất nhiễm phèn

- Tính chất của đất phèn.

- Cải tạo và sử dụng đất phèn

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Thảo luận nhóm về nội dung + Nguyên nhân nào dẫn đến đất mặn là gì? + Đất mặn có những tính chất nào cần chú ý? Nhóm 2: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 1 Nhóm 3: Thảo luận nhóm về nội dung + Đất phèn là gì? Nguyên nhân nào gây ra đất phèn? + Đất phèn có những tính chất nào cần chú ý? Nhóm 4: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 2	HS tiếp nhận nhiệm vụ
Thực hiện nhiệm vụ học tập	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
Báo cáo kết quả	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
Đánh giá kết quả	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

I. Cải tạo và sử dụng đất mặn

1. Nguyên nhân hình thành

- Hình thành ở vùng ven biển do nước biển tràn vào và ảnh hưởng của nước ngầm

- Chứa nhiều Na^+ hấp thụ trên bề mặt keo đất và trong dung dịch đất

2. Tính chất đất mặn

- Tầng đất có thành phần cơ giới nặng: sét 50-60%, đất chặt, không thấm nước

- Đất chứa nhiều muối NaCl , Na_2SO_4 .

- Đất kiềm, trung tính

- Nghèo dinh dưỡng, nghèo mùn.

- Hoạt động VSV yếu.

3. Biện pháp cải tạo và hướng sử dụng

a. Biện pháp cải tạo

Nội dung PHT

b. Sử dụng đất mặn

Trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và trồng rừng ven biển

II. Cải tạo và sử dụng đất phèn.

1. Nguyên nhân hình thành đất phèn

- Hình thành vùng ven biển chứa nhiều xác sinh vật chứa lưu huỳnh (S)
- Nguyên nhân hình thành: $\text{Fe} + 2\text{S} = \text{FeS}_2$ (Quặng Pirit)
- $2\text{FeS}_2 + 7\text{O}_2 + 2\text{H}_2\text{O} = 2\text{FeSO}_4 + 2\text{H}_2\text{SO}_4$ (chua)
- FeS_2 được gọi là tầng sinh phèn

2. Tính chất của đất phèn.

- Tầng đất có thành phần cơ giới nặng: khô cứng...
- Đất rất chua, $\text{pH} < 4$. Chứa nhiều chất độc Al^{3+} , Fe^{3+} , CH_4 , H_2S
- Độ phì nhiêu thấp
- Vi sinh vật hoạt động yếu.

3. Cải tạo và sử dụng đất phèn

a. Biện pháp cải tạo

Nội dung PHT số 2

b. Sử dụng đất phèn

Trồng lúa, trồng cây chịu phèn

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung: Làm bài tập về đất mặn và đất phèn.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập sau:

- So sánh tính chất của đất mặn và đất phèn.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Giống nhau:

Khác nhau:

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học đất mặn và đất phèn. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Đề xuất biện pháp cải tạo đất mặn và đất phèn

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.
- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về đất mặn và đất phèn

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về đất mặn và đất phèn

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về đất mặn và đất phèn.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 11. THỰC HÀNH : QUAN SÁT PHẪU ĐIỆN ĐẤT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Biết cách quan sát phễu điện đất.
- Phân biệt được các tầng đất.
- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. **Năng lực tự học** : Biết cách quan sát phễu điện đất.

2.1.2. **Năng lực sử dụng ngôn ngữ** : Trình bày quy trình thực hành.

2.1.3. **Năng lực hợp tác** : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.4. **Năng lực tư duy sáng tạo** : Phân biệt được các tầng đất.

2.2. **Năng lực chuyên biệt** : Căn cứ vào màu sắc, thành phần cơ giới hoặc độ chặt, chia phễu điện đất thành từng tầng.

II. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Quan sát phễu điện đất	-Biết cách quan sát phễu điện đất.	- Hiểu được qui trình để thực hiện đúng các bước theo qui trình.	-Phân biệt được các tầng đất.	

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: **Phản ứng chua của đất được đo bằng trị số pH, nếu:**

A/ $pH < 7$ – đất trung tính .

B/ $pH < 7$ – đất kiềm .

C/ $pH > 7$ – đất chua .

D/ $pH > 7$ – đất chua.

Câu 2: Thế nào là phễu điện đất?

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Chuẩn bị bề mặt quan sát.
- Chuẩn bị đủ dụng cụ thực hành theo nội dung trong SGK.

2. Chuẩn bị của HS :

- HS chuẩn bị giấy, thước, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ** : Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của quy trình quan sát phễu điện đất.

2) Nội dung

- Quan sát phễu điện đất.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

+ Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về quy trình quan sát phễu điện đất và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về quy trình quan sát phẫu diện đất.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về bài mở đầu

9) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài quan sát phẫu diện đất, để:
- Quan sát, phân biệt các tầng đất, ghi lại kết quả.
- Vận dụng kiến thức về quan sát phẫu diện đất trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành
- Kết quả thí nghiệm
- Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình quan sát phẫu diện đất.

* Thực hiện nhiệm vụ

- + Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình thực hành

- Bước 1: Chuẩn bị phẫu diện: Mặt cắt sâu khoảng 1m, phẫu diện phải rộng.
- Bước 2: Xác định tầng đất
- Bước 3: Quan sát và mô tả phẫu diện đất.

II. Kết quả thí nghiệm

Tầng đất	Độ sâu(cm)	Màu sắc

III. Đánh giá kết quả (SGK)

Học sinh tự đánh giá theo mẫu ở SGK/ trang 37.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.
- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Phân biệt các tầng đất đối với các loại đất khác nhau.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* *Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá. Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) **Sản phẩm học tập**

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) **Mục đích**

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài Quan sát phẫu diện đất. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) **Nội dung**

- Tìm hiểu phương pháp quan sát phẫu diện đất ở địa phương.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các phương pháp quan sát phẫu diện đất ở địa phương.

4) **Sản phẩm học tập**

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) **Mục đích**

Học sinh mở rộng hiểu biết về quan sát phẫu diện đất.

2) **Nội dung và kỹ thuật thực hiện**

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về quy trình quan sát phẫu diện đất.

3) **Sản phẩm học tập**

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về quy trình quan sát phẫu diện đất ở địa phương.

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 12. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH CHẤT, KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI PHÂN BÓN THÔNG THƯỜNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Học xong bài này, HS cần đạt được:

- Biết khái niệm các loại phân bón thường dùng trong sản xuất.
- Biết một số đặc điểm chủ yếu, một số tính chất và kỹ thuật sử dụng các loại phân bón thường gặp (phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật).

2. Kỹ năng : quan sát, phân tích, so sánh, khái quát hoá.

3. Thái độ: Có ý thức tích cực bảo vệ môi trường. Vận dụng hiểu biết về phân bón để tham gia và vận động mọi người sử dụng phân bón hợp lý, tăng năng suất cây trồng, tăng độ phì nhiêu cho đất, đồng thời bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người.

II. Định hướng phát triển năng lực

STT	Tên năng lực	Các kĩ năng thành phần
1	Năng lực tự học	Học sinh xác định được mục tiêu : Biết khái niệm các loại phân bón thường dùng trong sản xuất. - Biết một số đặc điểm, tính chất và kỹ thuật sử dụng các loại phân bón thường gặp (phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật).
2	Năng lực giải quyết vấn đề :	Giải thích đặc điểm, tính chất, cách sử dụng của phân bón(phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật)..
3	Năng lực sử dụng ngôn ngữ	Phát triển ngôn ngữ nói thông qua thuyết trình khái niệm, đặc điểm, tính chất và cách sử dụng phân bón.
4	Năng lực hợp tác :	Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung
5	Năng lực tư duy	Phát triển tư duy phân tích so sánh đặc điểm , tính chất và cách sử dụng phân bón(phân hoá học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật).

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Đặc điểm, tính chất và kỹ thuật sử dụng phân một số loại phân bón thường dùng	Một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.	Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng phân hóa học và phân hữu cơ, phân vi sinh vật	- So sánh phân hóa học và phân hữu cơ. - Giải thích tại sao phân hóa học bón nhiều năm liên tục làm đất chua. - Tại sao phân hữu cơ bón nhiều, liên tục nhiều năm không hại đất?	- Vì sao phân hóa học chủ yếu là bón thúc, nếu bón lót chỉ bón một lượng nhỏ? - Vì sao phân hữu cơ trước khi bón phải ủ cho hoai mục. - Cách ủ phân hữu cơ. Tác dụng của việc ủ phân hữu cơ trước khi dùng.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1. Xác định các câu đúng (ghi Đ), sai (ghi S) trong các câu sau đây:

Câu hỏi	Đáp án
a. Phân hoá học là loại phân có vai trò cải tạo đất	
b. Phân hoá học là loại phân dễ tan (trừ phân lân)	
c. Phân hữu cơ có vai trò cải tạo đất nên cần bón với lượng nhiều	
d. Phân vi sinh là loại phân dễ tan nên sử dụng để bón thúc	

đ. Phân hữu cơ có tác dụng chậm nên không cần bón nhiều	
e. Bón nhiều phân hoá học đất dễ bị chua và dễ bị phá vỡ kết cấu viên	
g. Phân vi sinh vật được trộn hoặc tẩm vào rễ cây trước khi trồng	
h. Trước khi bón, phân hữu cơ nên được ủ kĩ	
i. Phân hoá học có nhiều nguyên tố dinh dưỡng	
k. Tỷ lệ và thành phần chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ ít và không ổn định	

Câu 2. Điền vào các vị trí (1), (2), (3) trong các câu sau sao cho phù hợp:

- a. Phân hoá học là loại phân ...(1)... vì vậy nên sử dụng để bón...(2)... Cũng có thể bón(3)... với lượng nhỏ.
b. Chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ....(1)... sử dụng được ngay, vì vậy cần bón(2)... để sau 1 thời gian, phân được.....(3)... mới cung cấp chất dinh dưỡng cho cây hấp thụ.
c. Phân vi sinh vật là loại phân có chứa....(1)... Mỗi loại phân chỉ.....(2)... với 1 hoặc 1 nhóm cây trồng nhất định.

Đáp án:

Câu 1: Đúng: b, c, e, g, h, k; Sai: a, d, đ, i

- Câu 2. a. 1. Dễ tan 2. bón thúc 3. bón lót
b. 1. không 2. bón lót 3. khoáng hoá
c. 1. vi sinh vật sống 2. phù hợp

Câu 3: Khái niệm phân hóa học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật và cho ví dụ

Câu 4: Đặc điểm, tính chất phân hóa học, phân hữu cơ, phân vi sinh vật.

Câu 5: So sánh phân hóa học và phân hữu cơ

NỘI DUNG SO SÁNH	PHÂN HOÁ HỌC	PHÂN HỮU CƠ
Số lượng chất dinh dưỡng		
Tỷ lệ chất dinh dưỡng		
Khả năng hòa tan, hiệu quả		
Tác dụng đối với đất		

Câu 6: Tại sao phân hóa học bón nhiều năm liên tục làm cho đất chua?

Câu 7: Tại sao phân hữu cơ bón nhiều, liên tục nhiều năm không hại đất?

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP 1

Các loại phân bón	Khái niệm	Ví dụ
1. Phân hóa học		
2. Phân hữu cơ		
3. Phân vi sinh vật		

PHIẾU HỌC TẬP 2

Loại phân	Phân hóa học	Phân hữu cơ
Số lượng, tỷ lệ chất dinh dưỡng		
Ví dụ		
Khả năng hấp thụ của cây, hiệu quả		
Tác dụng cải tạo đất		

PHIẾU HỌC TẬP 3

Câu hỏi	Đặc điểm, tính chất của phân vi sinh vật
Câu 1: - Thành phần chính của phân vi sinh vật là gì? - Khả năng sống và thời gian tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc vào yếu tố nào?	
Câu 2: Phân vi sinh vật có thích hợp cho tất cả cây trồng không?	
Câu 3: Bón phân vi sinh vật nhiều, liên tục nhiều năm có làm hại đất không?	

PHIẾU HỌC TẬP 4

Loại phân	Tên phân	Kĩ thuật sử dụng
Hoá học	Đạm, kali	
	Lân	
	NPK	
Hữu cơ	Phân chuồng	
	Phân xanh	
Vi sinh vật		

ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Các loại phân bón	Khái niệm	Ví dụ
Phân hóa học	Được sản xuất theo qui trình công nghiệp có sử dụng một số nguyên liệu tự nhiên hoặc tổng hợp.	Phân đạm, phân lân, phân kali, phân NPK, phân vi lượng
Phân hữu cơ	Các chất hữu cơ vùi vào đất để duy trì và nâng cao độ phì nhiêu của đất, đảm bảo cho cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt	Phân chuồng, phân xanh, phân bắc, phân rác.
Phân vi sinh vật	Chứa các loài vi sinh vật cố định đạm, chuyển hóa lân, vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.	Nitragin, Mana

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Loại phân	Phân hóa học	Phân hữu cơ
Số lượng, tỉ lệ chất dinh dưỡng	- Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ chất dinh dưỡng cao.	Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, tỉ lệ từng nguyên tố thấp và không ổn định
Ví dụ	Phân urê (NH_2) ₂ CO chứa 46% đạm nguyên chất, đạm sunphat (NH_4) ₂ SO ₄ chứa 20-21% đạm nguyên chất	Trong phân chuồng loại tốt chỉ có 0,35% đạm, 0,15% lân, 0,6% kali
Khả năng hấp thụ của cây, hiệu quả	Dễ tan (trừ phân lân) nên cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh.	- Khó tan, cây không sử dụng được ngay phải qua quá trình khoáng hóa cây mới sử dụng được, hiệu quả chậm
Tác dụng cải tạo đất	- Không có tác dụng cải tạo đất, bón nhiều, liên tục nhiều năm (đặc biệt là	- Có tác dụng cải tạo đất, tạo ra mùn giúp hình thành kết cấu viên cho đất

phân đạm, phân lân) làm đất hóa chua

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Câu hỏi	Đặc điểm, tính chất của phân vi sinh vật
Câu 1: - Thành phần chính của phân vi sinh vật là gì? - Khả năng sống và thời gian tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc vào yếu tố nào?	- Chứa vi sinh vật sống. Khả năng sống và thời gian tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc vào điều kiện ngoại cảnh nên thời gian sử dụng ngắn. Ví dụ: Phân VSV cố định đạm có chứa nhóm VSV cố định nitơ tự do sống cộng sinh với cây họ đậu
Câu 2: Phân vi sinh vật có thích hợp cho tất cả cây trồng không?	- Mỗi loại phân chỉ thích hợp một hoặc một nhóm cây trồng nhất định
Câu 3: Tác dụng cải tạo đất.	Bón nhiều, liên tục nhiều năm không làm hại đất Có tác dụng cải tạo đất.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Nhóm phân	Tên phân	Kỹ thuật sử dụng
Hoá học	Đạm, kali	Dùng bón thúc là chính, nếu bón lót chỉ dùng 1 lượng nhỏ.
	Lân	Dùng bón lót
	NPK	Dùng bón lót hoặc bón thúc
Hữu cơ	Phân chuồng	- Dùng bón lót là chính nhưng trước khi bón cần ủ cho hoai mục - Khi sử dụng phân chuồng cần vùi ngay vào đất để tránh mất đạm
	Phân xanh	- Bón lót trực tiếp cho cây bằng cách vùi kín vào đất - Ngâm trong bể lấy nước tưới cho cây → tác dụng cải tạo đất kém - Ủ với phân chuồng rồi đem bón lót cho cây
Vi sinh vật		- Trộn hoặc tẩm vào hạt, rắc trước khi gieo trồng - Bón trực tiếp vào đất để tăng số lượng VSV có ích cho đất

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.- Bảng phụ, SGK, Sưu tầm một số phân bón thường dùng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.* **Kiểm tra bài cũ :** không**Hoạt động 1. Khởi động**

GV đưa thông tin sau:

Muốn nâng cao năng suất cây trồng, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm của loài người, ngoài yếu tố giống tốt còn cần phải cung cấp đủ và hợp lý chất dinh dưỡng cho cây. Khối lượng chất dinh dưỡng trong đất rất lớn nhưng luôn biến đổi theo hướng bị giảm dần.

GV đặt câu hỏi:

- + Vì sao chất dinh dưỡng trong đất bị giảm dần?
- + Bổ sung chất dinh dưỡng cho cây bằng cách nào?
- + Tác dụng của phân bón đối với đất và cây trồng?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Phân bón có vai trò rất quan trọng và không thể thiếu được đối với sản xuất nông nghiệp, là cơ sở cho việc sản xuất nông nghiệp thâm canh đạt hiệu quả cao và bền vững. Để sử dụng phân bón đạt hiệu quả cao người sử dụng cần có những hiểu biết cần thiết về phân bón.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

10) Mục đích

- HS biết được những loại phân bón mà nông dân ta thường dùng
- Trình bày được những đặc điểm, tính chất các loại phân bón
- Nắm được kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp
- Vận dụng kiến thức phân bón để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- * Một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp
- * Đặc điểm, tính chất của một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp
- * Kỹ thuật sử dụng

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 1 Nhóm 2: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 2 Nhóm 3: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 3 Nhóm 4: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 4	HS tiếp nhận nhiệm vụ
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

I/ Một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp:**1. Phân hóa học:**

- Là loại phân được sản xuất theo quy trình công nghiệp.
- Trong quá trình sản xuất có sử dụng một số nguyên liệu tự nhiên hoặc tổng hợp.
- Phân hóa học có thể là phân đơn, phân đa: phân đạm, lân, kali...

2. Phân hữu cơ:

- Là loại phân được chế biến từ các chất thải của động vật, người, xác các loại thực vật và vi sinh vật.
- Phân hữu cơ gồm: phân chuồng, phân xanh, phân bắc...

3. Phân vi sinh vật:

Là loại phân có chứa các loại vi sinh vật cố định đạm, chuyển hóa lân hoặc vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.

II /Đặc điểm ,tính chất của một số loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp:**1-Đặc điểm của phân hóa học:**

- Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng, nhưng tỉ lệ chất dinh dưỡng cao.
- Dễ hòa tan(trừ phân lân) nên cây dễ hấp thụ và cho hiệu quả nhanh.
- Bón nhiều và liên tục → đất hóa chua.

2. Đặc điểm của phân hữu cơ:

- Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng, nhưng thành phần và tỉ lệ không ổn định.
- Những chất dinh dưỡng trong phân hữu cơ cây không sử dụng được ngay mà phải qua quá trình khoáng hóa cây mới sử dụng được nên hiệu quả chậm.
- Bón nhiều và liên tục không hại đất.

3. Đặc điểm của phân vi sinh vật

- Chứa nhiều vi sinh vật sống. Khả năng sống và tồn tại của vi sinh vật phụ thuộc điều kiện ngoại cảnh nên thời hạn sử dụng ngắn.
- Mỗi loại phân bón chỉ thích hợp với một nhóm cây trồng nhất định.
- Bón phân vi sinh vật liên tục nhiều năm không hại đất.

III/ Kỹ thuật sử dụng :**1. Sử dụng phân hóa học:**

- Bón thúc là chính.
- Phân lân khó hòa tan nên dùng để bón lót. Phân đạm, lân có thể bón lót nhưng với lượng nhỏ.
- Bón đạm, kali nhiều năm liên tục đất sẽ bị chua nên cần bón vôi để cải tạo.
- Phân hỗn hợp NPK có thể dùng bón lót hoặc bón thúc. Tùy từng loại cây trồng mà bón từng loại NPK khác nhau.

Ví dụ: SGK.

- Để nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, hiện nay đang có xu hướng sản xuất phân phức hợp, phân nén, phân chậm tan...

2. Sử dụng phân hữu cơ:

- Bón lót là chính.
- Ủ cho hoai trước khi bón.

3. Sử dụng phân vi sinh vật :

- Trộn hoặc tẩm vào hạt, rắc cây trước khi gieo trồng.
- Phân vi sinh vật có thể bón trực tiếp vào đất để tăng số lượng vi sinh vật có ích cho đất.

Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về phân bón

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập sau:

So sánh phân hóa học và phân hữu cơ

NỘI DUNG SO SÁNH	PHÂN HOÁ HỌC	PHÂN HỮU CƠ
Số lượng chất dinh dưỡng		
Tỉ lệ chất dinh dưỡng		
Khả năng hòa tan, hiệu quả		
Tác dụng đối với đất		

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

**Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

NỘI DUNG SO SÁNH	PHÂN HOÁ HỌC	PHÂN HỮU CƠ
Số lượng chất dinh dưỡng	- Chứa ít nguyên tố dinh dưỡng	Chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng,
Tỉ lệ chất dinh dưỡng	tỉ lệ chất dinh dưỡng cao	tỉ lệ từng nguyên tố thấp và không ổn định
Khả năng hòa tan, hiệu quả	Dễ tan (trừ phân lân) nên cây dễ hấp thụ, hiệu quả nhanh.	- Khó tan, cây không sử dụng được ngay phải qua quá trình khoáng hóa cây mới sử dụng được, hiệu quả chậm
Tác dụng đối với đất	- Không có tác dụng cải tạo đất, bón nhiều, liên tục nhiều năm(đặc biệt là phân đạm, phân lân) làm đất hóa chua	- Có tác dụng cải tạo đất, tạo ra mùn giúp hình thành kết cấu viên cho đất

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã về phân bón. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Phân hữu cơ có nguồn gốc từ đâu?

(Từ các chất thải của động vật, người, xác các loại động vật và vi sinh vật → đây là nguồn phân chủ yếu của sản xuất trồng trọt)

-Tại sao phân hữu cơ tỉ lệ chất dinh dưỡng thấp và không ổn định?

(Phụ thuộc vào phẩm chất phân, chất thải, chất độn, cách chế biến và bảo quản)

-Vì sao phân hóa học thường gây chua cho đất?

(Vì phân hóa học có gốc axit (SO_4^{2-} , Cl^-) khi phân được bón vào đất xảy ra sự trao đổi cation trong đất, ion H^+ bị đẩy ra tạo thành những axit làm cho đất chua)

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về các loại phân bón thông thường

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về các loại phân bón thông thường

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về các loại phân bón thông thường

Ngày soạn:
Tiết:

BÀI 13. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH TRONG SẢN XUẤT PHÂN BÓN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Học xong bài này, HS cần đạt được:

- Biết được ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón.
- Biết được thành phần, cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật dùng trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

2. Kỹ năng: phân tích, quan sát, khái quát hoá.

3. Thái độ: Có ý thức tích cực bảo vệ môi trường. Vận dụng hiểu biết về phân bón để tham gia và vận động mọi người sử dụng phân bón hợp lí, tăng năng suất cây trồng, tăng độ phì nhiêu cho đất, đồng thời bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người.

II. Định hướng phát triển năng lực

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : - Biết được ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón.

- Biết được thành phần, cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật dùng trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích nêu lí sản xuất phân vi sinh vật.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình các loại phân vi sinh vật.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : phân biệt phân vi sinh vật cố định đạm, chuyển hóa lân, phân giải chất hữu cơ.

2. Năng lực chuyên biệt: quan sát mẫu phân vi sinh vật.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón	Một số loại phân vi sinh vật.	Thành phần và cách sử dụng phân vi sinh vật cố định đạm, chuyển hóa lân, phân giải chất hữu cơ.	- Phân vi sinh vật có thể dùng cho tất cả loại cây trồng không. - Mục đích bón phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ vào đất.	- Điểm khác nhau của các loại phân vi sinh vật.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

Câu 1. Loại phân nào có tác dụng chuyển hóa lân hữu cơ thành lân vô cơ:

- A. Phân lân hữu cơ vi sinh. B. Nitragin. C. **Photphobacterin.** D. Azogin.

Câu 2: VSV phân giải lân hữu cơ → lân vô cơ dùng để sản xuất phân:

- A. Azogin. B. Nitragin. C. **Photphobacterin.** D. Lân hữu cơ vi sinh.

Câu 3. VSV phân giải lân khó hòa tan → lân dễ hòa tan dùng để sản xuất phân:

- A. Azogin. B. Nitragin. C. Photphobacterin. D. **lân hữu cơ vi sinh.**

Câu 4. Loại phân bón nào dưới đây chứa VSV cố định đạm sống cộng sinh với cây họ đậu:

- A. Phân lân hữu cơ vi sinh. B. **Nitragin.** C. Photphobacterin. D. Azogin.

Câu 5. VSV cố định đạm hội sinh với cây lúa dùng để sản xuất phân:

- A. **Azogin.** B. Nitragin. C. Photphobacterin. D. Lân hữu cơ vi sinh.

Câu 6. Phân VSV phân giải chất hữu cơ có tác dụng gì?

- A. Chuyển hóa lân hữu cơ → lân vô cơ B. **Phân giải chất hữu cơ → chất khoáng đơn giản.**

C. Chuyển hóa lân khó tan → lân dễ tan D. Chuyển hóa N₂ → đạm

Câu 7. Để tăng độ phì nhiêu của đất chúng ta cần:

- A. Bón phân hữu cơ. B. Làm đất, tưới tiêu hợp lí.
C. Bón phân hữu cơ, tưới tiêu hợp lí. D. Làm đất, tưới tiêu hợp lí, bón phân hữu cơ.

2.2 Tự luận

Câu 1: Thế nào là ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón?

Câu 2: Nêu đặc điểm và cách sử dụng phân vi sinh vật cố định đạm, phân vi sinh vật chuyển hóa lân.

Câu 3: Mục đích chính của việc bón phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ vào đất

Câu 4: Nêu điểm giống và khác nhau cách sử dụng 3 nhóm phân vi sinh vật.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :- Giáo án. - Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV cố định đạm			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV chuyển hóa lân			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV phân giải chất hữu cơ			

ĐÁP ÁN

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV cố định đạm	Nitragin và Azogin	- Là loại phân bón có chứa các nhóm vi sinh vật cố định nitơ tự do sống cộng sinh với cây họ đậu hoặc sống hội sinh cây lúa - than bùn - chất khoáng và nguyên tố vi lượng	- Mỗi loại phân chỉ bón cho một nhóm cây trồng nhất định. - Tầm vào hạt trước khi gieo, cần tiến hành nơi râm mát, tránh ánh nắng trực tiếp làm chết VSV. - Có thể bón trực tiếp vào đất

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV chuyển hóa lân	Photphobacterin, phân lân hữu cơ vi sinh.	- Là loại phân có chứa VSV chuyển hóa lân hữu cơ thành lân vô cơ hoặc VSV chuyển hóa lân khó tan thành lân dễ tan. - Than bùn - Chất khoáng và nguyên tố vi lượng	- Bón cho tất cả các loại cây trồng - Tầm hạt giống trước khi gieo - Bón trực tiếp vào đất.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Nội dung	Tên phân	Thành phần	Cách sử dụng
Phân VSV phân giải chất hữu cơ	-Estrasol, Mana.	Là phân bón chứa các loài VSV phân giải chất hữu cơ. - than bùn - chất khoáng và nguyên tố vi lượng	- Bón cho tất cả các loại cây trồng - Bón trực tiếp vào đất. - Trộn ủ với phân chuồng

2. Chuẩn bị của học sinh- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

- Bảng phụ, SGK, Sưu tầm một số loại phân vi sinh vật thường dùng

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Nêu cách sử dụng các loại phân bón thường dùng trong nông, lâm nghiệp.

Hoạt động 1. Khởi động GV giới thiệu về công nghệ vi sinh

Công nghệ vi sinh là ngành công nghệ khai thác sử dụng hoạt động sống của vi sinh vật để sản xuất ra các sản phẩm có giá trị phục vụ nhu cầu của con người. Trong sản xuất nông nghiệp người ta đã ứng dụng công nghệ vi sinh vào nhiều lĩnh vực, trong đó có sản xuất phân bón.

GV đặt câu hỏi: - Kể tên một số vi sinh vật mà em biết?

- Để sản xuất phân vi sinh vật người ta thường sử dụng vi sinh vật nào?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) **Nội dung** - HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) **Sản phẩm học tập** - Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

1) **Mục đích**

- HS biết được nguyên lý sản xuất phân bón, thành phần và cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật và cách sử dụng các loại phân bón vi sinh.

- Vận dụng kiến thức phân bón để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) **Nội dung**

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

* Nguyên lý sản xuất phân vi sinh vật

* Một số loại phân vi sinh thường dùng.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Học sinh thảo luận và trả lời - Thế nào là công nghệ vi sinh vật? - Có những loại phân vi sinh dùng trong nông, lâm nghiệp. - Nêu nguyên lý Sản xuất phân vi sinh? Nhóm 2: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 1 Nhóm 3: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 2 Nhóm 4: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 3	HS tiếp nhận nhiệm vụ
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

I. Nguyên lý sản xuất phân vi sinh vật.

- Nhân giống chủng VSV đặc hiệu, sau đó trộn với chất nền

II. Một số loại phân vi sinh thường dùng

1. Phân vi sinh vật cố định đạm

Nội dung phiếu học tập 1

2. Phân vi sinh vật chuyển hóa lân.

Nội dung phiếu học tập 2

3. Phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ.

Nội dung phiếu học tập 3

Hoạt động 3. Luyện tập

1) **Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) **Nội dung**

Làm bài tập về ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm bài tập sau:

Câu 1. Loại phân nào có tác dụng chuyển hóa lân hữu cơ thành lân vô cơ:

A. Phân lân hữu cơ vi sinh. B. Nitragin. C. **Photphobacterin.** D. Azogin.

Câu 2: VSV phân giải lân hữu cơ → lân vô cơ dùng để sản xuất phân:

A. Azogin. B. Nitragin. C. **Photphobacterin.** D. Lân hữu cơ vi sinh.

Câu 3: VSV phân giải lân khó hòa tan → lân dễ hòa tan dùng để sản xuất phân:

A. Azogin. B. Nitragin. C. Photphobacterin. D. **lân hữu cơ vi sinh.**

Câu 4: Loại phân bón nào dưới đây chứa VSV cố định đạm sống cộng sinh với cây họ đậu:

A. Phân lân hữu cơ vi sinh. B. **Nitragin.** C. Photphobacterin. D. Azogin.

Câu 5: VSV cố định đạm hội sinh với cây lúa dùng để sản xuất phân:

A. **Azogin.** B. Nitragin. C. Photphobacterin. D. Lân hữu cơ vi sinh.

Câu 6: Phân VSV phân giải chất hữu cơ có tác dụng gì?

A. Chuyển hóa lân hữu cơ → lân vô cơ B. **Phân giải chất hữu cơ → chất khoáng đơn giản.**

C. Chuyển hóa lân khó tan → lân dễ tan D. Chuyển hóa N₂ → đạm

Câu 7: Để tăng độ phì nhiêu của đất chúng ta cần:

A. Bón phân hữu cơ. B. Làm đất, tưới tiêu hợp lí.

C. Bón phân hữu cơ, tưới tiêu hợp lí. D. **Làm đất, tưới tiêu hợp lí, bón phân hữu cơ.**

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

**Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

1C, 2C, 3D, 4B, 5A, 6B, 7D

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã về ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Nêu Ý nghĩa thực tế của việc bón phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ?

(Bón vi sinh vật phân giải chất hữu cơ để làm tăng lượng vi sinh vật phân giải hữu cơ trong đất, những vi sinh vật này tiết ra các enzym phân giải xenlulo (thành phần chính của xác thực vật) thành những chất khoáng đơn giản mà cây có thể hấp thụ được. Nếu không bón phân vi sinh vật phân giải hữu cơ thì sẽ gây lãng phí rất lớn lượng chất hữu cơ do cây không hấp thụ được)

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về ứng dụng của công nghệ vi sinh vật trong sản xuất phân bón

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về các loại phân bón thông thường

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về các loại phân bón thông thường

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 14. THỰC HÀNH: TRỒNG CÂY TRONG DUNG DỊCH**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ**

- Biết được quy trình trồng cây trong dung dịch.
- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2. Định hướng phát triển năng lực**2.1. Các năng lực chung****2.1.1. Năng lực tự học :** Biết cách trồng cây trong dung dịch.**2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ :** Trình bày quy trình thực hành.**2.1.3. Năng lực hợp tác :** Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.**2.1.4. Năng lực tư duy sáng tạo :** trồng cây trong dung dịch để đạt hiệu quả.**2.2 . Năng lực chuyên biệt :** Điều chỉnh độ pH trong dung dịch dinh dưỡng.**II.. Mô tả mức độ nhận thức:****1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Trồng cây trong dung dịch	-Biết cách Trồng cây trong dung dịch.	- Hiểu được qui trình để thực hiện đúng các bước theo qui trình.	- Điều chỉnh độ pH trong dung dịch dinh dưỡng.	

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

1. Em có nhận xét gì về thành phần các chất trong dung dịch dinh dưỡng KNốp?
2. Dựa vào đâu để điều chỉnh độ pH trong dung dịch dinh dưỡng ?
3. Vì sao khi trồng cây trong dung dịch không để ngập bộ rễ vào nước?

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV : - Bình có nắp đậy, có đục 3 lỗ để trồng cây và thông khí., - Dung dịch dinh dưỡng Knốp., - Máy đo pH., - Cốc thủy tinh., - Ống hút., - Dung dịch H_2SO_4 0,2% và NaOH 0,2%

2. Chuẩn bị của HS : - HS chuẩn bị cây ưa nước có thời gian sinh trưởng ngắn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích: Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của quy trình trồng cây trong dung dịch.

2) Nội dung: Trồng cây trong dung dịch.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

+ Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua hướng dẫn của GV về quy trình trồng cây trong dung dịch và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về quy trình trồng cây trong dung dịch.

4) Sản phẩm học tập: - Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới**12) Mục đích**

- Tiếp thu kiến thức mới về bài trồng cây trong dung dịch.
- Vận dụng kiến thức về trồng cây trong dung dịch trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành, - Kết quả thí nghiệm, - Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình trồng cây trong dung dịch..

* Thực hiện nhiệm vụ: + Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cả lớp

III. Quy trình thực hành

Bước 1: Chuẩn bị dung dịch dinh dưỡng: Lấy dung dịch Knôp đổ vào bình trồng cây.

Bước 2: Điều chỉnh pH của dung dịch dinh dưỡng: Mỗi loại cây trồng thích hợp với độ pH nhất định: Lúa, cà chua: 5,5-6,5; Ngô, đậu đỏ: 6,5-7,0; Bắp cải: 7,0. Dùng máy đo pH để kiểm tra pH của dung dịch.

Bước 3: Chọn cây khỏe mạnh có rễ mọc thẳng.

Bước 4: Trồng cây trong dung dịch: Luồn rễ cây qua lỗ ở nắp đáy sao cho một phần rễ ngập vào dung dịch hút chất dinh dưỡng. Phần rễ phía trên hút oxi → hô hấp.

Bước 5: Theo dõi sinh trưởng của cây theo mẫu 1

IV. HS tiến hành thực hành

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá. Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

HS điều chỉnh được độ pH phù hợp với từng loại cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3: Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá. Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng: Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích: Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài trồng cây trong dung dịch. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung: - Tìm hiểu phương pháp trồng cây trong dung dịch ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu các phương pháp trồng cây trong dung dịch ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập: Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích: Học sinh mở rộng hiểu biết về trồng cây trong dung dịch.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện: Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về quy trình trồng cây trong dung dịch .

3) Sản phẩm học tập: Ghi chép, lưu hình ảnh thu thập về quy trình trồng cây trong dung dịch ở địa phương.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Biết được điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng
- Trình bày được điều kiện để sâu bệnh phát sinh phát triển thành dịch
- Phân tích được ảnh hưởng của từng điều kiện đến sự phát sinh phát triển của sâu bệnh. Lấy ví dụ minh họa(suru tầm)
- Đề xuất được biện pháp hạn chế sự phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

- Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp

- Có ý thức tìm hiểu điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại và bảo vệ cây trồng khỏi sự phá hại của sâu bệnh

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : - Nêu được những điều kiện phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng, điều kiện lây lan ổ dịch.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Phân tích được ảnh hưởng của từng điều kiện đến sự phát sinh, phát triển sâu, bệnh hại. cho ví dụ minh họa..

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình nguồn sâu bệnh hại, điều kiện khí hậu đất đai, điều kiện giống cây trồng và chế độ chăm sóc, điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : phân biệt được sâu và bệnh hại cây trồng về đối tượng gây hại và biểu hiện bị hại ở cây trồng. cho ví dụ

2. Năng lực chuyên biệt: quan sát mẫu cây trồng bị bệnh và một số loại sâu gây hại.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHÂN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Điều kiện phát sinh, phát triển sâu, bệnh hại cây trồng.	Nguồn sâu bệnh hại.	Điều kiện đất đai, khí hậu, chế độ chăm sóc , giống cây trồng ảnh hưởng đến sự phát sinh phát triển sâu bệnh hại cây trồng.	- Biện pháp ngăn ngừa sự phát sinh phát triển sâu, bệnh hại cây trồng.	- Ngăn ngừa sâu hại và bệnh hại cây trồng phát triển thành dịch.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

Câu 1: Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch:

- A.** Có ổ dịch, đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm.
B. Đủ thức ăn, độ ẩm thích hợp.
C. Đủ thức ăn, nhiệt độ thích hợp.
D. nhiệt độ, độ ẩm thích hợp.

Câu 2: Điều kiện để sâu, bênh phát sinh:

- A.** Có nguồn bệnh, đủ thức ăn, khí hậu thuận lợi, chăm sóc mất cân đối.
B. Đủ thức ăn, độ ẩm thích hợp. **C.** Có nguồn bệnh, nhiệt độ thích hợp. **D.** Nhiệt độ, giống bị nhiễm bệnh.

Câu 3: Nguồn sâu bệnh hại:

- A.** Sâu non. **B.** Trứng, bào tử.
- C.** Nhộng, bào tử, Vi khuẩn. **D.** Trứng, bào tử, Nhộng, VSV.

Câu 4 Tác dụng của việc ngâm đất trong công tác ngăn ngừa sâu, bệnh hại cây trồng?

- A. Làm mất nơi cư trú. B. Cản trở, gây khó khăn cho sự phát triển của sâu, bệnh hại.
C. Ngăn ngừa sâu, bệnh phát triển. D. Diệt sâu non, trứng, nhộng,...

Câu 5: Yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sâu, bệnh hại cây trồng?

- A. Gió. B. Nhiệt độ. C. Độ ẩm, lượng mưa. D. Nhiệt độ, Độ ẩm, lượng mưa.

Câu 6: Câu nào không đúng khi nói về ảnh hưởng của độ ẩm, lượng mưa đến sâu hại?

- A. Lượng nước trong cơ thể côn trùng không thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa.
B. Lượng nước trong cơ thể côn trùng thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa.
C. Lượng nước trong cơ thể côn trùng giảm khi độ ẩm không khí và lượng mưa giảm.
D. Lượng nước trong cơ thể côn trùng tăng khi độ ẩm không khí và lượng mưa tăng

Câu 7: Ổ dịch là:

- A. Nơi xuất phát của sâu, bệnh để phát triển rộng ra đồng ruộng. B. Nơi có nhiều sâu, bệnh hại.
C. Nơi cư trú của sâu, bệnh hại. D. Có sẵn trên đồng ruộng.

Câu 8: Những loại đất nào dễ phát sinh sâu bệnh?

- A. Đất thiếu dinh dưỡng B. Đất thừa dinh dưỡng
C. Đất chua D. Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng

2.2 Tự luận

Câu 1 : Nguồn sâu, bệnh hại có ở đâu ?

Câu 2 : Đất đai ảnh hưởng như thế nào đến sự phát sinh phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng.

Câu 3 : Nhiệt độ ảnh hưởng như thế nào đến sâu, bệnh hại cây trồng . Cho ví dụ

Câu 4 : Những giống cây trồng như thế nào là điều kiện cho sâu, bệnh phát sinh, phát triển.

Câu 5 : Điều kiện nào sâu, bệnh thành dịch. Biện pháp nào để ngăn ngừa sâu, bệnh phát triển thành dịch

Câu 6 : Biện pháp ngăn ngừa sâu, bệnh hại cây trồng.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Tranh, ảnh một số sâu, bệnh hại liên quan đến bài học, các tư liệu về ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh đến phát sinh, phát triển sâu bệnh hại.
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK
- Các tranh ảnh tự chụp hoặc sưu tầm liên quan đến bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Tạo tình huống có vấn đề gây tò mò, hứng thú cho học sinh
- Dẫn dắt học sinh từ những hiểu biết về các loại sâu bệnh hại cây trồng, đến việc đi tìm hiểu nguyên nhân gây ra các loại sâu bệnh hại đó

2) Nội dung

- Tìm hiểu về các điều kiện phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại cây trồng.
- Nguyên nhân để dịch bệnh bùng phát thành dịch

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

Cho học sinh xem đoạn video về một số dịch bệnh trên cây trồng. Giáo viên đặt câu hỏi

Câu 1. Các em cảm nhận được gì qua đoạn video vừa xem?

Câu 2. Sự phát triển sâu bệnh phụ thuộc vào những yếu tố nào?

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh xem video, làm việc cá nhân và thực hiện nhiệm vụ giáo viên giao

** Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- Giáo viên gọi 1, đến 2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để rõ hơn về điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của cá nhân về kết quả quan sát, tìm hiểu ảnh hưởng các loại sâu bệnh hại đến cây trồng.
- Sự phát triển sâu bệnh phụ thuộc vào những yếu tố nào? Điều kiện để sâu bệnh bùng nổ thành dịch là gì?

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về nguồn sâu bệnh hại và điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại

1) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về điều kiện phát sinh phát triển sâu bệnh hại cây trồng
- Xác định nội dung kiến thức cơ bản về các điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại
- Vận dụng kiến thức về điều kiện phát sinh phát triển sâu bệnh hại để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc tiết học

2) Nội dung

- Các điều kiện khí hậu đất đai, điều kiện về giống cây trồng, chế độ chăm sóc, điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch

3) Kỹ thuật tổ chức

a. Nguồn sâu bệnh hại

** Chuyển giao nhiệm vụ*

Cho học sinh xem đoạn video về một số nguồn sâu bệnh hại. Giáo viên đặt câu hỏi

GV: Yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi sau

Câu 1. Sâu, bệnh xuất hiện trên đồng ruộng từ những nguồn nào?

Câu 2. Kể tên một số biện pháp hạn chế nguồn sâu, bệnh trên đồng ruộng?

Câu 3. Tại sao phát quang bờ bụi, tiêu hủy tàn dư trước khi gieo trồng?

Câu 4. Tác dụng của biện pháp ngâm đất, phơi đất trước khi trồng lúa?

** Thực hiện nhiệm vụ*

Học sinh:

- Nhận nhiệm vụ.
- Phân công nhiệm vụ, giới hạn thời gian cho từng cá nhân.
- Thực hiện, hoàn thành câu hỏi.

Giáo viên:

- Quan sát học sinh thực hiện, nhắc nhở những học sinh không tập trung.

** Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- Giáo viên gọi 1, đến 2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để rõ hơn về điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

** Kiểm tra đánh giá.*

- Giáo viên điều chỉnh, chốt nội dung kiến thức

** Sản phẩm học tập*

- Trứng nhộng của côn trùng.
- Bào tử của các loại bệnh.
- Chúng tồn tại trong đất, bụi cây, bờ ruộng, những hạt giống, cây, con nhiễm bệnh.
- Biện pháp hạn chế: Phát quang bờ ruộng, tiêu hủy tàn dư, ngâm đất, phơi đất,.....

b. Các điều kiện phát sinh, phát triển sâu bệnh hại cây trồng.

** Chuyển giao nhiệm vụ*

Giáo viên sử dụng phiếu học tập.

Học sinh hoạt động nhóm hoàn thành nội dung phiếu học tập vào bảng phụ

Nội dung	ảnh hưởng	Biện pháp
Điều kiện phát sinh phát triển		
Nhiệt độ môi trường		
Độ ẩm không khí và lượng mưa		
Điều kiện đất đai		
Điều kiện về giống cây trồng vật nuôi		
Điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch		

** Thực hiện nhiệm vụ*

Học sinh:

- Nhận nhiệm vụ.
- Phân công nhiệm vụ, giới hạn thời gian cho từng nhóm.
- Thực hiện, hoàn thành nội dung được phân công.

Giáo viên:

- Quan sát học sinh thực hiện, nhắc nhở những học sinh không tập trung.

** Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ*

- Giáo viên gọi 1 nhóm xong sớm nhất đại diện trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đưa ra câu hỏi cho nhóm trình bày trả lời
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để rõ hơn về điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

** Kiểm tra đánh giá.*

- Giáo viên điều chỉnh, chốt nội dung kiến thức

** Sản phẩm học tập*

Nội dung	ảnh hưởng	Biện pháp
Điều kiện phát sinh phát triển		
Nhiệt độ môi trường	Ảnh hưởng trực tiếp đến sâu hại và quá trình xâm nhập, lây lan của bệnh hại. Giới hạn sống: 10- 52°C Thuận lợi: 25-30°C	Điều chỉnh thời vụ thích hợp. Chọn giống cây trồng phù hợp
Độ ẩm không khí và lượng mưa	- Ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, phát dục và lượng nước trong cơ thể sâu hại. - Ảnh hưởng gián tiếp qua nguồn thức ăn. → Độ ẩm cao, mưa nhiều sâu, bệnh nhiều	Chọn giống cây trồng thích hợp. Thăm đồng, có biện pháp xử lý kịp thời
Điều kiện đất đai	- Thừa hoặc thiếu dinh dưỡng. - Ví dụ: + Thừa đạm: Đạo ôn, bạc lá... + Đất chua: Bệnh tiêm lửa...	Bón phân khoa học, tưới tiêu hợp lý. - Luân canh cây trồng.
Điều kiện về giống cây trồng vật nuôi	Sử dụng giống - Bị nhiễm sâu, bệnh - Không chống chịu sâu, bệnh	Chọn lựa giống phù hợp với đặc điểm tự nhiên vùng miền
Điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch	Là nơi xuất phát của sâu, bệnh để phát triển rộng ra trên đồng ruộng. - Ví dụ: Trong cỏ, rác,	Thăm đồng thường xuyên Kịp thời phát hiện và xử lý các mầm mống sâu, bệnh dịch

Hoạt động 3. Luyện tập.**1) Mục đích:**

HS vận dụng kiến thức mới hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn.

2) Nội dung:

- HS làm bài tập trắc nghiệm.
- Giải quyết tình huống thực tiễn

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

Gv yêu cầu học sinh làm bài tập trắc nghiệm củng cố.

Câu 1. Những loại đất nào dễ phát sinh sâu bệnh?

- A. Đất thiếu dinh dưỡng
- B. Đất thừa dinh dưỡng
- C. Đất chua

D. Đất thiếu hoặc thừa dinh dưỡng

Câu 2. Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch:

- A. Có ổ dịch, đủ thức ăn, nhiệt độ, độ ẩm**
- B. Đủ thức ăn, độ ẩm thích hợp
- C. Đủ thức ăn, nhiệt độ thích hợp
- D. Nhiệt độ, độ ẩm thích hợp

Câu 3. Tác dụng của việc ngâm đất trong công tác ngăn ngừa sâu, bệnh hại cây trồng?

- A. Làm mất nơi cư trú
- B. Cản trở, gây khó khăn cho sự phát triển của sâu, bệnh hại
- C. Ngăn ngừa sâu, bệnh phát triển

D. Diệt sâu non, trứng, nhộng,...

Câu 4. Câu nào không đúng khi nói về ảnh hưởng của độ ẩm, lượng mưa đến sâu hại?

- A. Lượng nước trong cơ thể côn trùng không thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa**
- B. Lượng nước trong cơ thể côn trùng thay đổi theo độ ẩm không khí và lượng mưa
- C. Lượng nước trong cơ thể côn trùng giảm khi độ ẩm không khí và lượng mưa giảm
- D. Lượng nước trong cơ thể côn trùng tăng khi độ ẩm không khí và lượng mưa tăng

Câu 5. Vì sao bón nhiều đạm làm tăng khả năng nhiễm bệnh?

- A. Làm bộ lá phát triển**
- B. Thừa chất dinh dưỡng
- C. Làm đất có độ pH thấp
- D. Là nguồn thức ăn của côn trùng

* *Câu hỏi vận dụng giải thích tình huống trong thực tế.*

Giáo viên: Biện pháp trồng rau cải sạch đạt hiệu quả cao?

Một vài gợi ý:

- + Chọn giống
- + Điều kiện khí hậu, đất đai thổ nhưỡng.
- + Chế độ chăm sóc, tưới tiêu hợp lý.

.....

* *Thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cá nhân: Từng cá nhân giải quyết bài tập trắc nghiệm.

Làm việc theo nhóm: Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất giải quyết câu hỏi tình huống

* *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

Đại diện 1 đến 2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả vào vở

** sản phẩm học tập*

Ghi chép kết quả phân bài tập luyện tập vào vở có chỉnh sửa bổ sung sau khi thảo luận nhóm

4) Vận dụng và tìm tòi mở rộng

Cho học sinh tìm tòi về một số loài sâu bệnh hại trên các đối tượng cây trồng quen thuộc

Cho học sinh tìm hiểu nguyên nhân bùng phát các dịch sâu bệnh hại cây trồng ở địa phương: ví dụ (sự bùng phát của dịch sâu róm, bệnh tiêu điên...)

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 16. THỰC HÀNH NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI SÂU, BỆNH HẠI LÚA

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ

- Nhận dạng được một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.
- Nắm được chu trình phát triển, điều kiện sống, đặc điểm hình thái để có phương pháp phòng trừ hợp lí.
- Hình thành kĩ năng quan sát, so sánh, tổng hợp.
- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Nhận dạng được một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta như sâu đục thân bướm 2 chấm, sâu cuốn lá lúa, rầy nâu hại lúa, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá,...

2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày cách tiến hành làm thí nghiệm

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Đưa ra cách nhận dạng được một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

2.2 . Năng lực chuyên biệt : Su rừ tâm các mẫu sâu, bệnh hại lúa.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Nhận biết một số loại sâu, bệnh hại lúa	Nhận biết được một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.	Trình bày được đặc điểm gây hại, đặc điểm hình thái của một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.	Nhận biết một số loại sâu, bệnh hại lúa qua mẫu tiêu bản, tranh ảnh.	Su rừ tâm các mẫu sâu, bệnh hại lúa.

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

a. Dụng cụ thí nghiệm

Bắt giữ côn trùng :

- Vợt
- Cồn 90 độ trong Lọ nhựa 5l

Thu mẫu bệnh lúa

- Dao nhỏ, kéo sắc
- Túi bóng kính các cỡ

Phân tích mẫu

- Kính lúp
- Thước kẻ, bút chì, giấy không thấm
- Panh, kẹp

2. Chuẩn bị của HS :

- HS chuẩn bị tranh ảnh về sâu, bệnh theo hướng dẫn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Nguyên nhân nào dẫn đến sự xuất hiện ổ dịch trên đồng ruộng?
- Vì sao nói: Sự phát triển của sâu bệnh hại cây trồng phụ thuộc vào các yếu tố khí hậu?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta., nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Nhận biết một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Kiểm tra tranh, ảnh HS được giao chuẩn bị.

+ Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và qua tìm hiểu thực tế về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở địa phương và làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới

13) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta, để:

- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về bài một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

- Vận dụng kiến thức về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành

- Kết quả thí nghiệm

- Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

* Thực hiện nhiệm vụ

+ Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình thực hành

- **Bước 1:** Giới thiệu đặc điểm gây hại, đặc điểm hình thái của một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến.

- **Bước 2:** HS quan sát mẫu vật, mô tả và điền các đặc điểm hình thái, đặc điểm gây hại vào bảng sgk trang 53.

II. Kết quả

GV: thu bảng kết quả và tự đánh giá của HS → Nhận xét và đánh giá kết quả thực hành

- GV giới thiệu

+ Phương pháp điều tra phát hiện sâu đục thân hại lúa và rầy hại lúa (rầy nâu, rầy lưng trắng), bệnh hại lúa: chọn ruộng điều tra, xác định diện tích điều tra, ghi chép kết quả.

+ Chỉ tiêu điều tra: mật độ, tuổi sâu, ...

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá .

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về bài một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

	Bệnh bạc lá	Bệnh khô vằn	Bệnh đạo ôn
Nguyên nhân			
Đặc điểm gây hại			
Màu sắc			

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung- Tìm hiểu phương pháp xác định một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích Học sinh mở rộng hiểu biết về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở nước ta.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về một số loại sâu, bệnh hại lúa phổ biến ở địa phương.

Ngày soạn:
Tiết:

BÀI 17. PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

Học xong bài này, HS cần đạt được:

- Hiểu được khái niệm cơ bản, nguyên lý cơ bản và các biện pháp chủ yếu phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

2. Kỹ năng : Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh

3.Thái độ: Có ý thức thực hiện đúng những quy định về an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường khi sử dụng thuốc hóa học trừ sâu bệnh.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : - Nêu được khái niệm cơ bản, nguyên lý cơ bản và các biện pháp chủ yếu phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. tại sao phải phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?.

Phân tích nội dung, ưu điểm, nhược điểm của bệnh pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình khái niệm , nguyên lý cơ bản phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. Nội dung, ưu nhược điểm của các bệnh pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : phân biệt các bệnh pháp trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. Bệnh pháp nào hiện nay áp dụng rộng rãi nhất. vì sao?

2 . Năng lực chuyên biệt: Nhận biết một số loài thiên địch trong địa phương.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết (MĐ 1)	Thông hiểu (MĐ 2)	Vận dụng thấp (MĐ 3)	Vận dụng cao (MĐ 4)
Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	Khái niệm , nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	Nội dung các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	- Ưu, nhược điểm của từng bệnh pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.	- Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học, chúng ta cần làm gì? - Cây trồng có khả năng kháng sâu bệnh ntn? - Có nên sử dụng thuốc hóa học để phòng trừ sâu, bệnh xâm nhập cây trồng không ? Tại sao?

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

1. Nguyên lý nào sau đây không đúng trong phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?

- A. Sử dụng giống khỏe B. Bón thật nhiều dinh dưỡng cho cây C. Bảo tồn bộ xít D. Bảo tồn châu chấu
E. Thảm đồng thường xuyên F. Nông dân trở thành chuyên gia

2. Biện pháp nào sau đây là biện pháp kỹ thuật trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Gieo trồng đúng thời vụ B. Sử dụng giống kháng bệnh C. Cắt cành bị bệnh D. Bắt bằng vợt

3: Biện pháp nào sau đây là biện pháp kỹ thuật trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Sử dụng giống kháng bệnh B. Cắt cành bị bệnh C. Bắt bằng vợt D. Cày bừa

4. Biện pháp nào sau đây là biện pháp kỹ cơ giới vật lý trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Gieo trồng đúng thời vụ B. Cắt cành bị bệnh C. Bón phân cân đối D. Dùng ong mắt đỏ

5. Biện pháp nào sau đây là biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng?

- A. Sử dụng giống kháng bệnh B. Cắt cành bị bệnh C. Bón phân cân đối D. Dùng ong mắt đỏ

6. Khi sâu đục thân phát triển thành dịch đến giai đoạn trưởng thành thì?

- A. Toàn dân làm bẫy mùi vị B. Toàn dân làm bẫy ánh sáng C. Phun thuốc trừ sâu D. Tháo nước ngập đồng

7. Khi xuất hiện một vài sâu cuốn lá trên đồng ruộng?

- A. Phả phun thuốc ngay B. Dùng vợt để bắt C. Làm bẫy mùi vị D. Bắt sâu bằng tay

2.2 Tự luận

Câu 1: Thế nào là phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?(MĐ 1)

Câu 2: Các nguyên lí phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?(MĐ 1)

Câu 3: Trình bày nội dung các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. (MĐ 2)

Câu 4: Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học, chúng ta cần làm gì?(MĐ4)

Câu 5: Cây trồng có khả năng kháng sâu bệnh ntn? (MĐ4)

Câu 6: Có nên sử dụng thuốc hóa học để phòng trừ sâu, bệnh xâm nhập cây trồng không ? Tại sao?(MĐ4)

Câu 7: Trình bày ưu nhược điểm các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?(MĐ 3)

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Chuẩn bị của giáo viên :**

- Giáo án.
- Phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Biện pháp kĩ thuật			
Biện pháp sinh học			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Sử dụng cây trồng chống chịu sâu, bệnh			
Biện pháp hóa học			

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Biện pháp cơ giới vật lí			
Biện pháp điều hòa			

ĐÁP ÁN**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Biện pháp kĩ thuật	-Cày bừa, tiêu hủy tàn dư cây trồng, tưới tiêu, bón phân hợp lí, luân canh cây trồng, gieo trồng đúng thời vụ...	Đơn giản, dễ thực hiện, không ô nhiễm môi trường.	Tốn nhiều thời gian.
Biện pháp sinh học	Sử dụng sinh vật hoặc sản phẩm của chúng để ngăn ngừa, làm giảm thiệt hại do sâu, bệnh gây ra	Không ô nhiễm môi trường, cân bằng sinh thái	Khó thực hiện, số lượng sinh vật ích còn ít

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Sử dụng cây trồng chống chịu sâu, bệnh	Sử dụng giống cây mang gen chống chịu hoặc hạn chế, ngăn ngừa sự phát triển của dịch hại.	không ô nhiễm môi trường	Chưa có số lượng lớn cây trồng , khó áp dụng rộng rãi.
Biện pháp hóa học	Sử dụng thuốc hóa học để trừ dịch hại cây trồng.	Hiệu quả cao, tiêu diệt nhanh.	-Tốn kém, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, gây ngộ độc cho người và gia súc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Các biện pháp	Nội dung	Ưu điểm	Nhược điểm
Biện pháp cơ giới vật lí	-Sử dụng bắt bằng vợt, bằng tay, bẫy ánh sáng, mùi vị....	Không gây ô nhiễm môi trường	Hiệu quả không cao, không áp dụng rộng rãi.
Biện pháp điều hòa	Giữ cho dịch hại chỉ phát triển ở mức độ nhất định nhằm cân bằng sinh thái.	Cân bằng sinh thái.	Không tiêu diệt hết sâu, bệnh hại cây trồng.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** - Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV: Đưa ra tình huống - Nhà em có trồng một đám rau, khi em thấy đám rau của mình xuất hiện sâu, lá vàng thì em phải làm gì để cây trồng khỏi bị sâu, bệnh hại?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**14) Mục đích**

- Học sinh biết được khái niệm cơ bản, nguyên lý cơ bản và các biện pháp chủ yếu phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.
- Nguyên lý cơ bản phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.
- Biện pháp chủ yếu phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Tìm hiểu khái niệm, nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. + Thế nào là phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng? + Vì sao phải phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng? + Các nguyên lý cơ bản + Thế nào là cây khỏe?	HS tiếp nhận nhiệm vụ

	+ Thiên địch là gì? Nêu một vài ví dụ. + Tại sao cần bồi dưỡng nông dân trở thành chuyên gia trên đồng ruộng? Nhóm 2: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 1 Nhóm 3: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 2 Nhóm 4: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập 3	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

I. KHÁI NIỆM VỀ PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG

Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng là sử dụng phối hợp các biện pháp phòng trừ dịch hại cây trồng một cách hợp lý.

II. NGUYÊN LÝ CƠ BẢN PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG.

- Trồng cây khỏe.
- Bảo tồn thiên địch để chúng không chế sâu, bệnh.
- Thăm đồng thường xuyên.
- Nông dân trở thành chuyên gia.

III. BIỆN PHÁP CHỦ YẾU CỦA PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP DỊCH HẠI CÂY TRỒNG.

- PHIẾU HỌC TẬP 1
- PHIẾU HỌC TẬP 2
- PHIẾU HỌC TẬP 3

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) **Nội dung:** Làm bài tập về phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) **Nội dung :** Yêu cầu HS trả lời

- + Để góp phần thực hiện tốt biện pháp sinh học, chúng ta cần làm gì?
- + Cây trồng có khả năng kháng sâu bệnh ntn?
- + Có nên sử dụng thuốc hóa học để phòng sâu, bệnh xâm nhập cây trồng không ? Tại sao?
- + Vậy khi nào sử dụng thuốc hóa học?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.
- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập: Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích: Học sinh mở rộng hiểu biết về phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

3) Sản phẩm học tập: Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

Ngày soạn:
Tiết

BÀI 18. THỰC HÀNH PHA CHẾ DUNG DỊCH THUỐC BÓOC ĐÔ PHÒNG TRỪ NẤM HẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ

- Biết cách pha chế thuốc hóa học đơn giản (Boóc đô) để phòng trừ bệnh cây.
- Hình thành kỹ năng quan sát, so sánh, tổng hợp.
- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

2. Định hướng phát triển năng lực

2.1. Các năng lực chung

2.1.1. Năng lực tự học : Pha chế được dung dịch Boóc đô phòng, trừ nấm hại.

2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày cách tiến hành làm thí nghiệm

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Giải thích ở bước 4 vì sao phải làm đúng qui trình, không được làm ngược lại?

2.2 . Năng lực chuyên biệt : Sưu tầm các loại dung dịch nông dân có thể làm để phòng, trừ sâu, bệnh.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Pha chế dung dịch thuốc boocđô phòng trừ nấm hại	Biết được vai trò của dung dịch Boocđô trong phòng trừ dịch bệnh hại.	Nắm vững các bước trong qui trình.	Biết cách pha chế thuốc hóa học đơn giản để phòng trừ bệnh cây.	

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của GV :

- Đồng sunphat $\text{CuSO}_4.5\text{H}_2\text{O}$.
- Que tre hoặc que gỗ để khuấy dung dịch.
- Cốc chia độ hoặc ống hình trụ dung tích 1000ml.
- Chậu men hoặc chậu nhựa.
- Cân kỹ thuật.
- Nước sạch.
- Giấy quỳ, thanh sắt (chiếc đinh) được mài sạch.
- Mẫu đánh giá kết quả thực hành:

2. Chuẩn bị của HS :

- HS chuẩn bị vôi tôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

Vì sao phải phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?

Làm rõ khái niệm, ưu điểm, nhược điểm của biện pháp hóa học?

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

Giúp học sinh tìm hiểu những loại thuốc hóa học để phòng trừ bệnh cây. phổ biến ở nước ta., nắm vững mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

Biết cách pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ bệnh cây.

3) **Kỹ thuật tổ chức hoạt động**

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

- + Kiểm tra với tôi HS được giao chuẩn bị.
- + Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và được sự hướng dẫn của giáo viên làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về qui trình pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ nấm hại cây.

4) **Sản phẩm học tập**

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới

15) **Mục đích**

- Tiếp thu kiến thức mới về bài pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ bệnh cây, để:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về bài pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ bệnh cây ở nước ta.
- Vận dụng kiến thức về pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ nấm hại trong SGK để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) **Nội dung**

- Quy trình thực hành
- Kết quả thí nghiệm
- Đánh giá kết quả

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ bệnh cây

* Thực hiện nhiệm vụ

- + Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình kỹ thuật pha chế dung dịch Boóc đô

- 1.** Cân 10g $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ và 15g vôi tôi (7 – 10g vôi bột)
- 2.** Hòa tan vôi đã cân với 200ml nước sạch, loại bỏ cặn sau đó đổ vào chậu men
- 3.** Hòa tan 10g $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ vào 800ml nước sạch
- 4.** Đổ từ từ dung dịch CuSO_4 vào dung dịch nước vôi, vừa đổ vừa khuấy đều
- 5.** Kiểm tra chất lượng dung dịch: Dùng que sắt và dùng giấy quỳ (máy đo pH)

- GV lưu ý:

+ Khi hòa hai dung dịch CuSO_4 với nước vôi thì phải làm đúng quy trình mà không được làm ngược lại

+ Khi kiểm tra chất lượng dung dịch, dung dịch có pH > 7 là được và dính sắt khi bị nhúng vào dung dịch khi nhắc lên không có đồng bám trên que sắt

II. Đánh giá kết quả:

Chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá			Người đánh giá
	Tốt	Đạt	Không đạt	
Thực hiện quy trình				
Kết quả thực hành				

*** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2**

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời các câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Giải thích ở bước 4 vì sao phải làm đúng qui trình, không được làm ngược lại?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập sau:

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ nấm hại. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu phương pháp pha chế dung dịch Boóc đô để phòng trừ nấm hại.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu pha chế dung dịch Boóc đô hoặc dung dịch khác để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.
phổ biến ở địa phương.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về pha chế dung dịch Boóc đô hoặc dung dịch khác để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng phổ biến ở địa phương.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về pha chế dung dịch Boóc đô hoặc dung dịch khác để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng ở nước ta.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về phương pháp pha chế dung dịch Boóc đô hoặc dung dịch khác để phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 19: ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC HÓA HỌC BẢO VỆ THỰC VẬT ĐẾN QUẦN THỂ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Chỉ ra và giải thích được những tác hại của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến sự sinh trưởng, phát triển và chất lượng sản phẩm của cây trồng khi sử dụng thuốc hóa học không hợp lí.
- Nêu và giải thích được những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học đến số lượng cá thể trong quần thể sinh vật.
- Nêu và giải thích được tác hại của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với môi trường.
- Kể được những tác hại của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường ở địa phương.
- Đề xuất được một số biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu của việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật
- Xác định được những ưu, nhược điểm của thuốc hóa học bảo vệ thực vật để có quyết định sử dụng hợp lí ở gia đình, địa phương
- Vận động gia đình và những người xung quanh tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật trong trồng trọt nhằm hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với con người, quần thể sinh vật và môi trường, .

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : Hiểu được ảnh hưởng và biện pháp hạn chế tác hại của thuốc hóa học trừ sâu, bệnh đối với quần thể sinh vật và môi trường.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Phân tích tác hại của việc sử dụng không hợp lí thuốc bảo vệ thực vật.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình ảnh hưởng thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường, biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu thuốc BVTV.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Phân tích các tác hại đến hệ sinh thái, môi trường, chất lượng nông sản, sức khỏe con người khi sử dụng không hợp lí thuốc hóa học BVTV.

2. Năng lực chuyên biệt: Nhận biết về tác hại của thuốc hoá học bảo vệ thực vật đối với môi trường, con người. Sưu tầm tư liệu thực tế địa phương về những tác hại của thuốc hoá học bảo vệ thực vật.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết (MĐ 1)	Thông hiểu (MĐ 2)	Vận dụng thấp (MĐ 3)	Vận dụng cao (MĐ 4)
Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường	Tác động xấu của thuốc BVTV đến quần thể cây trồng và quần thể động vật.	Hậu quả xấu và nguyên nhân sử dụng không hợp lí thuốc BVTV.	Nguyên tắc khi sử dụng thuốc BVTV để hạn chế ảnh hưởng xấu.	Đưa ra các biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho người phun thuốc BVTV.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Trình bày tác động xấu của thuốc hóa BVTV đến quần thể sinh vật. (MĐ1)

Câu 2: Trình bày hậu quả xấu khi sử dụng thuốc hóa học BVTV.(MĐ2)

Câu 3: Đề hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học BVTV cần tuân thủ theo nguyên tắc gì?(MĐ3)

Câu 4: Theo em những biện pháp nào an toàn cho người lao động khi sử dụng thuốc hóa học BVTV?(MĐ4)

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án

- Một số tranh ảnh thể hiện ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu trước nội dung bài học 19.
- Tìm hiểu tình hình sử dụng và ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường ở gia đình, địa phương. Ghi chép lại những nội dung tìm hiểu được.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

Học sinh nêu và giải thích ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường; đề xuất biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật dựa trên những điều quan sát được từ video clip, thực tế và kiến thức, kinh nghiệm đã có của bản thân về thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

2) Nội dung

- Tìm hiểu ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường
- Tìm hiểu ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường ở địa phương.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên định hướng quan sát, tìm hiểu ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật cho học sinh bằng cách giao nhiệm vụ và yêu cầu học sinh ghi vào vở các câu hỏi sau:

- + Nêu và giải thích ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật?
- + Nêu và giải thích ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với môi trường đất, nước, không khí?
- + Nên sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật như thế nào để bảo vệ môi trường và quần thể sinh vật?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.
- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật, môi trường và về xuất được các biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của cá nhân về kết quả tìm hiểu ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường.
- Vấn đề/ câu hỏi đặt ra tiếp theo cần giải quyết: Trong những trường hợp nào thì thuốc hóa học bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng xấu đến quần thể sinh vật và môi trường? Làm thế nào để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến con người, môi trường và quần thể sinh vật?

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường

1) Mục đích

Tiếp thu kiến thức mới về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường trong SGK Công nghệ 10, để:

- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đối với quần thể sinh vật và môi trường được thể hiện trong video clip vừa xem.
- Vận dụng kiến thức về thuốc hóa học bảo vệ thực vật trong SGK để giải quyết 2 vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm và chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

2) Nội dung

- Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật.
- Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến môi trường.
- Biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện các nhiệm vụ sau:

Nhiệm vụ 1: Tự nghiên cứu lí thuyết của bài học để trả lời 2 câu hỏi dưới đây:

+ Trong những trường hợp nào thì thuốc hóa học bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng xấu đến quần thể sinh vật và môi trường? Nêu những biểu hiện và giải thích những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

+ Làm thế nào để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến con người, môi trường và quần thể sinh vật.

Nhiệm vụ 2: Vận dụng các kiến thức lí thuyết đã nghiên cứu được để chỉnh sửa báo cáo đã viết ở hoạt động 1.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh tự nghiên cứu nội dung mục I, mục II, mục III trong SGK (từ trang 58 đến trang 60). Vận dụng kiến thức mới đã tiếp thu được để viết vào vở kết quả thực hiện 2 nhiệm vụ được giao.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả thực hiện 2 nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

- “Chốt” kiến thức mới:

+ Thuốc hóa học bảo vệ thực vật có phổ độc rất rộng nên có tác dụng tiêu diệt nhiều sâu, bệnh hại cây trồng trong thời gian ngắn nhưng thuốc hóa học bảo vệ thực vật sẽ gây ảnh hưởng xấu đến quần thể sinh vật và môi trường nếu sử dụng không hợp lí. Đối với quần thể sinh vật, nó làm giảm chất lượng nông sản, tiêu diệt các sinh vật có ích, làm phá vỡ thể cân bằng của quần thể sinh vật và làm xuất hiện các quần thể dịch hại kháng thuốc. Đối với môi trường, việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật không hợp lí gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, nông sản; làm ngộ độc và gây ra một số bệnh hiểm nghèo cho con người.

+ Để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật, cần sử dụng một cách hợp lí, tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc sử dụng 4 đúng (đúng thuốc, đúng thời gian, đúng liều lượng, đúng nồng độ) và các nguyên tắc khác được quy định trong việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

- **Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 2**

Học sinh đối chiếu kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động 2 của cá nhân với nhận xét, góp ý của giáo viên, các bạn và nội dung chốt để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

- Kết quả trả lời 2 câu hỏi trong nhiệm vụ 1 được ghi vào vở, có ghi ý kiến bổ sung sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

- Báo cáo của hoạt động 1 đã được bổ sung, hoàn thiện.

Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập tình huống về sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm các bài tập tình huống sau:

Bài tập 1. Nhà bác Hà có nghề trồng rau từ nhiều năm nay. Vụ Đông Xuân vừa qua, nhà bác tập trung trồng rau cải xanh- một loại rau ăn lá có thời gian sinh trưởng ngắn, nhanh cho thu hoạch và đạt năng suất cao. Tuy nhiên, rau cải xanh rất hay bị sâu bệnh phá hại. Biết vậy nên bác Hà đã sử dụng loại thuốc hóa học không nằm trong danh mục bị cấm sử dụng nhưng có độ độc cao, phân hủy chậm đem phun cho cả vườn rau với liều lượng cao,

nồng độ cao để bảo vệ rau cải không bị sâu bệnh phá hoại. Trước khi thu hoạch rau đem bán 3 ngày, bác phun thêm một đợt thuốc trừ sâu bệnh cho chắc ăn.

Bằng những hiểu biết về thuốc hóa học bảo vệ thực vật, em hãy cho biết:

- 1) Việc làm của bác Hà đã vi phạm những nguyên tắc nào?
- 2) Cách sử dụng thuốc hóa học trừ sâu bệnh cho rau cải của bác Hà sẽ gây ra những ảnh hưởng xấu như thế nào đối với con người, quần thể sinh vật và môi trường?
- 3) Em sẽ giải thích với bác Hà như thế nào để bác thay đổi cách sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật?

Bài tập 2. Nhiều bà con nông dân thường mang thuốc hóa học bảo vệ thực vật ra ngoài đồng ruộng để pha chế. Sau khi pha chế, họ bỏ lại bao thuốc hoặc lọ thuốc ngoài đồng ruộng. Không những vậy, phun thuốc xong, họ thường đem bình phun thuốc trừ sâu bệnh ra kênh mương sục, rửa và đổ trực tiếp vào nguồn nước.

Bằng những hiểu biết về thuốc hóa học bảo vệ thực vật, em hãy cho biết:

- 1) Những việc làm trên đã vi phạm nguyên tắc nào?
- 2) Hậu quả của những việc làm trên là gì?
- 3) Em sẽ giải thích với bà con nông dân như thế nào để họ thay đổi những việc làm trên theo hướng tích cực.

Bài tập 3. Em hãy đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng dưới đây:

Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật	Được/ Nên	Không được/ Không nên
1. Thường xuyên phun thuốc hóa học để phòng sâu, bệnh phát sinh, phát triển, phá hoại cây trồng		
2. Chỉ sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật khi dịch hại tới ngưỡng gây hại.		
3. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật phân hủy nhanh trong môi trường		
4. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật với liều lượng và nồng độ cao để tiêu diệt sâu bệnh nhanh chóng		
5. Phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch sản phẩm 1-3 ngày		
6. Sử dụng loại thuốc hóa học bảo vệ thực vật sẵn có ở địa phương, không cần chọn lọc		
7. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật không có trong danh mục thuốc cấm sử dụng		
8. Đi ngược chiều gió khi phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật		
9. Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động khi phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật		
10. Sau khi sử dụng cần thu gom bao gói, chai lọ đựng thuốc trừ sâu, không vứt bừa bãi ra đồng ruộng, kênh mương		

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

***Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm 3 bài tập tình huống, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Đáp án 3 bài tập tình huống

Bài tập 1

Việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật của bác Hà đã vi phạm các nguyên tắc: 1/ Chỉ dùng thuốc hóa học bảo vệ thực vật khi dịch hại tới ngưỡng gây hại; 2/ Sử dụng thuốc phân hủy nhanh trong môi trường; 3/ Sử dụng thuốc 4 đúng.

Việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật của bác Hà gây ảnh hưởng xấu tới quần thể sinh vật và môi trường xung quanh, đặc biệt là gây ngộ độc cho người sử dụng.

Bài tập 2

Việc vớt bừa bãi vỏ bao thuốc, lọ đựng thuốc và rửa trực tiếp bình phun thuốc trừ sâu bệnh ở kênh, mương là vi phạm nguyên tắc tuân thủ quy định về vệ sinh môi trường. Tác hại: làm ô nhiễm đồng ruộng, kênh mương và gây hại cho các sinh vật sống trong môi trường đó.

Bài tập 3. Em hãy đánh dấu X vào ô thích hợp trong bảng dưới đây:

Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật	Được/ Nên	Không được/ Không nên
1. Thường xuyên phun thuốc hóa học để phòng sâu, bệnh phát sinh, phát triển, phá hoại cây trồng		X
2. Chỉ sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật khi dịch hại tới ngưỡng gây hại.	X	
3. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật phân hủy nhanh trong môi trường	X	
4. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật với liều lượng và nồng độ cao để tiêu diệt sâu bệnh nhanh chóng		X
5. Phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật trước khi thu hoạch sản phẩm 1-3 ngày		X
6. Sử dụng loại thuốc hóa học bảo vệ thực vật sẵn có ở địa phương, không cần chọn lọc		X
7. Sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật không có trong danh mục thuốc cấm sử dụng	X	
8. Đi ngược chiều gió khi phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật		X
9. Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động khi phun thuốc hóa học bảo vệ thực vật	X	
10. Sau khi sử dụng cần thu gom bao gói, chai lọ đựng thuốc trừ sâu, không vớt bừa bãi ra đồng ruộng, kênh mương	X	

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học ở lớp để phân tích, đánh giá ảnh hưởng của việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật ở gia đình, địa phương và đề xuất biện pháp bảo vệ quần thể sinh vật, môi trường, con người khi sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Tìm hiểu, phân tích, đánh giá việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật ở gia đình, địa phương.
- Đề xuất biện pháp bảo vệ quần thể sinh vật, môi trường ở gia đình, địa phương khi sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật ở gia đình, địa phương theo các câu hỏi gợi ý sau:

(1) *Nêu và nhận xét việc sử dụng thuốc hóa học bảo vệ thực vật của gia đình em hoặc những người mà em quen biết.*

(2) *Đề xuất biện pháp hạn chế ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật khi sử dụng thuốc hóa học để phòng trừ sâu, bệnh cho cây trồng, phù hợp với điều kiện thực tế của gia đình, địa phương em*

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích Học sinh mở rộng hiểu biết về thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật, môi trường và biện pháp hạn chế những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 20. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VI SINH SẢN XUẤT CHẾ PHẨM BẢO VỆ THỰC VẬT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

Học xong bài này, HS cần đạt được:

- Biết được thế nào là chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật.
- Biết được cơ sở khoa học và quy trình sản xuất chế phẩm vi khuẩn, vi rút và nấm trừ sâu.

2. Kỹ năng : Rèn luyện kỹ năng phân tích, so sánh.

3. Thái độ: Tuyên truyền mọi người sử dụng chế phẩm bảo vệ thực vật để đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : - Nêu được khái niệm các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Hiểu được quy trình sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày khái niệm, quy trình, cơ chế tác động của các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : phân biệt các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

2. Năng lực chuyên biệt: Nhận biết một số loại chế phẩm bảo vệ thực vật ở địa phương.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết (MĐ 1)	Thông hiểu (MĐ 2)	Vận dụng thấp (MĐ 3)	Vận dụng cao (MĐ 4)
Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật.	-Biết được thế nào là chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng. - Biết được các khái niệm: Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu, chế phẩm virút trừ sâu, chế phẩm nấm trừ sâu.	Hiểu được cơ sở khoa học và quy trình sản xuất một số chế phẩm Vi Khuẩn, ViRút và nấm trừ sâu.	Phân biệt thành phần và phương thức diệt trừ sâu giữa hai chế phẩm Bt và chế phẩm NPV	So sánh hai loại nấm túi và nấm phân trắng trừ sâu.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

- Sâu bị nhiễm chế phẩm Bt, thì cơ thể sẽ:
 - trương phồng lên, nứt ra bộc lộ lớp bột trắng như bị rắc bột
 - bị tê liệt, không ăn uống rồi chết
 - cứng lại và trắng ra như bị rắc bột rồi chết
 - mềm nhũn rồi chết
- Chế phẩm vút được sản xuất trên cơ thể:
 - Sâu trưởng thành
 - Sâu non
 - Nấm phân trắng
 - Côn trùng

2.2 Tự luận

Câu 1: Thế nào là chế phẩm vi khuẩn trừ sâu? Vi khuẩn dùng sản xuất? Đặc điểm?

Câu 2: Thế nào là chế phẩm virus trừ sâu? Virus dùng sản xuất?

Câu 3: Thế nào là chế phẩm nấm trừ sâu? Nhóm nấm dùng sản xuất?

Câu 4: Để góp phần thực hiện tốt việc sử dụng các loại chế phẩm bảo vệ thực vật, chúng ta cần làm gì?

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.- Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, tự luận.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.- Bảng phụ, SGK, ...

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** - Giải thích hiện tượng xuất hiện quần thể địch hại kháng thuốc?

- Giải thích những ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học BVTV đến MT và con người?

Hoạt động 1. Khởi động

GV: Đưa ra tình huống

- Trong các biện pháp phòng trừ tổng hợp cây trồng thì biện pháp nào là tiên tiến nhất, nên khuyến khích sử dụng.

- Yếu tố thiên địch còn hạn chế thì con người chủ động sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật. Thế nào là chế phẩm bảo vệ thực vật? Gồm có những loại nào → tìm hiểu bài 22.

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.

- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.

- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

1) Mục đích

- Học sinh biết được khái niệm, biểu hiện khi sâu bị nhiễm, quy trình sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu.

- Chế phẩm virus trừ sâu.

- Chế phẩm nấm trừ sâu.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu.</p> <p>+ Thế nào là chế phẩm vi khuẩn trừ sâu?</p> <p>+ Loài vi khuẩn nào được sử dụng để sản xuất ra chế phẩm vi khuẩn trừ sâu?</p> <p>+ Vì sao vi khuẩn này tiêu diệt được sâu hại?</p> <p>+ Triệu chứng của sâu hại khi bị bệnh do vi khuẩn gây ra?</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu Chế phẩm virus trừ sâu</p> <p>+ Thế nào là chế phẩm virus trừ sâu</p> <p>+ Đối tượng virus nào thường được sử dụng để tạo chế phẩm?</p> <p>+ Triệu chứng bị bệnh của sâu hại khi bị nhiễm virus?</p> <p>+ Giới thiệu quy trình sản xuất</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu Chế phẩm nấm trừ sâu.</p> <p>+ Nhóm nấm nào được sử dụng để tạo chế phẩm nấm trừ sâu?</p> <p>+ Khi bị nhiễm nấm (nấm túi & nấm phấn trắng) sâu hại có triệu</p>	HS tiếp nhận nhiệm vụ

	chứng bệnh tích như thế nào? + Giới thiệu quy trình sản xuất	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

“Chốt” kiến thức mới:

*** Khái niệm chế phẩm bảo vệ thực vật:**

Là chế phẩm được sản xuất từ nguyên liệu chính là những VSV sống, có tác dụng gây bệnh cho sâu để diệt sâu → không gây ảnh hưởng cho môi trường, giữ cân bằng hệ sinh thái Nông nghiệp; Đảm bảo an toàn thực phẩm

I. Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu

- Vi khuẩn được sử dụng để sản xuất chế phẩm trừ sâu là những vi khuẩn có tinh thể Protein độc ở giai đoạn bào tử
- Loài vi khuẩn có tác nhân này là vi khuẩn *Bacillus thuringiensis* (Bt)
- Sau khi nuốt phải bào tử có tinh thể protein độc, cơ thể sâu bọ bị tê liệt và bị chết sau 2-4 ngày.
- Quy trình sx: Hình 20.1 SGK

II – CHẾ PHẨM VIRUS TRỪ SÂU:

- Gây nhiễm virus nhân đa diện (N.P.V) lên sâu non → nghiền nát sâu non bị nhiễm virus → pha với nước theo tỷ lệ nhất định → lọc → thu nước dịch virus đậm đặc → pha chế chế phẩm.
- Khi mắc bệnh virus, cơ thể sâu bọ mềm nhũn do các mô bị tan rã. Màu sắc và độ căng của cơ thể biến đổi.

Quy trình sản xuất: Hình 20.2 SGK

III – CHẾ PHẨM NẤM TRỪ SÂU:

- 2 nhóm nấm được sử dụng: Nhóm nấm túi và nấm phấn trắng (*Beauveria bassiana*)
- Khi bị nhiễm nấm túi, cơ thể sâu bọ trương lên, sâu bọ yếu dần rồi chết.
- Khi bị nhiễm nấm phấn trắng, cơ thể sâu bọ cứng lại và trắng như rắc bột. Sâu bọ bị chết sau vài ngày nhiễm bệnh.
- **Quy trình sx :** Hình 20.3 SGK

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung: Làm bài tập về ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- * **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá
- * **Thực hiện nhiệm vụ:** - Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- * **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

***Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

HS đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá. Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng: Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời: + Để góp phần thực hiện tốt ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật, chúng ta cần làm gì?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.
- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập: Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất các loại chế phẩm bảo vệ thực vật.

Ngày soạn:

Tiết:

Chương 3: BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN
BÀI 40: MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC BẢO QUẢN,
CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Hiểu được mục đích và ý nghĩa của bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản.
- Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong bảo quản và chế biến.

2. Kỹ năng: Quan sát, phân tích, khái quát hóa.

3. Thái độ: Hứng thú tìm hiểu công nghệ bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : Hiểu được mục đích và ý nghĩa của bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản.

- Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong bảo quản và chế biến.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : giải thích được mục đích và ý nghĩa của bảo quản, chế biến nông, lâm thủy sản, đặc điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình mục đích, ý nghĩa, đặc điểm nông, lâm, thủy sản và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến chất lượng nông, lâm, thủy sản.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : phân biệt được công tác bảo quản và chế biến và phân tích ý nghĩa về mặt kinh tế, đời sống trong công tác bảo quản và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

2. Năng lực chuyên biệt: quan sát tranh ảnh các loại kho bảo quản, các cách chế biến và một số sinh vật gây hại đến nông, lâm, thủy sản.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết (MĐ 1)	Thông hiểu (MĐ 2)	Vận dụng thấp (MĐ 3)	Vận dụng cao (MĐ 4)
Mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.	Nắm được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông lâm, thủy sản.	Đặc điểm của sản phẩm nông, lâm, thủy sản	Những yếu tố nào của môi trường ảnh hưởng tới chất lượng của nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản	Liên hệ thực tế cách bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến là gì?(MĐ 1)

Câu 2: Trong bảo quản cần chú ý đặc điểm nào của nông, lâm, thủy sản? (MĐ 2)

Câu 3: Những yếu tố nào của môi trường ảnh hưởng tới chất lượng của nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản? (MĐ 3)

Câu 4: Tại sao bảo quản nông, thủy sản lâu dài thường phải phơi khô? (MĐ 4)

Câu 5: Ở địa phương có cách bảo quản nông, lâm, thủy sản nào mà em biết? (MĐ 4)

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.

- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

Câu 1: Thế nào là chế phẩm virus trừ sâu? Virus dùng sản xuất?

Câu 2: Thế nào là chế phẩm nấm trừ sâu? Nhóm nấm dùng sản xuất?

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:

- Ở gia đình các em bảo quản thực phẩm, rau hoa quả bằng cách nào? Nhằm mục đích gì?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.

- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.

- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

18) Mục đích

- Hiểu được mục đích và ý nghĩa của bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong bảo quản và chế biến.

- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến
- Đặc điểm của nông, lâm, thủy sản.
- Ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu mục đích , ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản. Trả lời câu hỏi sau + Thế nào là bảo quản nông, lâm, thủy sản? + Mục đích của việc bảo quản sản phẩm nông, lâm, thủy sản là gì? + Có các hình thức nào để bảo quản sản phẩm?</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu mục đích , ý nghĩa của công tác chế biến nông, lâm, thủy sản. Trả lời câu hỏi sau + Kể các hoạt động chế biến nông, lâm, thủy sản mà em biết?</p>	<p>- Nhận nhiệm vụ của nhóm.</p> <p>- Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ.</p> <p>- Phân công người trình bày.</p> <p>- Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.</p>

	<p>+ Người ta chế biến nông, lâm, thủy sản nhằm mục đích gì?</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm nông, lâm, thủy sản.</p> <p>Trả lời các câu hỏi</p> <p>+ Em có nhận xét gì về các chất dinh dưỡng trong các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.</p> <p>+ Trong công tác bảo quản nông, thủy sản phải phơi khô. Vì sao?</p> <p>+ Lâm sản: mây, tre, gỗ... Em hãy cho biết đặc điểm của lâm sản?</p> <p>+ Sản phẩm của lâm sản dùng để làm gì?</p> <p>Nhóm 4: Tìm hiểu ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.</p> <p>Trả lời các câu hỏi:</p> <p>+ Điều kiện môi trường gồm các yếu tố chính nào ?</p> <p>+ Môi trường có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản, chế biến không?</p> <p>+ Độ ẩm không khí có tác động đến sản phẩm nông, lâm, thủy sản như thế nào?</p> <p>+ Nhiệt độ của môi trường có ảnh hưởng gì đến chất lượng nông, lâm, thủy sản?</p> <p>+ Em hãy cho biết trong môi trường tự nhiên có các loại sinh vật nào gây hại cho việc bảo quản nông, lâm, thủy sản?</p>	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA CÔNG TÁC BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN**

1. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản.

- Duy trì đặc tính ban đầu của nông, lâm, thủy sản.
- Hạn chế tổn thất về số lượng và chất lượng

2. Mục đích, ý nghĩa của công tác chế biến nông, lâm, thủy sản.

- Duy trì, nâng cao chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo quản và đồng thời tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của người tiêu dùng.

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA NÔNG, LÂM, THỦY SẢN.

- Nông sản, thủy sản là lương thực, thực phẩm chứa các chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, chất bột, chất béo, chất xơ, các loại đường, các loại vitamin và khoáng chất...

- Nông, thủy sản chứa nhiều nước.

- Dễ bị vi sinh vật xâm nhiễm gây thối hỏng.

- Lâm sản chứa chất xơ là nguồn nguyên liệu cho một ngành công nghiệp: giấy, đồ gỗ gia dụng, mỹ nghệ.

III. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TRONG QUÁ TRÌNH BẢO QUẢN.

- Độ ẩm không khí là yếu tố gây ảnh hưởng mạnh đến chất lượng của nông, lâm, thủy sản trong bảo quản. Độ ẩm cao của không khí làm cho nông, lâm, thủy sản khô bị ẩm trở lại, đôi khi quá giới hạn cho phép, là điều kiện thuận lợi cho VSV, côn trùng phát triển, phá hại.

- Nhiệt độ môi trường cũng ảnh hưởng mạnh đến chất lượng nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản. Khi nhiệt độ tăng lên thì hoạt động VSV tăng, các phản ứng sinh hóa cũng tăng lên làm nông sản, lâm, thủy sản nóng lên, dẫn đến chất lượng của chúng bị giảm mạnh.

- Trong môi trường thường xuyên có các loại sinh vật gây hại cho nông, lâm thủy sản như VSV, côn trùng, sâu bọ,

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Tại sao bảo quản nông, thủy sản lâu dài thường phải phơi khô?

- Ở địa phương em lúa, ngô được bảo quản bằng cách nào?

- Kể tên các sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản?

- Trong điều kiện bình thường nông, lâm, thủy sản dễ bảo quản hay khó bảo quản. Vì sao?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Giảm lượng nước trong nông, thủy sản để khỏi bị vi sinh vật xâm nhiễm

- Phơi khô, đóng bao, chum vại...

- Muối dưa, đóng hộp, làm mứt

- Khó, vì chứa nhiều nước dễ bị VSV xâm nhiễm gây thối hỏng

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về mục đích ý nghĩa của công tác bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản.

Ngày soạn:
Tiết:

BÀI 41 : BẢO QUẢN HẠT, CỦ LÀM GIỐNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Hiểu được mục đích và phương pháp bảo quản hạt, củ làm giống.
- Quy trình bảo quản hạt giống, củ giống.

2. Kỹ năng: Quan sát, phân tích, khái quát hóa.

3.Thái độ: Hứng thú tìm hiểu phương pháp bảo quản hạt, củ làm giống.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : - Hiểu được mục đích và phương pháp bảo quản hạt, củ làm giống

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : giải thích được mục đích và phương pháp bảo quản hạt, củ làm giống.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình mục đích và phương pháp bảo quản hạt củ làm giống; Quy trình bảo quản hạt giống, củ giống.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Hiểu rõ từng bước trong quy trình bảo quản hạt, củ làm giống.

2 . Năng lực chuyên biệt: quan sát tranh ảnh các loại kho bảo quản, một số loại hạt giống được đóng gói để bảo quản,...

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết (MĐ 1)	Thông hiểu (MĐ 2)	Vận dụng thấp (MĐ 3)	Vận dụng cao (MĐ 4)
Bảo quản hạt, củ làm giống.	Hiểu được mục đích và phương pháp bảo quản hạt giống, củ giống.	Trình bày được quy trình bảo quản hạt giống và củ giống.		Vận dụng được các kiến thức về bảo quản hạt giống, củ giống vào thực tế sản xuất ở gia đình.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Tiêu chuẩn của hạt giống, củ giống?(MĐ 1)

Câu 2: Các phương pháp bảo quản hạt giống, củ giống? (MĐ 2)

Câu 3: Làm rõ các bước trong quy trình bảo quản hạt giống, củ giống? (MĐ 3)

Câu 4: Cho biết những chỉ tiêu nào cần phải lưu ý trong quá trình bảo quản hạt giống, củ giống? (MĐ 4)

Câu 5: Ở địa phương có cách bảo quản hạt giống, củ giống nào mà em biết? (MĐ 4)

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1.Chuẩn bị của giáo viên :- Giáo án.- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

Câu 1: Trình bày mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản.

Câu 2: Phân tích ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:- Ở gia đình các em bảo quản hạt giống, củ giống bằng cách nào? Nhằm mục đích gì?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh. Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Bảo quản hạt, củ làm giống.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập - Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

1) Mục đích

- Hiểu được mục đích và phương pháp bảo quản hạt, củ làm giống.
- Quy trình bảo quản hạt giống, củ giống.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành: Bảo quản hạt giống. Bảo quản củ giống.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu: Mục đích và tác dụng của bảo quản hạt giống và Tiêu chuẩn hạt giống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích của việc bảo quản hạt giống? - Hạt giống được bảo quản và hạt giống tự nhiên, loại nào sẽ nảy mầm tốt hơn? - Tác dụng của việc bảo quản hạt giống? - Có các hình thức bảo quản nào? - Hạt giống phải có những tiêu chuẩn nào? <p>Nhóm 2: Tìm hiểu "Các phương pháp bảo quản hạt giống và quy trình bảo quản hạt giống"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào yếu tố nào để có các phương pháp bảo quản hạt giống? - Sau khi thu hoạch cần phải tiến hành các bước nào để tiến hành bảo quản hạt giống? - Muốn có hạt tốt đảm bảo các tiêu chuẩn phải làm gì? <p>Nhóm 3: Tìm hiểu: "Tiêu chuẩn của củ giống"</p> <p>Em hãy cho biết loại cây nào được trồng bằng củ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao củ giống thường bảo quản ngắn ngày - Củ làm giống thường được bảo quản trong điều kiện như thế nào? - Củ làm giống cần có các tiêu chuẩn gì? <p>Nhóm 4: Tìm hiểu: "Quy trình bảo quản củ giống"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Để có củ giống bảo quản cần phải làm gì? - Muốn có củ giống tốt đảm bảo các tiêu chuẩn cần phải làm gì? - Ở địa phương em có loại củ giống nào được bảo quản theo quy trình trên? 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
Thực hiện nhiệm vụ học tập	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
Báo cáo kết quả	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
Đánh giá kết quả	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.
Kiến thức: I. Bảo quản hạt giống. 1. Mục đích bảo quản hạt giống.		

- Giữ được độ nảy mầm của hạt .
- Hạn chế tổn thất về số lượng, chất lượng hạt giống để tái sản xuất và góp phần duy trì tính đa dạng sinh học.

2. Tiêu chuẩn hạt giống

- Có chất lượng cao.
- Thuần chủng.
- Không bị sâu bệnh.

3. Các phương pháp bảo quản hạt giống

- Hạt giống được cất giữ trong điều kiện nhiệt độ, độ ẩm, không khí bình thường → Bảo quản ngắn hạn.
- Bảo quản trong điều kiện lạnh: nhiệt độ 00C, độ ẩm (35 - 40)% → Bảo quản trung hạn.
- Bảo quản trong điều kiện lạnh sâu: nhiệt độ -00C độ ẩm (35 - 40)% → Bảo quản dài hạn.

4. Quy trình bảo quản hạt giống: SGK

II. Bảo quản củ giống:

1. Tiêu chuẩn của củ giống.

- Có chất lượng cao.
- Đồng đều, không quá già, không quá non.
- Không bị sâu, bệnh.
- Không bị lẫn với các giống khác.
- Còn nguyên vẹn.
- Khả năng nảy mầm cao.

2. Quy trình bảo quản củ giống:

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về bảo quản hạt, củ làm giống.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bảo quản hạt, củ làm giống. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Giáo viên viết quy trình bảo quản hạt giống và củ giống, cho học sinh so sánh rút ra điểm giống và khác nhau của 2 quy trình, giải thích rõ sự khác nhau.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

HS rút ra những điểm giống, khác nhau.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bảo quản hạt, củ làm giống.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bảo quản hạt, củ làm giống.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bảo quản hạt, củ làm giống.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 42: BẢO QUẢN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

Qua bài này HS phải:

- Biết được các loại kho và các phương pháp bảo quản thóc, ngô, rau, hoa, quả tươi.

2. Kỹ năng: Phân tích, so sánh, khái quát hóa.

3. Thái độ: Có ý thức bảo quản sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Học sinh xác định được mục tiêu : Biết được các loại kho và các phương pháp bảo quản thóc, ngô, rau, hoa, quả tươi.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : nêu được các bảo quản lương thực với khối lượng lớn và khối lượng nhỏ ở gia đình. Giải thích các bước trong qui trình bảo quản thóc, ngô.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình các dạng kho bảo quản và qui trình bảo quản lương thực, thực phẩm.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Phân tích đặc điểm của mỗi loại kho để bảo quản lương thực.

2. Năng lực chuyên biệt: quan sát Hình 42.1, 42.2, 42.3, 42.4, 42.5, 42.6 SGK

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết MĐ1	Thông hiểu MĐ2	Vận dụng thấp MĐ3	Vận dụng cao MĐ4
Bảo quản lương thực, thực phẩm.	Biết được các loại kho bảo quản.	Các phương pháp bảo quản thóc, ngô, rau, hoa, quả tươi.	Qui trình bảo quản thóc, ngô, sắn lát khô, khoai lang tươi, rau, hoa, quả.	Giải thích các bước trong qui trình bảo quản thóc, ngô, sắn lát khô, khoai lang tươi, rau, hoa, quả.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Vì sao, thóc ngô, sắn trước khi đưa vào kho bảo quản cần phải làm khô?(MĐ4)

Câu 2: Phương pháp bảo quản lạnh đối với rau, hoa, quả tươi có ưu điểm gì? (MĐ2)

Câu 3: Trình bày đặc điểm nhà kho và kho si lo.(MĐ1)

Câu 4: Trình bày qui trình bảo quản thóc, ngô.? Giải thích các bước trong qui trình? (MĐ4)

Câu 5: Quy trình bảo quản rau, hoa, quả tươi như thế nào?MĐ3

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Nêu sự khác nhau của qui trình bảo quản hạt giống và củ giống.

Hoạt động 1. Khởi động

GV đưa ra các loại mẫu vật về lương thực và thực phẩm như lúa, ngô, đậu, củ khoai lang, sắn, củ cà rốt, nho, cam, các loại rau...

GV đặt câu hỏi:

Làm thế nào để giữ cho chúng không bị hư hỏng?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → bảo quản lương thực, thực phẩm

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

20) Mục đích

- HS biết được các dạng kho bảo quản thóc ngô, qui trình bảo quản thóc ngô, khoai lang, sắn
- HS biết được phương pháp và qui trình bảo quản rau, hoa quả tươi
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Bảo quản lương thực
- Bảo quản, rau, hoa quả tươi.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu các dạng kho và một số phương pháp bảo quản.</p> <p>+ Để bảo quản thóc ngô người ta cần chuẩn bị phương tiện như thế nào?</p> <p>+ Hãy nêu các đặc điểm của từng loại nhà kho?</p> <p>+ Các nước đang phát triển lương thực, thực phẩm được bảo quản ở đâu?</p> <p>+ Ở gia đình hay địa phương em thường bảo quản thóc bằng các phương tiện nào?</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu qui trình bảo quản thóc, ngô</p> <p>+ Viết quy trình bảo quản thóc, ngô</p> <p>+ Giải thích các bước trong qui trình</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu qui trình bảo quản sắn lát khô</p> <p>+ Viết quy trình bảo quản sắn lát khô</p> <p>+ Giải thích các bước trong qui trình</p>	<p>- Nhận nhiệm vụ của nhóm.</p> <p>- Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ.</p> <p>- Phân công người trình bày.</p> <p>- Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.</p>

	Nhóm 4: Tìm hiểu qui trình bảo quản khoai lang tươi. + Viết quy trình bảo quản khoai lang tươi. + Giải thích các bước trong qui trình	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. BẢO QUẢN LƯƠNG THỰC.**

1. Bảo quản thóc, ngô:

a. Các dạng kho bảo quản:

+ Nhà kho bảo quản thóc, ngô có nhiều gian, được xây dựng bằng gạch, ngói thành từng dãy(phổ biến ở nước ta)

Đặc điểm của nhà kho: (SGK)

+ Kho silô: Là dạng kho có thể là dạng hình trụ, hình vuông hay hình sáu cạnh, được xây bằng gạch, bê tông cốt thép hay bằng thép.

b. Một số phương pháp bảo quản :

- Bảo quản trong nhà kho và kho silô :

+ Đổ rời, có cào đảo.

+ Đóng bao

- Bảo quản theo phương pháp truyền thống trong các phương tiện đơn giản như chum vại, thùng phuy, thùng sắt, bảo tải, bồ cót, silô.

c. Quy trình bảo quản thóc, ngô:

Thu hoạch → Tuốt, tẽ hạt → Làm sạch và phân loại → Làm khô → Làm nguội → Phân loại theo chất lượng → Bảo quản → Sử dụng.

2. Bảo quản khoai, sắn(củ mì)

a. Quy trình bảo quản sắn lát khô:

Thu hoạch(dỡ) → Chặt cuống, gọt vỏ → Làm sạch → Thái lát → Làm khô → Đóng gói → Bảo quản kín, nơi khô ráo → Sử dụng.

b. Quy trình bảo quản khoai lang tươi:

Thu hoạch và lựa chọn khoai → hong khô → Xử lý chất chống nấm → hong khô → Xử lý chất chống nảy mầm → Phủ cát khô → Bảo quản → Sử dụng.

II. BẢO QUẢN RAU, HOA, QUẢ TƯƠI.

1. Một số phương pháp bảo quản rau, hoa, quả tươi:

- Bảo quản ở điều kiện bình thường

- Bảo quản lạnh

- Bảo quản trong môi trường khí biến đổi

- Bảo quản bằng hóa chất

- Bảo quản chiếu xạ

2. Quy trình bảo quản rau, hoa, quả tươi bằng phương pháp lạnh:

Thu hái → Chọn lựa → Làm sạch → Làm ráo nước → Bao gói → Bảo quản lạnh → Sử dụng.

. Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về bảo quản lương thực, thực phẩm.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

Hoạt động này được thực hiện ngoài giờ học trên lớp

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bảo quản lương thực, thực phẩm. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Khoai lang thường bị côn trùng nào phá hoại?
- Tại sao muốn bảo quản lâu dài, sản cần thái lát, phơi khô?
- Vì sao rau, hoa, quả tươi khó bảo quản?
- Nguyên tắc của bảo quản rau, hoa, quả tươi là gì?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Bộ hồ khoai lang, Bộ đục củ khoai lang, làm khoai lang bị đắng, hôi, người không ăn được.
- Muốn bảo quản lâu dài sản cần làm cho sản phẩm khô để giảm hô hấp và chống vi sinh vật xâm nhiễm, mà củ thì chứa nhiều nước nên phải thái lát mới phơi khô tới giới hạn cho phép.
- Sau thu hoạch vẫn còn những hoạt động sống như hô hấp, chín, nảy mầm chứa nhiều chất dinh dưỡng, nhiều nước nên dễ bị VSV xâm nhiễm.
- Giữ ở trạng thái ngủ nghỉ, tránh để vi sinh vật xâm nhiễm để giữ được chất lượng ban đầu của sản phẩm.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bảo quản lương thực, thực phẩm

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bảo quản lương thực, thực phẩm

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bảo quản lương thực, thực phẩm.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 44. CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức:**

- Biết được phương pháp chế biến gạo từ thóc, quy trình công nghệ chế biến tinh bột từ củ sắn, quy trình công nghệ chế biến rau, quả.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện tư duy phân tích, tổng hợp; khả năng hợp tác nhóm.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống trong thực tiễn.

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC**1. Các năng lực chung**

1.1. Năng lực tự học : Biết được phương pháp chế biến gạo từ thóc. Biết được quy trình công nghệ chế biến tinh bột từ sắn. Biết được công nghệ chế biến rau, quả.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích các phương pháp chế biến gạo, sắn khô, rau, quả.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình các phương pháp chế biến và quy trình chế biến gạo, sắn khô, rau, quả.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Giải thích các bước trong quy trình chế biến.

1.6 Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2 . Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh về các quy trình chế biến
- Quan sát các bước tiến hành và kết quả chế biến

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

Nội dung	Nhận biết MĐ1	Thông hiểu MĐ2	Vận dụng thấp MĐ3	Vận dụng cao MĐ4
Chế biến lương thực, thực phẩm	Các phương pháp chế biến.	Mô tả cách làm của từng phương pháp.	Quy trình chế biến gạo, tinh bột sắn, rau, hoa quả tươi.	Giải thích các bước trong quy trình chế biến

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Ở địa phương có các phương pháp nào để làm sạch thóc sau khi phơi khô?(MĐ1)

Câu 2: Ở quê em thường chế biến gạo từ thóc bằng cách nào?(MĐ2)

- + Có vùng xay gạo bằng cối xay, rồi giã gạo bằng cối và chày.
- + Có nơi dùng cối giã thóc cho đến lúc thành gạo.
- + Có nơi dùng máy xát chạy điện hay chạy bằng máy công nông.
- + Xí nghiệp chế biến gạo thì dùng máy hiện đại công suất từ 100 tấn đến 3000 tấn /ca.

Câu 3: Điền các từ còn thiếu hoàn thành quy trình chế biến tinh bột sắn.(MĐ3)

Sắn thu hoạch → Làm sạch sắn → → Tách bã → → Bảo quản ướt → Làm khô → Đóng gói → sử dụng.

Câu 4: Điền các từ còn thiếu hoàn thành quy trình chế biến rau, quả, đóng hộp.(MĐ3)

Nguyên liệu rau, quả → Phân loại → → xử lý cơ học → → vào hộp → Bào khí → → thanh trùng → làm nguội → Bảo quản thành phẩm → sử dụng.

Câu 4: Phân biệt chế biến tinh bột sắn và chế biến bột sắn?

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Trình bày quy trình bảo quản thóc, ngô và giải thích các bước trong qui trình.

Hoạt động 1. Khởi động

GV đưa ra các hình ảnh gạo, mứt, rau cải muối chua, mít sấy, ...

GV đặt câu hỏi:

- Các sản phẩm được tạo ra nhờ quá trình gì?
- Vậy gạo được chế biến từ đâu?
- Còn các sản phẩm khác được chế biến từ đâu? Qui trình thực hiện như thế nào?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Chế biến lương thực, thực phẩm

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

21) Mục đích

- Biết được phương pháp chế biến gạo từ thóc, quy trình công nghệ chế biến tinh bột từ củ sắn, quy trình công nghệ chế biến rau, quả.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Chế biến gạo từ thóc
- Chế biến tinh bột sắn
- Chế biến rau, quả

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Tìm hiểu qui trình chế biến gạo từ thóc: + Quan sát sơ đồ về qui trình công nghệ chế biến gạo từ thóc	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ.

	hoàn thành các bước còn thiếu để hoàn chỉnh qui trình? Làm sạch thóc →1.... → tách trấu →2..... → đánh bóng →3..... → sử dụng. + Ở quê em dùng những dụng cụ gì để chế biến gạo từ thóc? Nhóm 2: Tìm hiểu chế biến sản trả lời các câu hỏi + Các phương pháp chế biến sản ? giải thích cách làm. + Ở địa phương em hiện nay chế biến sản theo phương pháp nào ? Nhóm 3: Tìm hiểu qui trình chế biến tinh bột sản + Quan sát các hình ảnh về qui trình công nghệ chế biến tinh bột sản và điền tên các bước để hoàn thành qui trình + Giải thích các bước qui trình + Các sản phẩm chế biến từ tinh bột sản Nhóm 4: Tìm hiểu chế biến rau, quả theo nội dung sau. + Quan sát hình ảnh và cho biết các phương pháp chế biến rau quả?	- Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
Thực hiện nhiệm vụ học tập	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
Báo cáo kết quả	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
Đánh giá kết quả	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. CHẾ BIẾN GẠO TỪ THÓC**

Làm sạch thóc → Xay → Tách trấu → Xát trắng → đánh bóng → bảo quản → sử dụng.

II. CHẾ BIẾN SẢN**1. Một số phương pháp chế biến sản**

- Thái lát, phơi khô.
- Chẻ, chặt khúc, phơi khô.
- Phơi cả củ(sản gác hươu).
- Nạo thành sợi rồi phơi khô.
- Chế biến bột sản.
- Chế biến tinh bột sản.
- Lên men sản tươi để sản xuất thức ăn gia súc.

2. Quy trình công nghệ chế biến tinh bột sản

Sản thu hoạch → Làm sạch sản → Nghiền → Tách bã → Thu hồi tinh bột → Bảo quản ướt → Làm khô → Đóng gói → sử dụng.

III. CHẾ BIẾN RAU, QUẢ**1. Một số phương pháp chế biến rau, quả**

- Đóng hộp.
- Sấy khô.
- Chế biến các loại nước uống.
- Muối chua...

2. Quy trình công nghệ chế biến rau, quả theo phương pháp đóng hộp

Nguyên liệu rau, quả → Phân loại → làm sạch → xử lý cơ học → Xử lý nhiệt → vào hộp → Bôi khí → ghép mí → thanh trùng → làm nguội → Bảo quản thành phẩm → sử dụng.

. Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về chế biến lương thực, thực phẩm.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

** Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về chế biến lương thực, thực phẩm. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Tại sao muốn bảo quản lâu dài, cần thái lát, phơi khô?

- Vì sao rau, hoa, quả tươi khó bảo quản?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Muốn bảo quản lâu dài cần thái lát cho sản phẩm khô để giảm hô hấp và chống vi sinh vật xâm nhiễm, mà củ thì chứa nhiều nước nên phải thái lát mới phơi khô tới giới hạn cho phép.

- Sau thu hoạch vẫn còn những hoạt động sống như hô hấp, chín, nảy mầm chứa nhiều chất dinh dưỡng, nhiều nước nên dễ bị VSV xâm nhiễm.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về chế biến lương thực, thực phẩm

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về chế biến lương thực, thực phẩm

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về chế biến lương thực, thực phẩm.

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 45. THỰC HÀNH: CHẾ BIẾN XI RÔ TỪ QUẢ**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ**

- Biết được cách làm và làm được xirô từ một số loại quả.
- Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.
- Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tế sản xuất và đời sống của bản thân, gia đình và địa phương.

2. Định hướng phát triển năng lực**2.1. Các năng lực chung**

2.1.1. Năng lực tự học : Biết cách làm xirô từ một số loại quả.

2.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Trình bày cách tiến hành làm thí nghiệm

2.1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra kết quả.

2.1.5. Năng lực tư duy : - Giải thích các bước làm xirô.

2.2 . Năng lực chuyên biệt : Chế biến được xi rô từ quả.

II.. Mô tả mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Thực hành chế biến xi rô	- Biết cách làm xirô từ một số loại quả.	- Hiểu được quy trình thực hành.	Giải thích các bước trong qui trình chế biến xi rô.	

III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Chuẩn bị của GV :**

- Giáo án.
- Phòng thực hành

2. Chuẩn bị của HS :

Quả (nho, ...) đến độ thu hoạch, tươi ngon, không sâu bệnh: 1kg.

Đường trắng: 1 - 1,5 kg.

Lọ thủy tinh đã rửa sạch, lau khô.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Kiểm tra sự chuẩn bị bài thực hành của học sinh.

Hoạt động 1. Khởi động**1) Mục đích**

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản của quy trình chế biến xirô từ quả và mục tiêu bài học để hướng tới các hoạt động của bản thân hay nhóm.

2) Nội dung

- Tìm hiểu quy trình chế biến xirô từ quả

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm.

+ Giao dụng cụ thực hành cho các nhóm thực hành.

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh dựa vào sách giáo khoa và tìm hiểu quy trình chế biến xirô từ quả làm việc theo nhóm để hoàn thành báo cáo nhiệm vụ được chuyển giao.

- Trao đổi trong nhóm kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đề xuất ý kiến thắc mắc

* Báo cáo, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên gọi 1-2 đại diện học sinh trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Nhận xét và chỉ ra những kiến thức học sinh cần tiếp tục tìm hiểu để hiểu rõ hơn về quy trình chế biến

xirô từ quả

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả quan sát, thảo luận.

Hoạt động 2. Tiếp nhận kiến thức mới

22) Mục đích

- Tiếp thu kiến thức mới về bài Thực hành chế biến xi rô, đề:
- Xác định những nội dung kiến thức cơ bản về bài Thực hành chế biến xi rô
- Vận dụng kiến thức về bài thực hành chế biến xi rô để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động trải nghiệm.

2) Nội dung

- Quy trình thực hành
- Kết quả thí nghiệm
- Đánh giá kết quả

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu và hướng dẫn học sinh thực hiện quy trình chế biến xi rô từ quả

* Thực hiện nhiệm vụ

- + Tiến hành theo các bước trong SGK để làm

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.
- “Chốt” kiến thức mới:

I. Quy trình thực hành:

- **Bước 1.** Quả tươi ngon được lựa chọn cẩn thận, loại bỏ những quả bị dập; quả bị sâu, bệnh; rửa sạch, để ráo nước.
- **Bước 2.** Xếp quả vào lọ thủy tinh, cứ một lớp quả, một lớp đường, chú ý dành một phần đường để phủ kín lớp quả trên cùng nhằm hạn chế sự lây nhiễm của vi sinh vật. Sau đó đậy lọ thật kín.
- **Bước 3.** Sau 20-30 ngày, nước quả được chiết ra tạo thành xi rô. Gạn dịch chiết vào lọ thủy tinh sạch khác để tiện sử dụng.

II. Đánh giá kết quả:

Đánh giá kết quả theo mẫu

4) Sản phẩm học tập

- Xi rô từ quả nho

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về bài chế biến xirô từ quả

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập :

Câu 1: Cần để quả trong lọ kín thời gian bao lâu để tạo thành si rô ?

A. 10 – 20 ngày B. 20 – 30 ngày C. 2 – 3 ngày D. 5 – 7 ngày

Câu 2: 1 kg quả làm xirô cần lượng đường tương ứng bao nhiêu ?

- A. 1 - 2kg B. 0.5 - 2kg C. 0.5 - 1kg D. Bao nhiêu cũng đc

Câu 3: Khi chế biến xi rô từ quả chanh cần lưu ý những điều gì ?

- A. Chanh đào sau khi mua về nên chế biến ngay
 B. Cần giữ khoảng cách với nắp cho chanh có không khí để lên men
 C. Dùng vỉ, que tre gài lên miệng lọ để tránh việc chanh nổi lên và bị thối hỏng
 D. Tất cả đều đúng

 ***Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết các bài tập tình huống được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Làm việc nhóm: Từng thành viên trong nhóm trình bày, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm kết quả hoàn thành bài tập tình huống.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

***Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả làm bài tập, có bổ sung, chỉnh sửa sau khi thảo luận nhóm và làm việc cả lớp.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài chế biến xiro từ quả

Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Chế biến xirô từ các loại quả dâu

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Giáo viên hướng dẫn HS về nhà tìm hiểu chế biến xiro từ quả dâu.

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về chế biến xiro từ quả

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về chế biến xiro từ quả

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về chế biến xiro từ quả.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 48. CHẾ BIẾN SẢN PHẨM CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ LÂM SẢN

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Biết được một số phương pháp chế biến chè.
- Biết được phương pháp sản xuất chè xanh quy mô công nghiệp.
- Biết một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện tư duy phân tích, tổng hợp; khả năng hợp tác nhóm.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống trong thực tiễn.

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Biết được một số phương pháp chế biến chè; Kể tên được một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Giải thích các phương pháp sản xuất chè xanh quy mô công nghiệp, chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình các phương pháp chế biến và qui trình chế biến chè, cà phê.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực tư duy sáng tạo : Giải thích các bước trong qui trình chế biến.

1.6. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh về các qui trình chế biến
- Quan sát các bước tiến hành và kết quả chế biến

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết MĐ1	Thông hiểu MĐ2	Vận dụng thấp MĐ3	Vận dụng cao MĐ4
Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản.	-Biết được một số phương pháp chế biến chè. -Kể tên được một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.	-Trình bày được phương pháp sản xuất chè xanh quy mô công nghiệp.	- So sánh quy trình chế biến chè xanh quy mô công nghiệp và trong hộ gia đình. - So sánh quy trình bảo quản cà phê nhân theo phương pháp ướt và khô.	- Liên hệ với thực tiễn và vận dụng vào công việc hàng ngày để giúp đỡ gia đình.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Ở địa phương có các phương pháp nào để chế biến chè? Chế biến cà phê?

Câu 2: Ở quê em thường chế biến chè xanh bằng cách nào?

Câu 3: Một số sản phẩm từ lâm sản:

A. Cà phê, bạch đàn, cây keo.

B. Chè, cây keo, bồ đề.

C. Bạch đàn, cây keo, bồ đề.

D. Tiêu, cà phê, bạch đàn.

Câu 4: Trong quy trình chế biến chè xanh công đoạn diệt men trong lá chè có tác dụng gì?

A. Làm mất hoạt tính của enzym trong lá chè.

B. Tăng hương vị thơm

ngon

C. Dễ nghiền thành bột

D. Tiêu diệt VSV gây hại.

Câu 5: Quy trình công nghệ chế biến chè xanh theo quy mô công nghiệp là:

- A. Lá chè xanh → Làm khô → Diệt men trong lá chè → Vò chè → làm héo → Phân loại , đóng gói → Sử dụng.
- B. Lá chè xanh → làm héo → Diệt men trong lá chè → Vò chè → Làm khô → Phân loại , đóng gói → Sử dụng.
- C. Lá chè xanh → làm héo → Diệt men trong lá chè → Làm khô → Vò chè → Phân loại , đóng gói → Sử dụng.
- D. Lá chè xanh → làm héo → Vò chè → Diệt men trong lá chè → Làm khô → Phân loại , đóng gói → Sử dụng.

Câu 6: Chế biến nông, lâm, thủy sản nhằm mục đích:

- A. Làm tăng giá trị sản phẩm. B. Hạn chế tổn thất về số lượng, chất lượng.
- C. Làm tăng giá trị và duy trì đặc tính ban đầu của sản phẩm.
- D. Duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo điều kiện cho bảo quản, tạo nhiều sản phẩm có giá trị.

Câu 7: Loại lâm sản nào chiếm tỉ trọng lớn trong chế biến lâm sản?

- A. Tre. B. Nứa. C. Gõ. D. Mây.

Câu 8: Quy trình công nghệ chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt gồm mấy bước?

- A. 13 B. 14 C. 12 D. 11

Câu 9: Quy trình công nghệ chế biến chè xanh quy mô công nghiệp gồm mấy bước?

- A. 8 B. 7 C. 5 D. 6

Câu 10: Có mấy phương pháp chế biến chè?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV đưa ra các hình ảnh chè, cà phê, nhà rừng, đồ mỹ nghệ, ...

GV đặt câu hỏi:

- Các sản phẩm được tạo ra nhờ quá trình gì?
- Vay chè, cà phê được chế biến ntn? Qui trình thực hiện làm sao?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Bài 48

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

23) Mục đích

- Biết được một số phương pháp chế biến chè, quy trình chế biến chè xanh quy mô công nghiệp, quy trình chế biến cà phê,...
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Chế biến chè:
- Chế biến cà phê nhân
- Một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Tìm hiểu về chế biến chè. - Có những phương pháp chế biến chè nào? - Làm rõ các bước trong quy trình chế biến chè xanh quy mô công nghiệp. Nhóm 2: Tìm hiểu chế biến cà phê nhân trả lời các câu hỏi + Các phương pháp chế biến cà phê nhân ? giải thích cách làm. + Làm rõ các bước trong quy trình chế biến cà phê nhân theo phương pháp ươm. Nhóm 3: Một số sản phẩm chế biến từ lâm sản. + Kể tên một số sản phẩm chế biến từ lâm sản. + Vai trò của chế biến gỗ.	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

I. Chế biến sản phẩm cây công nghiệp (chè, cà phê...).

1. Chế biến chè:

a. Một số phương pháp chế biến:

- Chế biến chè đen.
- Chế biến chè xanh.
- Chế biến chè vàng.
- Chế biến chè đỏ.

b. Quy trình công nghệ chế biến chè xanh quy mô công nghiệp:

Nguyên liệu (lá chè xanh) → Làm héo → Diệt men trong lá chè → Vò chè → Làm khô → Phân loại, đóng gói → Sử dụng.

II. Chế biến cà phê nhân.

a. Một số phương pháp chế biến cà phê nhân:

- Chế biến ướt.

- Chế biến khô.

b. Quy trình công nghệ chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt:

Thu hái quả cà phê → Phân loại, làm sạch → Bóc vỏ quả → Ngâm ủ (lên men) → Rửa nhót → Làm khô → Cà phê thóc → Xát bỏ vỏ trấu → Cà phê nhân → Đóng gói → Bảo quản → Sử dụng.

III. Một số sản phẩm chế biến từ lâm sản.

1. Nguyên liệu: Gỗ, tre, mây...

2. Sản phẩm: Gỗ xẻ, gỗ dán, đồ mộc dân dụng và trang trí nội thất...

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

** Chuyển giao nhiệm vụ*

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Vì sao phải diệt men trong lá chè?

- Vì sao chế biến cà phê theo phương pháp ướt lại có chất lượng cao hơn chế biến khô?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 49. BÀI MỞ ĐẦU

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được một số khái niệm liên quan đến kinh doanh và doanh nghiệp
- Biết được một số khái niệm về kinh doanh và công ty.

2. Kỹ năng :

- Rèn luyện tư duy phân tích, tổng hợp; khả năng hợp tác nhóm.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống trong thực tiễn.

3. Thái độ

- Hứng thú tìm hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị kinh doanh.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học : Biết được một số khái niệm liên quan đến kinh doanh và doanh nghiệp, một số khái niệm về kinh doanh và công ty.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề : Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình các khái niệm liên quan đến kinh doanh, doanh nghiệp và công ty.

1.4. Năng lực hợp tác : Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh về kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết MĐ1	Thông hiểu MĐ2	Vận dụng thấp MĐ3	Vận dụng cao MĐ4
Bài mở đầu	- Biết được khái niệm kinh doanh, cơ hội kinh doanh, thị trường, doanh nghiệp, công ti.	- Các lĩnh vực kinh doanh, Các loại thị trường, Các loại doanh nghiệp, Các loại công ti.	- Các căn cứ để phân biệt thị trường (Căn cứ vào loại hàng hóa, mục đích, phạm vi mua bán hàng hóa,..)	- Giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Em hãy cho biết kinh doanh là gì? Có những lĩnh vực kinh doanh nào?

Câu 2: Thế nào là cơ hội kinh doanh?

Câu 3: Thị trường là gì và có những loại thị trường nào mà em biết?

Câu 4: Doanh nghiệp là gì? Có những loại doanh nghiệp nào?

Câu 5: Công ti là gì? Có những loại công ti nào?

Câu 6: Em hãy cho biết các yếu tố ảnh hưởng đến kinh doanh?

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Suu tầm và đọc thêm các tài liệu liên quan như Luật doanh nghiệp, tài liệu về quản trị kinh doanh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

Hiện nay trong cơ chế thị trường công việc kinh doanh của các doanh nghiệp đang phát triển rất nhanh, mạnh. Các doanh nghiệp đã đóng góp một phần rất quan trọng để tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho ngân sách nhà nước. Các em là chủ nhân tương lai của đất nước đang học trong trường phổ thông cũng cần phải biết về kinh doanh và doanh nghiệp để các em định hướng nghề nghiệp theo khả năng của mình.

GV đặt câu hỏi:

- Liên hệ thực tế em hãy cho biết kinh doanh gồm những lĩnh vực nào?
- Hoạt động kinh doanh nhằm mục đích gì?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Bài mở đầu

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

24) Mục đích

- Biết được một số khái niệm liên quan đến kinh doanh và doanh nghiệp
- Biết được một số khái niệm về kinh doanh và công ty.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Kinh doanh và cơ hội kinh doanh.
- Thị trường
- Doanh nghiệp
- Công ty

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu về kinh doanh và cơ hội kinh doanh.</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu về thị trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thị trường. - Lấy ví dụ về hoạt động mua bán ở địa phương. - Các loại thị trường. <p>Nhóm 3: Tìm hiểu về doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về doanh nghiệp. - Đặc điểm của các loại doanh nghiệp - Lấy một số vd về các doanh nghiệp ở địa phương và nêu rõ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

	loại hình kinh doanh của doanh nghiệp. Nhóm 4: Tìm hiểu về công ti Phân biệt được công ti trách nhiệm hữu hạn và công ti cổ phần.	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. KINH DOANH VÀ CƠ HỘI KINH DOANH**

1. Kinh doanh: là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

2. Cơ hội Kinh doanh: là điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để nhà kinh doanh thực hiện được mục tiêu kinh doanh.

II. THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm: là nơi diễn ra các hoạt động mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ.

2. Phân loại:

- Thị trường hàng hoá
- Thị trường dịch vụ
- Thị trường trong nước
- Thị trường nước ngoài

III. Doanh nghiệp:

- Là một tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích chủ yếu là thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Doanh nghiệp bao gồm các đơn vị kinh doanh như:
 - + DNTN : chủ doanh nghiệp là một cá nhân
 - + DNNN: chủ doanh nghiệp là nhà nước
 - + Công ti là doanh nghiệp có nhiều chủ cơ sở

IV. Công ti

1. Khái niệm: Là loại hình doanh nghiệp có ít nhất từ hai thành viên trở lên. Trong đó các thành viên cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ và các khoản nợ (nếu có) của công ty tương ứng với phần góp vốn của mình

2. Các loại hình công ty**a. Công ty cổ phần**

- + Phần vốn do các thành viên góp và số lượng thành viên trong suốt quá trình hoạt động ít nhất là 7 người
- + Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau và được gọi là cổ phần. Mỗi cá nhân hay tổ chức nắm giữ một hay một số cổ phần được gọi là cổ đông
- + Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của công ty

b. Công ty TNHH

- + Phần vốn góp phải được các thành viên đóng góp ngay từ đầu và được ghi vào điều lệ của công ty (gọi là vốn điều lệ)
- + Việc chuyển nhượng phần vốn giữa các thành viên được tiến hành tự do
- + Việc chuyển nhượng phần vốn cho người không phải là thành viên của công ty phải được sự đồng ý của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ của công ty
- + Công ty TNHH không được phép phát hành cổ phiếu

. 4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về bài mở đầu.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về bài mở đầu. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Ở địa phương em nơi nào thường diễn ra các hoạt động mua, bán hàng hóa.

- Em hãy kể tên một công ty mà em biết? Công ty đó kinh doanh hoặc sản xuất mặt hàng gì?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Nơi thường diễn ra các hoạt động mua, bán hàng hóa: Chợ, siêu thị,...

- VD công ty Đức Long Gia Lai, kinh doanh vận tải.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bài mở đầu

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bài mở đầu.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bài mở đầu.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 50. DOANH NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được khái niệm kinh doanh hộ gia đình
- Biết được thuận lợi và khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ.
- Biết các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ

2. Kỹ năng :

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống trong thực tiễn.

3. Thái độ

- Có hứng kinh doanh.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

- 1.1. **Năng lực tự học :** Biết được đặc điểm, tổ chức kinh doanh hộ gia đình.
- 1.2. **Năng lực giải quyết vấn đề :** Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp.
- 1.3. **Năng lực sử dụng ngôn ngữ :** Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình
- 1.4. **Năng lực hợp tác :** Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung
- 1.5. **Năng lực thẩm mỹ:** Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh về kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	- Biết được thế nào là tổ chức kinh doanh hộ gia đình.	- Các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ.	- Lấy ví dụ về doanh nghiệp nhỏ ở địa phương.	- Phân tích những thuận lợi, khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Doanh nghiệp nhỏ có những thuận lợi và khó khăn gì?

Câu 2: Kinh doanh hộ gia đình có những đặc điểm gì?

Câu 3: Nêu những điều cơ bản trong hoạt động kinh doanh hộ gia đình.

Câu 4: Em hãy kể tên những lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ.

Câu 5: Những đặc điểm, cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh của loại hình kinh doanh hộ gia đình?

Câu 6: Cách thức xây dựng kế hoạch kinh doanh của loại hình kinh doanh hộ gia đình?

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.- Tư liệu về việc kinh doanh của các doanh nghiệp ở địa phương.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:

- Ở địa phương em các gia đình thường kinh doanh các hàng hóa gì?
- Do họ sản xuất ra hay mua nơi khác?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → *Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.*

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

25) Mục đích

- Biết được khái niệm kinh doanh hộ gia đình
- Biết được thuận lợi và khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ.
- Biết các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhỏ
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Kinh doanh hộ gia đình
- Doanh nghiệp nhỏ

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Hoàn thành PHT về đặc điểm của kinh doanh hộ gia đình và tổ chức kinh doanh hộ gia đình.	<ul style="list-style-type: none">- Nhận nhiệm vụ của nhóm.- Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ.- Phân công người trình bày.- Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.												
	<table><tr><th>ĐẶC ĐIỂM</th><th>NỘI DUNG</th></tr><tr><td>Lĩnh vực kinh doanh</td><td></td></tr><tr><td>Chủ sở hữu</td><td></td></tr><tr><td>Quy mô kinh doanh</td><td></td></tr><tr><td>Công nghệ kinh doanh</td><td></td></tr><tr><td>Lao động</td><td></td></tr></table>		ĐẶC ĐIỂM	NỘI DUNG	Lĩnh vực kinh doanh		Chủ sở hữu		Quy mô kinh doanh		Công nghệ kinh doanh		Lao động	
	ĐẶC ĐIỂM		NỘI DUNG											
	Lĩnh vực kinh doanh													
	Chủ sở hữu													
	Quy mô kinh doanh													
	Công nghệ kinh doanh													
	Lao động													
	<table><tr><td rowspan="2">Tổ chức vốn</td><td>Các loại hình vốn</td><td></td></tr><tr><td>Nguồn huy động vốn</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">Tổ chức sử dụng lao động</td><td></td></tr></table>		Tổ chức vốn	Các loại hình vốn		Nguồn huy động vốn		Tổ chức sử dụng lao động						
	Tổ chức vốn			Các loại hình vốn										
Nguồn huy động vốn														
Tổ chức sử dụng lao động														
Nhóm 2: Tìm hiểu về xây dựng kế hoạch kinh doanh hộ gia đình														
- Kế hoạch bán sản phẩm ra thị trường ứng với lĩnh vực nào trong kinh doanh?														
- Hãy cho biết, lượng sản phẩm được bán ra thị trường phụ thuộc vào yếu tố nào?														
- Theo em, công thức trên đúng với trường hợp nào? Những trường hợp nào không đúng?														
- Theo em, người kinh doanh phải căn cứ vào điều gì để xác định số lượng sản phẩm cần sản xuất?														
Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.														
- Doanh thu là gì?														
- Doanh nghiệp nhỏ có doanh thu thế nào?														

	- DN nhỏ còn có những đặc điểm gì? - Hãy phân tích những thuận lợi và khó khăn của loại hình DN nhỏ? Nhóm 4: Tìm hiểu các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. Em hãy cho biết những lĩnh vực kinh doanh nào phù hợp với loại hình doanh nghiệp nhỏ? Ví dụ?	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

Kiến thức:**I. Kinh doanh hộ gia đình****1. Đặc điểm kinh doanh hộ gia đình**

- Các lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và tổ chức các hoạt động dịch vụ
- Chủ sở hữu: Cá nhân là chủ gia đình
- Quy mô kinh doanh: Nhỏ
- Công nghệ kinh doanh: Đơn giản
- Lao động: (Thường) Người thân trong gia đình

2. Tổ chức hoạt động kinh doanh gia đình**a. Tổ chức vốn kinh doanh**

- Các loại hình vốn:
 - + Vốn cố định: Là vốn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được diễn ra thường xuyên, liên tục. Ví dụ: Nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu...
 - + Vốn lưu động: Là phần vốn đảm bảo cho hàng hóa, sản phẩm được lưu thông trên thị trường. Ví dụ: Tiền, vàng, sản phẩm thành phẩm...
- Nguồn vốn: Chủ yếu là vốn tự có của gia đình, một phần khác là vay mượn

b. Tổ chức sử dụng lao động

- Lao động chủ yếu là người thân trong gia đình
- Lao động được sử dụng linh hoạt, một người có thể tham gia vào nhiều công đoạn khác nhau của hoạt động kinh doanh

3. Xây dựng kế hoạch kinh doanh**a. Kế hoạch bán sản phẩm do gia đình sản xuất**

S. PHẨM BÁN RA T.TRƯỜNG	=	TỔNG S.P SẢN XUẤT RA	SỐ S. PHẨM GĐ TỰ TIÊU THỤ
----------------------------	---	-------------------------	---------------------------------

* Tổng sản phẩm sản xuất ra phụ thuộc vào:

- Nhu cầu của thị trường
 - Điều kiện của doanh nghiệp (hộ gia đình)
- Trong đó nhu cầu thị trường là yếu tố quyết định

b. Kế hoạch mua gom sản phẩm để bánLƯỢNG SP
MUA VÀOLƯỢNG SP
BÁN RANHU CẦU DƯ
TRỪ

= +

II. Doanh nghiệp nhỏ**1. Đặc điểm loại hình doanh nghiệp nhỏ.**

- Doanh thu: Không lớn
- Số lượng lao động, quy mô: Nhỏ
- Vốn ít

2. Thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp nhỏ.

* Thuận lợi:

- Lao động có số lượng ít, quy mô kinh doanh nhỏ → quản lý dễ dàng và hiệu quả
- Vốn cố định có giá trị thấp nên dễ dàng đổi mới công nghệ; Quy mô nhỏ cũng là điều kiện thuận lợi để thay đổi lĩnh vực kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường

* Khó khăn

- Vốn ít nên khó đầu tư đồng bộ
- Khó nắm bắt được thông tin thị trường
- Chất lượng lao động thấp

3. Các lĩnh vực kinh doanh phù hợp

* **Hoạt động sản xuất hàng hóa:** Nông, lâm, thủy sản, các mặt hàng công nghiệp.

* **Các hoạt động mua bán hàng hóa:** Đại lý bán hàng, bán lẻ.

* **Các hoạt động dịch vụ:** Nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, sửa chữa dụng cụ, đồ dùng, ăn uống...

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Doanh nghiệp nhỏ ở địa phương em thường mua, bán mặt hàng gì?
- Em hãy cho biết các hoạt động dịch vụ ở địa phương em?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.
- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bài Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bài Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bài Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngày soạn:

Tiết:

BÀI 51. LỰA CHỌN LĨNH VỰC KINH DOANH.**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức**

- Biết được căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh.
- Biết được các bước lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

2. Kỹ năng :

- Hình thành ý tưởng kinh doanh
- Xác định được sản phẩm kinh doanh.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC**1. Các năng lực chung**

1.1. Năng lực tự học: Biết được căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh và các bước lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt: Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:**1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:**

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	- Biết được căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh. - Biết được các bước lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	- Liệt kê các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.	- Phân tích môi trường kinh doanh giúp cho doanh nghiệp phát hiện được những lĩnh vực còn có tiềm năng.	

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Trình bày các căn cứ lựa chọn lĩnh vực kinh doanh. Thế nào là lĩnh vực kinh doanh phù hợp?

Câu 2: Hãy phân tích các bước tiến hành lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

Câu 3: Ở địa phương em có những lĩnh vực kinh doanh nào? Theo em, lĩnh vực kinh doanh nào là thuận lợi nhất?

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Chuẩn bị của giáo viên :**

- Giáo án.
- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:- Tại sao phải lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập - Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

26) Mục đích

- Biết được căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh.
- Biết được các bước lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Xác định lĩnh vực kinh doanh
- Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Tìm hiểu các căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh Nhóm 2: Tìm hiểu xác định vực kinh doanh phù hợp. Nhóm 3: Tìm hiểu lựa chọn lĩnh vực kinh doanh. Nhóm 4: Liên hệ thực tế ở địa phương: + Có những lĩnh vực kinh doanh nào? + Lĩnh vực kinh doanh nào phù hợp. + Lĩnh vực kinh doanh nào thuận lợi?	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:

I. Xác định lĩnh vực kinh doanh

1. Căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh

- Thị trường có nhu cầu
- Đảm bảo thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp
- Huy động hiệu quả mọi nguồn lực của doanh nghiệp và xã hội
- Hạn chế thấp nhất những rủi ro đến với doanh nghiệp

2. Xác định lĩnh vực kinh doanh phù hợp

Lĩnh vực đảm bảo thực hiện mục tiêu kinh doanh, phù hợp với pháp luật và không ngừng nâng cao hiệu quả

kinh doanh

II. Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh

1. Phân tích

* Phân tích môi trường kinh doanh

- Nhu cầu của thị trường và mức độ thỏa mãn nhu cầu thị trường
- Chính sách, pháp luật có liên quan

* Phân tích điều kiện của doanh nghiệp

- Phân tích nhân lực:

+ Trình độ chuyên môn của người lao động

+ Năng lực quản lý của chủ sở hữu

- Phân tích tài chính

+ Vốn đầu tư trong kinh doanh

+ Nguồn huy động vốn và khả năng huy động vốn

+ Thời gian hoàn vốn đầu tư

+ Lợi nhuận

+ Rủi ro

- Phân tích điều kiện kỹ thuật công nghệ

- Phân tích khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường của doanh nghiệp

2. Quyết định lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhà kinh doanh đi đến quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- GV yêu cầu HS lấy ví dụ về thành công hoặc thất bại của doanh nghiệp ở địa phương và rút ra ý nghĩa của việc lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

Ngày soạn:
Tiết:

BÀI 52. THỰC HÀNH: LỰA CHỌN LĨNH VỰC KINH DOANH.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

Vận dụng được kiến thức về cơ sở để xác định và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh vào hoàn cảnh cụ thể, thời điểm cụ thể

Qua những ví dụ cụ thể, phân tích đối chiếu được nhu cầu thị trường, điều kiện của hộ gia đình để chọn được lĩnh vực vào thời điểm thích hợp

2. Kỹ năng :

Phát triển kỹ năng phân tích - Lựa chọn cơ hội kinh doanh

3. Thái độ

Có ý thức phân tích thị trường, đối chiếu với điều kiện cụ thể của gia đình hay doanh nghiệp để lựa chọn được cơ hội kinh doanh

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học: Biết được các bước lựa chọn và xác định được cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	- Biết được các bước lựa và xác định được cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp.	- Liệt kê các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, điều kiện của hộ gia đình.	- Phân tích - Lựa chọn cơ hội kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, điều kiện của hộ gia đình vào hoàn cảnh cụ thể, thời điểm cụ thể	

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Nội dung lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp gồm :

- Tìm kiếm nhu cầu hoặc bộ phận nhu cầu của khách hàng chưa được thỏa mãn
- Xác định nguyên nhân nhu cầu chưa được thỏa mãn
- Tìm cách để thỏa mãn nhu cầu .
- Đáp án A,B,C

Câu 2: Quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh gồm mấy bước ?

- 2
- 3
- 4
- 5

Câu 3: Bước thứ 3 trong quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh là ?

- Xác định khả năng và nguồn lực của doanh nghiệp
- Xác định loại dịch vụ
- Xác định loại hàng hóa
- Xác định đối tượng khách hàng

Câu 4: Các cơ hội kinh doanh được sắp xếp theo các tiêu chí nào ?

- Sở thích
- Các chỉ tiêu tài chính
- Mức độ rủi ro
- Cả 3 tiêu chí trên

Câu 5: Những rủi ro nào có thể xuất hiện trong kinh doanh ?

- Sản phẩm làm ra bị hư hại
- Khách đặt mà không lấy hàng
- Sản phẩm làm ra không bán hết mà đã hết hạn sử dụng

D. Tất cả đều đúng

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV yêu cầu hs nêu một số ý tưởng kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện của hộ gia đình

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

27) Mục đích

Vận dụng được kiến thức về cơ sở để xác định và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh vào hoàn cảnh cụ thể, thời điểm cụ thể

Qua những ví dụ cụ thể, phân tích đối chiếu được nhu cầu thị trường, điều kiện của hộ gia đình để chọn được lĩnh vực vào thời điểm thích hợp

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Một số tình huống kinh doanh
- Giải quyết tình huống

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: đọc tình huống 1 (Chị H kinh doanh hoa) và trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chị H đã phân tích nhu cầu thị trường như thế nào? + Chị H đã phân tích tiềm năng của nhà chị như thế nào? + Chị H đã tổ chức quá trình kinh doanh như thế nào? + Chị H đã chọn lĩnh vực kinh doanh như thế nào? <p>Nhóm 2: đọc tình huống 2 và nêu trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh T đã phân tích nhu cầu của thị trường như thế nào? - Anh T đã phân tích tiềm năng của mình như thế nào? - Anh T đã xác định và chọn lĩnh vực kinh doanh như thế nào? <p>Nhóm 3: Đọc tình huống 3, 4 và đề xuất phương án của câu hỏi 9 (hãy liên hệ địa phương em có thể sản xuất hay làm dịch vụ gì để tăng thu nhập?)</p> <p>Nhóm 4: Giải quyết tình huống</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Em hãy nhận xét việc khởi nghiệp kinh doanh của chị H và anh T 2. Theo em chị H và anh T lựa chọn cơ hội kinh doanh có phù hợp với khả năng hay không? 3. Chị H và anh T đã phát triển kinh doanh như thế nào? 4. Anh T đã tạo vốn kinh doanh bằng cách nào? 5. Chị H và anh T kinh doanh có hiệu quả không? 6. Cơ hội kinh doanh mà chị D và bác A lựa chọn có phù hợp không? Vì sao? 7. Chị D và bác A kinh doanh có hiệu quả không? 8. Em hãy nhận xét về mục tiêu của bác A khi quyết định làm dịch vụ cho thuê truyện và sách 9. Hãy liên hệ ở địa phương em có thể sản xuất hay làm dịch vụ gì để tăng thu nhập? 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
Thực hiện nhiệm vụ học tập	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
Báo cáo kết quả	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
Đánh giá kết quả	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung
<p>Kiến thức:</p> <p>I. Một số tình huống kinh doanh:</p> <p>1. Chị H kinh doanh hoa</p> <p>* Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết phân tích nhu cầu của thị trường - Biết phân tích tiềm năng của gia đình - Biết chọn thời cơ kinh doanh - Biết tổ chức kinh doanh <p>2. Anh T mở cửa hàng sửa chữa xe máy</p> <p>* Kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Anh T đã phân tích và tìm hiểu được nhu cầu của thị trường. - Anh T đã tạo tiềm năng đáp ứng được nhu cầu thị trường nên đã lựa chọn được lĩnh vực kinh doanh đúng <p>3. Chị D làm kinh tế vườn</p> <p>Kết luận: Chị D lựa chọn cơ hội kinh doanh phù hợp và có hiệu quả.</p> <p>4. Bác A cho thuê truyện</p> <p>Kết luận: bác A lựa chọn cơ hội kinh doanh phù hợp và có hiệu quả. Mục tiêu đúng.</p> <p>II. Giải quyết tình huống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất và vốn ít nhưng rất thuận lợi, may mắn - Chị H và anh T lựa chọn cơ hội kinh doanh có phù hợp với khả năng - Chị H và Anh T đã phát triển kinh doanh thành công và vững chắc 		

- Anh T thì vay của bạn bè và gia đình
- Chị H và anh T kinh doanh có hiệu quả
- Cơ hội kinh doanh của Bác A và chị D có phù hợp. Vì Bác A sống ở khu vực đông dân cư và gần trường học, còn chị D thì thực hiện được công tác vườn ao chuồng
- Chị D và Bác A kinh doanh có hiệu quả
- Bác quyết đúng đắn

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

- Yêu cầu HS lấy ví dụ cụ thể và phân tích đối chiếu được nhu cầu thị trường, điều kiện của hộ gia đình để chọn được lĩnh vực vào thời điểm thích hợp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

- HS báo cáo kết quả thảo luận

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về bài Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.

Ngày soạn:
Tiết:

Bài 53. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ.

2. Kỹ năng :

- Hình thành ý tưởng kinh doanh
- Xác định được sản phẩm kinh doanh.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học: Biết được căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp và nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

IV. Mô tả mức độ nhận thức:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Xác định kế hoạch kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Biết được nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách xác định kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Cơ sở xác định kế hoạch kinh doanh 	- Lấy ví dụ về xác định các căn cứ để xây dựng kế hoạch kinh doanh.	- Biết tính toán để xác định kết quả của từng yếu tố trong phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

Câu 1. Một xưởng bánh mì A, một ngày sản xuất 3500 cái bánh, mỗi ngày sản xuất được 700 cái. Vậy kế hoạch lao động cần sử dụng là

- A) 5 người B) 10 người C) 15 người D) 20 người

Câu 2. Anh T đầu tư 15 triệu đồng vào mua một chiếc máy cày để đi cày thuê cho bà con nông dân. Cứ mỗi ngày cày thuê về, anh thu được từ bà con nông dân 300 ngàn đồng, trừ chi phí anh thu lãi 200 ngàn đồng. Hãy xác định tổng vốn đầu tư của Anh T.

- A. 15 triệu. B. 15 triệu 1 trăm ngàn đồng.
C. 15 triệu 2 trăm ngàn đồng. D. 15 triệu 3 trăm ngàn đồng.

Câu 3. Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp gồm mấy phần:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 4. Kế hoạch vốn kinh doanh được tính theo phương pháp:

- A. Vốn hàng hóa+ tiền công B. Tiền công + tiền thuế
C. Vốn hàng hóa+ tiền thuế D. Vốn hàng hóa+ tiền công + tiền thuế

Câu 5. Kế hoạch mua hàng được tính theo phương pháp

- A. Mức bán kế hoạch + Nhu cầu dự trữ hàng hóa
B. Mức bán kế hoạch – Nhu cầu dự trữ hàng hóa

C. Mức bán thực tế trong thời gian qua

D. Mức bán kế hoạch +(-) nhu cầu dự trữ hàng hóa

Câu 6: Công thức: Năng lực sản xuất 1 tháng nhân số tháng là công thức tính kế hoạch:

A. Sản xuất. B. Vốn kinh doanh. C. Mua hàng. D. Bán hàng.

Câu 7. Một doanh nghiệp X có năng lực sản xuất 8000 sản phẩm/tháng. Vậy kế hoạch sản xuất 1 năm của doanh nghiệp X là:

A. 8000 sản phẩm. B. 1600 sản phẩm. C. 96000 sản phẩm. D. 80000 sản phẩm.

Câu 8. Doanh nghiệp X tháng rồi nhập 200 sản phẩm, bán ra 180 sản phẩm, kế hoạch bán hàng tháng này là 180 sản phẩm. Vậy số sản phẩm cần mua theo kế hoạch là:

A. 180. B. 160. C. 200. D. 220.

Câu 9. Trong điều kiện kinh tế thị trường, các doanh nghiệp kinh doanh theo nguyên tắc:

A. Bán cái gì cũng được

B. Bán cái thị trường cần

C. Bán cái mà thu lợi nhuận cao

D. Bán cái mà thị trường chưa bao giờ có

2.2 Tự luận

1. Hãy nêu những căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ nào là quan trọng nhất? Vì sao?

2. Trình bày nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh.

3. Nêu cách xác định kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.

- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.

- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

- Bảng phụ, SGK,

V. TIỀN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:

- Mục tiêu của doanh nghiệp là gì?

- Trong kinh doanh nếu không có kế hoạch kinh doanh sẽ gây nên hậu quả gì?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.

- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.

- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của học sinh để giới thiệu → Xác định kế hoạch kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

28) Mục đích

- Biết được các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Biết được nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ.

- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp
- Nội dung và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Tìm hiểu về khái niệm kế hoạch kinh doanh. Nhóm 2: Tìm hiểu về Các căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Nhóm 3: Tìm hiểu về Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Nhóm 4: Tìm hiểu về Phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

Kiến thức:

I Căn cứ để lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp:

1. Khái niệm kế hoạch kinh doanh:

Là văn bản thể hiện mục tiêu phát triển của doanh nghiệp trong thời kì nhất định.

2. Các căn cứ để lập kế hoạch:

- Dựa vào nhu cầu của thị trường, thể hiện ở hợp đồng hay đơn đặt hàng.
- Dựa vào sự phát triển của kinh tế xã hội: Phát triển sản xuất hàng hoá, thu nhập của dân cư.
- Dựa vào pháp luật hiện hành: Chủ trương, đường lối, chính sách của nhà nước.
- Dựa vào khả năng của doanh nghiệp: nguồn vốn, trình độ, công nghệ, lao động, trang thiết bị, nhà xưởng, nhu cầu thị trường.

II. Nội dung và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp:

1. Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp: gồm 5 nội dung chính

- Kế hoạch bán hàng.
- Kế hoạch mua hàng.
- Kế hoạch tài chính.
- Kế hoạch lao động.
- Kế hoạch sản xuất.

2. Phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp

$$\text{Kế hoạch bán hàng} = \text{Mức bán hàng thực tế trong thời gian qua} + (-) \text{ Các yếu tố tăng (giảm)}$$

PHƯƠNG
PHÁP LẬP KẾ
HOẠCH
KINH
DOANH

Bor đồ phương pháp lập kế hoạch kinh doanh

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về Xác định kế hoạch kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích:

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về Xác định kế hoạch kinh doanh. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Ở địa phương em có thể mạnh sản xuất mặt hàng gì?
- Thu nhập bình quân của gia đình em là bao nhiêu 1 tháng ?
- Mặt hàng mà gia đình em thường xuyên mua là gì?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về Xác định kế hoạch kinh doanh.

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về Xác định kế hoạch kinh doanh.

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về Xác định kế hoạch kinh doanh.

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 54. THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được các bước triển khai thành lập doanh nghiệp.

2. Kỹ năng :

- Hình thành ý tưởng kinh doanh
- Xác định được sản phẩm kinh doanh.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học: Biết được các bước triển khai thành lập doanh nghiệp.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Thành lập doanh nghiệp	- Biết được các bước triển khai thành lập doanh nghiệp.	- Nội dung xây dựng phương án kinh doanh cho doanh nghiệp. - Nội dung và quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.	- Biết phân tích, xây dựng phương án kinh doanh. Liên hệ ở địa phương sống có thể kinh doanh cái gì?	- Cần phải làm gì để kinh doanh lâu dài có hiệu quả.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

Câu 1: Nhu cầu làm giàu cho bản thân và có ích cho xã hội là

- A. Mục tiêu kinh doanh. B. Ý tưởng kinh doanh.
C. Căn cứ lập kế hoạch kinh doanh. D. Nhu cầu kinh doanh

Câu 2: Hồ sơ đăng ký kinh doanh bao gồm:

- A. Đơn đăng ký kinh doanh. B. Điều lệ hoạt động doanh nghiệp.
C. Xác nhận vốn đăng ký kinh doanh. D. Tất cả đều đúng.

Câu 3: Đơn đăng ký kinh doanh bao gồm bao nhiêu nội dung:

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 4. Ông cha ta có câu “phi thương bất phú”, nghĩa là:

- A. Không giàu đừng kinh doanh B. Không giàu không kinh doanh
C. Kinh doanh thì không giàu D. Muốn giàu thì phải làm kinh doanh

2.2 Tự luận

Câu 1. Xây dựng phương án kinh doanh cho doanh nghiệp gồm những nội dung gì?

Câu 2. Nghiên cứu thị trường doanh nghiệp nhằm mục đích gì?

Câu 3 Trình bày nội dung và quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.
- Bảng phụ, SGK,

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

- Hãy nêu những căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Căn cứ nào là quan trọng nhất? Vì sao?
- Trình bày nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh.

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:

- Mục tiêu kinh doanh là gì?
- Muốn kinh doanh, cần những điều kiện gì?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của học sinh để giới thiệu → Thành lập doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**1) Mục đích**

- Biết được các bước triển khai thành lập doanh nghiệp.
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành.

- Xác định ý tưởng kinh doanh.
- Triển khai việc thành lập doanh nghiệp

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	<p>GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1,2: Tìm hiểu về Xác định ý tưởng kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu của kinh doanh là gì? - Ý tưởng kinh doanh có thể xuất phát từ những lí do nào? - Liên hệ thực tế ở địa phương thích hợp với những lĩnh vực kinh doanh nào? Lấy vd minh họa. <p>Nhóm 3,4: Tìm hiểu về Phân tích, xây dựng phương án kinh doanh cho doanh nghiệp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

	-Phân tích, xây dựng phương án kinh doanh cho doanh nghiệp là gì? - Thị trường của doanh nghiệp được hiểu là gì? -Nghiên cứu thị trường phải thực hiện được những nội dung gì? - Nhu cầu của khách hàng được thể hiện qua các yếu tố nào? - Xác định khả năng kinh doanh của doanh nghiệp. Nhóm 5,6 : Tìm hiểu về cách đăng kí kinh doanh cho doanh nghiệp. - Hồ sơ đăng kí kinh doanh bao gồm những gì? - Nội dung mỗi loại hồ sơ khác nhau như thế nào?	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. Xác định ý tưởng kinh doanh.**

Ý tưởng kinh doanh có thể xuất phát từ nhiều lí do khác nhau.

- Nhu cầu làm giàu cho bản thân và có ích cho xã hội .
- Các điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

II. Triển khai việc thành lập doanh nghiệp:**1. Phân tích, xây dựng phương án kinh doanh cho doanh nghiệp:**

- Là chứng minh được ý tưởng kinh doanh đúng và triển khai hoạt động kinh doanh là cần thiết

a. Thị trường của doanh nghiệp:

Thị trường của doanh nghiệp là khách hàng của doanh nghiệp: khách hàng hiện tại và khách hàng tiềm năng.

b. Nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp:

- Là nghiên cứu nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm hàng hoá mà doanh nghiệp sẽ kinh doanh trên thị trường.

- Xác định được nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm.

- Nhu cầu của khách hàng thể hiện qua:

+ Mức thu nhập của dân cư.

+ Nhu cầu tiêu dùng.

+ Giá cả trên thị trường.

- Tìm được cơ hội kinh doanh.

c. Xác định khả năng của doanh nghiệp:

- Xác định nguồn lực của doanh nghiệp

(vốn, nhân sự, cơ sở vật chất).

- Xác định được lợi thế của doanh nghiệp.

- Xác định khả năng tổ chức, quản lí của doanh nghiệp.

d. Xác định cơ hội kinh doanh.**2. Đăng kí kinh doanh cho doanh nghiệp:****a. Trình tự đăng kí thành lập doanh nghiệp.****b. Hồ sơ đăng kí kinh doanh bao gồm:**

- Đơn đăng kí kinh doanh.

- Điều lệ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xác nhận vốn đăng kí kinh doanh.

c. Nội dung đơn đăng kí kinh doanh:

- Tên doanh nghiệp.

- Địa chỉ, trụ sở chính của doanh nghiệp.

- Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh.

- Vốn điều lệ.
- Vốn của chủ doanh nghiệp.
- Họ, tên, chữ kí, địa chỉ thường trú của chủ doanh nghiệp.

. Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về Thành lập doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*** Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích:

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về thành lập doanh nghiệp. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Hãy nêu một số ý tưởng kinh doanh có hiệu quả mà em biết?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích

Học sinh mở rộng hiểu biết về thành lập doanh nghiệp

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về thành lập doanh nghiệp

3) Sản phẩm học tập

Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về thành lập doanh nghiệp

Ngày soạn:
Tiết:

Bài 55. QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Biết được việc tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được nội dung, phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Kỹ năng :

- Kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng khoa học: quan sát; phân loại; khái niệm
- Kỹ năng học tập: tự học; tự nghiên cứu; hợp tác; giao tiếp.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

- 1.1. Năng lực tự học:** - Biết được việc tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được nội dung, phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- 1.2. Năng lực giải quyết vấn đề:** Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

- 1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ:** Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

- 1.4. Năng lực hợp tác:** Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

- 1.5. Năng lực thẩm mỹ:** Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Quản lý doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được việc tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Biết được nội dung, phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. - Nêu được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu điểm của loại hình doanh nghiệp vừa và lớn. - Ý nghĩa của hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp. 	Xác định được: - Doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm được bài tập về hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

2.1 Trắc nghiệm

Câu 1: Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong một thời kì nhất định gọi là:

- A. Doanh thu. B. Chi phí. C. Lợi nhuận. D. Tỷ lệ sinh lời.

Câu 2: Doanh thu là:

- A. Sự so sánh giữa lợi nhuận thu được và vốn đầu tư. B. Tỷ lệ giữa lợi nhuận thu được và vốn đầu tư

C. Lượng tiền bán sản phẩm hàng hoá hoặc tiền thu từ hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định.

- D. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong một thời kì nhất định.

Câu 3: Hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp có ý nghĩa:

- A. Giúp chủ doanh nghiệp biết được kết quả kinh doanh.
B. Giúp chủ doanh nghiệp có biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp.
C. Giúp chủ doanh nghiệp tính toán được chi phí kinh doanh.
D. Giúp chủ doanh nghiệp tính toán được chi phí và kết quả kinh doanh.

Câu 4: Đặc trưng cơ bản của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp là:

- A. Tính tập trung, tính dân chủ. B. Tính tiêu chuẩn hóa, tính dân chủ
C. Tính chuyên môn, nghiệp vụ. D. Tính tập trung, tính tiêu chuẩn hóa

Câu 5: Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là

- A. Mức giảm chi phí B. Doanh thu. C. Lợi nhuận. D. Tỷ lệ sinh lời.

Câu 6: Việc tính toán chi phí và kết quả kinh doanh (doanh thu) của doanh nghiệp được gọi là:

- A. hoạch toán chi phí. B. hạch toán kinh tế. C. tính toán lợi nhuận. D. tính tỉ lệ sinh lời.

2.2 Tự luận

1. Trình bày đặc điểm của mô hình cấu trúc doanh nghiệp nhỏ.
2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp gồm những công việc gì?
3. Doanh nghiệp có thể huy động vốn từ những nguồn nào?
4. Hạch toán kinh tế là gì và ý nghĩa của hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp.
5. Trình bày các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.- Bảng phụ, SGK,

V. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

* **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :**

Câu 1. Nghiên cứu thị trường doanh nghiệp nhằm mục đích gì?

Câu 2. Trình bày nội dung và quy trình lựa chọn cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.

Hoạt động 1. Khởi động

GV đặt câu hỏi:

- Theo em, để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả thì cần có những yếu tố nào?

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- HS nghe thông tin, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của học sinh để giới thiệu → Quản lí doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

1) Mục đích

- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành.

- Biết được tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết nội dung và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	<p>GV chia lớp thành 5 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu “Xác lập cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp”</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu “Tổ chức thực hiện kế hoạch và tìm kiếm nguồn vốn”</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu: Hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp</p> <p>Nhóm 4: Tìm hiểu “Các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp »</p> <p>Nhóm 5: Tìm hiểu “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

	<i>của doanh nghiệp”</i>	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. Tổ chức hoạt động kinh doanh:****1.Xác lập cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:****a/ Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp**

-Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp có hai đặc trưng cơ bản là:Tính tập trung và tính tiêu chuẩn hóa

b/Mô hình cơ cấu tổ chức doanh nghiệp

- Mô hình cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có các đặc điểm sau:

- +Giám đốc.
- +Các nhân viên bán hàng khác nhau.
- +Nhân viên kế toán.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch:**a/ Phân chia nguồn lực.**

- Nguồn lực của doanh nghiệp gồm: Tài chính, nhân lực, máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị,...

b/Theo dõi thực hiện kế hoạch.

- Phân công người theo dõi từng công việc
- Kiểm tra, đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch

3. Tìm kiếm nguồn vốn:

- Vốn của chủ doanh nghiệp.
- Vốn của các thành viên.
- Vốn vay.
- Vốn của người cung ứng.

II. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp:**1.Hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp:****a/Hạch toán là gì?**

- Hạch toán là việc tính toán chi phí và doanh thu
 - +Doanh thu: Là tiền bán hàng hoá hoặc thu từ hoạt động dịch vụ.
- +Chi phí gồm : Nguyên liệu, lương, quản lí,...
- +Lợi nhuận: Tổng doanh thu – Tổng chi phí.
- Khi lợi nhuận là một số dương thì doanh nghiệp có lãi
- Khi lợi nhuận là một số âm thì doanh nghiệp bị lỗ

b/Ý nghĩa của hạch toán

- Hạch toán giúp doanh nghiệp có biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp

c/Nội dung hạch toán

- Nội dung hạch toán là xác định: Doanh thu, chi phí và lợi nhuận kinh doanh

d/Phương pháp hạch toán**2. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp**

- Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện qua các chỉ tiêu sau
 - +Doanh thu và thị phần.
 - +Lợi nhuận.
 - +Mức giảm phí.

III. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1. Xác định cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp:
2. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.
3. Đổi mới công nghệ kinh doanh.
4. Tiết kiệm chi phí.

. Hoạt động 3. Luyện tập**1) Mục đích**

Học sinh vận dụng tổng hợp các kiến thức mới được hình thành vào hoạt động luyện tập. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức mới lĩnh hội được.

2) Nội dung

Làm bài tập về quản lí doanh nghiệp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập ở phần Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích:

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về quản lí doanh nghiệp. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Hãy nêu một số ví dụ về tiết kiệm trong sử dụng các dịch vụ.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập: Ghi chép kết quả thực hiện hoạt động vận dụng.

Hoạt động 5. Tìm tòi, mở rộng

Không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện và cũng không bắt buộc tất cả học sinh thực hiện giống nhau.

1) Mục đích: Học sinh mở rộng hiểu biết về quản lí doanh nghiệp

2) Nội dung và kỹ thuật thực hiện

Học sinh tra cứu trên mạng internet, tìm đọc sách liên quan đến nội dung bài học để tìm hiểu thêm về quản lí doanh nghiệp

3) Sản phẩm học tập: Ghi chép và lưu lại hình ảnh thu thập được về quản lí doanh nghiệp

Ngày soạn:

Tiết:

Bài 56. THỰC HÀNH: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Xác định được kế hoạch kinh doanh cho hộ gia đình và doanh nghiệp phù hợp với khả năng của hộ gia đình và doanh nghiệp.

- Hạch toán được chi phí và thu nhập cho một DN kinh doanh thương mại, dịch vụ.

2. Kỹ năng :

- Kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Kỹ năng khoa học: quan sát; phân loại; khái niệm

- Kỹ năng học tập: tự học; tự nghiên cứu; hợp tác; giao tiếp.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Các năng lực chung

1.1. Năng lực tự học: - Xác định được kế hoạch kinh doanh cho hộ gia đình và doanh nghiệp phù hợp với khả năng của hộ gia đình và doanh nghiệp.

- Hạch toán được chi phí và thu nhập cho một DN kinh doanh thương mại, dịch vụ.

1.2. Năng lực giải quyết vấn đề: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

1.3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ nói, viết thông qua thuyết trình

1.4. Năng lực hợp tác: Làm việc cùng nhau, trao đổi và rút ra nội dung

1.5. Năng lực thẩm mỹ: Tạo ra sản phẩm báo cáo khoa học, đẹp.

2. Năng lực chuyên biệt:

- Quan sát hình ảnh và ví dụ thực tế về điển hình ở địa phương kinh doanh.

III. MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

1. Bảng mô tả 4 mức độ nhận thức:

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Thực hành: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	-Cơ sở xác định kế hoạch kinh doanh của hộ gia đình và doanh nghiệp.	Xác định được kế hoạch kinh doanh cho hộ gia đình và doanh nghiệp phù hợp với khả năng của hộ gia đình và doanh nghiệp.	- Hạch toán được chi phí và thu nhập cho một DN kinh doanh thương mại, dịch vụ.	Liên hệ với thực tiễn và vận dụng vào từng công việc cụ thể.

2. Biên soạn câu hỏi/bài tập kiểm tra đánh giá

Câu 1: Việc xác định kế hoạch kinh doanh dựa trên cơ sở nào?

Câu 2 : Giả sử một người mở một quán bán cà phê. Mỗi ngày bán được trung bình 200 cốc, mỗi cốc 12.000 đồng. Tiền thuê quán 4.000.000 đồng/tháng, mua các nguyên vật liệu, thực phẩm 2.500.000 đồng/tháng. Vậy em hãy tính doanh thu của quán cà phê hàng tháng.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.

- Tham khảo tài liệu liên quan đến kinh doanh.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu tài liệu.

- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

- Bảng phụ, SGK,

V. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

- Không

Hoạt động 1. Khởi động

GV nêu mục tiêu của bài thực hành.

GV đặt câu hỏi: Để xây dựng kế hoạch kinh doanh văn phòng phẩm thì cần thực hiện những bước nào?

1) Mục đích

- Giúp học sinh tìm hiểu những nội dung cơ bản về bài thực hành xây dựng kế hoạch kinh doanh.
- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.
- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.
- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.
- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2) Nội dung

- Học sinh nghe mục tiêu bài học.
- HS nghe câu hỏi, tìm câu trả lời. Dựa vào câu trả lời của hs để giới thiệu → thực hành xây dựng kế hoạch kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

29) Mục đích

- Biết được các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biết được nội dung và phương pháp xác định kế hoạch cho doanh nghiệp kinh doanh
- Vận dụng kiến thức của bài học để giải quyết vấn đề được đặt ra khi kết thúc hoạt động.

2) Nội dung

Trình bày nội dung kiến thức mà học sinh cần hình thành

- Xác định kế hoạch kinh doanh cho hộ gia đình.
- Xác định kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Hoạch toán hiệu quả kinh doanh.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chuyển giao nhiệm vụ học tập	<p>GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu cách “Xác định kinh doanh cho hộ gia đình”.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc tình huống (Kinh doanh ăn uống bình dân) và giải quyết tình huống.</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu cách “Xác định kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp”</p> <p>Yêu cầu HS đọc tình huống (Xác định kế hoạch kinh doanh cho một doanh nghiệp thương mại) và giải quyết tình huống.</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu tình huống “Hoạch toán hiệu quả kinh doanh của một cửa hàng ăn uống bình dân và của một doanh nghiệp thương mại” xác định:</p> <p>- Tổng doanh thu bán hàng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

	-Chi phí kinh doanh -Lợi nhuận Nhóm 4: Tìm hiểu tình huống “ Hạch toán hiệu quả kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất” hãy tính: -Tổng doanh thu -Tổng chi phí và lợi nhuận trong một năm của doanh nghiệp.	
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Kiến thức:**I. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH CHO HỘ GIA ĐÌNH.***** Doanh thu bán hàng**

- Sáng : 500.000 đồng
- Trưa : 1.300.000 đồng

Tổng doanh thu : 1.800.000 đồng

*** Chi phí trả công : 180.000 đồng***** Nhu cầu vốn kinh doanh: 900.000 đồng.**

Chi phí mua hàng : 900.000 đồng

II. XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH CHO DOANH NGHIỆP.***Tổng mức bán: 109.000.000**

- Thị trường địa phương : 60.000.000
- Thị trường khác : 49.000.000

***Tổng giá trị mua : 81.000.000**

- Hàng A : CS1 12.000.000;
- CS2 8.000.000

- Hàng B : CS1 7.000.000; CS2 7.000.000

- Hàng C : CS1 15.200.000; CS2 11.400.000; CS3 11.400.000.

Tổng chi phí : 99.000.000**Lợi nhuận : 10.000.000****III. HOẠCH TOÁN HIỆU QUẢ KINH DOANH****A – Doanh thu bán hàng: 1.800.000**

- Chi phí mua hàng : 1.270.000
- Trả công lao động : 180.000
- Chi khác : 100.000
- Tổng chi phí : 1.550.000
- Lợi nhuận : 250.000

B - Tổng doanh thu bán hàng:

Trong đó, hàng A 114.000.000; hàng B 432.000.000

- Tổng chi phí KD : 498.000.000; Trong đó, mua hàng 456.000.000
- Lợi nhuận : 48.000.000

C - Hoạch toán hiệu quả Kinh doanh*** Tổng doanh thu : 34.800.000.000***** Chi phí sản xuất : 28.320.000.000***** Lợi nhuận :**

- Thu nhập của DN : 6.480.000.000
- Tiền lương : 1.944.000.000

- Nộp thuế : 1.296.000.000
- Lợi nhuận : 3.240.000.000

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

- HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các câu hỏi liên quan.

2) Nội dung

Câu 1: Việc xác định kế hoạch kinh doanh dựa trên cơ sở nào?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đặt câu hỏi
- HS thảo luận theo cặp đôi, GV gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức

4) Sản phẩm học tập

- HS vận dụng kiến thức về bài thực hành để trả lời
- GV hướng dẫn và giúp đỡ HS hoàn chỉnh kiến thức

Hoạt động 4. Vận dụng, Tìm tòi, mở rộng

1) Mục đích

Học sinh vận dụng các kiến thức mới đã học về thực hành xây dựng kế hoạch kinh doanh. Qua đó, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội được.

2) Nội dung

Yêu cầu HS làm bài tập sau:

- Giả sử một người mở một quán bán cà phê. Mỗi ngày bán được trung bình 200 cốc, mỗi cốc 12.000 đồng. Tiền thuê quán 4.000.000 đồng/tháng, mua các nguyên vật liệu, thực phẩm 2.500.000 đồng/tháng. Vậy em hãy tính doanh thu của quán cà phê hàng tháng.

3) Kỹ thuật tổ chức:

- GV đưa bài tập
- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Ngày soạn:
Tiết:

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU

- Ôn tập, củng cố nội dung kiến thức cũng như kỹ năng vận dụng của học sinh vào thực tiễn sau khi học xong chương trình học kì II.

1. Kiến thức:

- Chương 4: Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.
- Chương 5. Tổ chức và quản lí doanh nghiệp.
- Chủ đề: Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.
- Chủ đề: Tìm hiểu một số nghề thuộc lĩnh vực Y và Dược.

2. Kỹ năng:

- Phân tích, quan sát, khái quát hoá.
- Biết vận dụng lí thuyết để giải thích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và sản xuất.
- Rèn luyện khả năng xử lí câu trắc nghiệm.

3. Thái độ:

- Nâng cao ý thức tự giác học tập để đạt kết quả tốt trong thi học kì II.

II. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, quan sát, xác định mối liên hệ.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

a. Ôn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, ổn định lớp.

b. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra phần chuẩn bị của HS (ma trận, soạn đáp án theo ma trận).

c. Nội dung:

- Ôn tập theo ma trận đề:

MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ II

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh	Nêu được: - Thuận lợi của doanh nghiệp nhỏ - Các lĩnh vực kinh doanh. - Khái niệm thị trường.	- Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp ở nông thôn và thành phố	Xác định các lĩnh vực kinh doanh.	
<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Tổ chức và quản lí doanh nghiệp.	Nêu được: - Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. - Các căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Phương pháp lập kế hoạch mua hàng. - Phương pháp lập kế hoạch sản xuất. - Cơ sở phân công lao	Biết được: - Các nội dung của đơn đăng kí kinh doanh. - Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Nguyên tắc trong kinh doanh . - Mô hình cấu trúc tổ	- Ý nghĩa hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp. - Biết tính toán để xác định kết quả của từng yếu tố trong phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh	- Vận dụng giải các bài tập liên quan đến cách tính doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong kinh doanh.

	động của doanh nghiệp.	chức doanh nghiệp có quy mô kinh doanh vừa và lớn.	ngành.	
<i>Số câu: 14</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Một số nghề thuộc lĩnh vực Nông, lâm, ngư nghiệp.	Nêu được: - Đối tượng lao động, yêu cầu của nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.	Trình bày được: - Những lợi thế khi Việt Nam gia nhập vào tổ chức WTO. - Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	- Phương hướng quan trọng để phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta.	Giải thích vì sao các nước đang phát triển, đầy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu.
<i>Số câu: 6</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Một số nghề thuộc lĩnh vực Y và Dược.	Nêu được: - Đối tượng lao động ngành y. - Nội dung lao động ngành dược	- Xác định: Nội dung và công cụ lao động ngành y	Vai trò của các nghề thuộc ngành Y và Dược.	
<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Tổng câu: 30 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ : 100%	Số câu: 12 Số điểm: 4 Tỉ lệ : 40%	Số câu: 9 Số điểm: 3 Tỉ lệ : 30%	Số câu: 6 Số điểm: 2 Tỉ lệ : 20%	Số câu: 3 Số điểm: 1 Tỉ lệ : 10%

Ngày soạn:
Tiết:

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Giúp HS nắm lại kiến thức đã học gồm:

- Khảo nghiệm giống cây trồng
- Sản xuất giống cây trồng
- Một số tính chất của đất trồng

2. Kỹ năng:

- Phân tích, quan sát, khái quát hoá.
- Biết vận dụng lí thuyết để giải thích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và sản xuất.

II. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, quan sát, xác định mối liên hệ.

III. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Khảo nghiệm giống cây trồng	Nêu được: - Mục đích của công tác khảo nghiệm giống cây trồng. - Mục đích và nội dung của các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.	- Biết được loại giống được phép phổ biến trong sản xuất đại trà.	Phân biệt : Thí nghiệm kiểm tra kĩ thuật với thí nghiệm so sánh giống.	
Sản xuất giống cây trồng	Nêu được: - Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng - Các giai đoạn của hệ thống sản xuất giống cây trồng.	Biết được: - Quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn. - Quy trình sản xuất giống cây rừng.	Phân biệt: - Quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì và theo sơ đồ phục tráng. - Quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn với cây trồng thụ phấn chéo.	Giải thích vì sao sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo phải chọn ruộng cách li.
Một số tính chất của đất trồng	Nêu được: - Khái niệm keo đất, cấu tạo keo đất, khả năng hấp phụ của đất. - Khái niệm độ phì nhiêu của đất.	Biết được: - Phản ứng của dung dịch đất - Nguyên nhân gây phản ứng chua, phản ứng kiềm của đất. - Nguyên nhân gây độ chua hoạt tính, độ chua tiềm tàng. - Yếu tố quyết định độ phì nhiêu của đất	- Phân biệt: Keo âm và keo dương. - Phân biệt: Độ phì nhiêu tự nhiên và độ phì nhiêu nhân tạo. - Vai trò của keo đất trong thực tiễn.	Giải thích vì sao keo đất có khả năng hấp phụ. - Biểu hiện của đất có độ phì nhiêu.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Ma trận ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK công nghệ 10

- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS.
- Giúp học sinh nhớ lại những kiến thức đã học trong những bài ở tiết học trước

2) Nội dung: Gv đặt câu hỏi cho cả lớp :

Câu 1: Tại sao phải khảo nghiệm giống cây trồng trước khi đưa vào sản xuất đại trà?

Câu 2: Tại sao hạt giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng cần được sản xuất tại các cơ sở sản xuất giống chuyên nghiệp?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Câu 1: Khảo nghiệm giống cây trồng để biết cây trồng có phù hợp với điều kiện ngoại cảnh cụ thể của từng vùng hay không. Đồng thời cung cấp những thông tin về yêu cầu kỹ thuật canh tác và hướng sử dụng những giống mới.

- Vì thế khảo nghiệm giống cây trồng để cây trồng cho năng suất cao, phẩm chất tốt và sử dụng khai thác tối đa hiệu quả của giống.

Câu 2: Chỉ những cơ sở sản xuất giống chuyên nghiệp mới đảm bảo được về cơ sở vật chất, chuyên môn và nhân lực để đảm bảo hạt giống có chất lượng cao và độ thuần khiết rất cao (hạt giống siêu nguyên chủng) hay hạt giống nguyên chủng. Nếu không hạt giống rất dễ bị lai tạp và mất giá trị hạt giống.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

30) *Mục đích:* - Giúp HS nắm lại kiến thức đã học .

- Khảo nghiệm giống cây trồng
- Sản xuất giống cây trồng
- Một số tính chất của đất trồng

2) Nội dung

2.1. Khảo nghiệm giống cây trồng

PHIẾU HỌC TẬP 1

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Khảo nghiệm giống cây trồng	Nêu: - Mục đích của công tác khảo nghiệm giống cây trồng. - Mục đích và nội dung của các loại thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng.	- Loại giống được phép phổ biến trong sản xuất đại trà.	Phân biệt : Thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật với thí nghiệm so sánh giống.	

2.2. Sản xuất giống cây trồng

PHIẾU HỌC TẬP 2

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Sản xuất giống cây trồng	Nêu : - Mục đích của công tác sản xuất giống cây trồng - Các giai đoạn của hệ thống sản xuất giống cây trồng.	Trình bày: - Quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn. - Quy trình sản xuất giống cây rừng.	Phân biệt: - Quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì và theo sơ đồ phục tráng. - Quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn với cây trồng thụ phấn chéo.	Giải thích vì sao sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo phải chọn ruộng cách li.

2.3. Một số tính chất của đất trồng

PHIẾU HỌC TẬP 3

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Một số tính chất của đất trồng	Nêu : - Khái niệm keo đất, cấu tạo keo đất, khả năng hấp phụ của đất. - Khái niệm độ phì nhiêu của đất.	Trình bày: - Phản ứng của dung dịch đất - Nguyên nhân gây phản ứng chua, phản ứng kiềm của đất. - Nguyên nhân gây độ chua hoạt tính, độ chua tiềm tàng. - Yếu tố quyết định độ phì nhiêu của đất	- Phân biệt: Keo âm và keo dương. - Phân biệt: Độ phì nhiêu tự nhiên và độ phì nhiêu nhân tạo. - Vai trò của keo đất trong thực tiễn.	Giải thích vì sao keo đất có khả năng hấp phụ. - Biểu hiện của đất có độ phì nhiêu.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 1 Nhóm 2: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 2 Nhóm 3: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 3	HS tiếp nhận nhiệm vụ
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

- Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức.
- Rèn luyện khả năng làm bài tập trắc nghiệm

2) Nội dung

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập trắc nghiệm sau:

Câu 1: Quy trình thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng:

- A. TN k.tra kĩ thuật → TN so sánh giống → TN sx quảng cáo.
B. TN so sánh giống → TN k.tra kĩ thuật → TN sx quảng cáo.
 C. TN sx q.cáo → TN ktra kĩ thuật → TN so sánh giống
 D. TN so sánh giống → TN sx quảng cáo → TN kiểm tra kĩ thuật.

Câu 2: Thí nghiệm so sánh giống nhằm mục đích gì?

- A. Để mọi người biết về giống mới.
B. So sánh toàn diện giống mới nhập nội với giống đại trà.
 C. Kiểm tra những kỹ thuật của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật.
 D. Duy trì những đặc tính tốt của giống.

Câu 3: Thí nghiệm kiểm tra kĩ thuật nhằm xác định:

- A. **Mật độ, thời vụ gieo trồng, chế độ phân bón.** B. Khả năng chống chịu.
 C. Khả năng thích nghi. D. Năng suất, chất lượng.

Câu 4: Trong hệ thống sản xuất giống cây trồng, mục đích tạo ra hạt giống xác nhận là:

- A. Do hạt nguyên chủng tạo ra B. Do hạt siêu nguyên chủng tạo ra
 C. Để nhân ra một số lượng hạt giống D. **Để cung cấp cho nông dân sản xuất đại trà**

Câu 5: Quy trình sản xuất giống cây trồng thụ phấn chéo khác với tự thụ phấn là:

- A. Sx ra hạt giống xác nhận B. **Lựa chọn ruộng sx giống ở khu cách li.**
 C. Chọn lọc ra các cây ưu tú D. bắt đầu sx từ giống SNC

Câu 6: Những phần tử có kích thước nhỏ hơn 1micromet, không hòa tan trong nước mà ở trạng thái huyền phù là:

- A. Limon. B. Sét. C. **Keo đất.** D. Keo dương.

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ*

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

**Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3*

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

1B, 2B, 3A, 4D, 5B, 6C

Hoạt động 4. Vận dụng, mở rộng

1) Mục đích

- Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp và bảo vệ đất trồng tại địa phương

2) Nội dung

GV đưa câu hỏi:

Câu 1: Từ khái niệm độ phì nhiêu của đất em hãy cho biết những yếu tố nào quyết định độ phì nhiêu của đất? Muốn làm tăng độ phì nhiêu của đất phải áp dụng các biện pháp kĩ thuật nào?

Câu 2: Em hãy nêu một số ví dụ về ảnh hưởng tích cực của hoạt động sản xuất đến sự hình thành độ phì nhiêu của đất

3) Kĩ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Câu 1: Những yếu tố ảnh hưởng đến độ phì nhiêu của đất là:

Nước.

+ Chất dinh dưỡng.

+ Không chứa những chất độc hại cho cây.

- Để tăng độ phì nhiêu cho đất ta thường áp dụng những biện pháp kĩ thuật sau:

+ Bón phân (Phân xanh hoặc phân chuồng).

+ Giữ nước trong đất bằng cách trồng cây che.

Câu 2: Ví dụ trước khi vào vụ mùa ta sẽ cày, làm đất cho đất tơi, tưới nước để đảm bảo độ ẩm, sau đó bừa lại 1 lần nữa, hoặc có thể bón lót bằng phân lân cũng làm tăng độ phì nhiêu của đất.

Ngày soạn:

Tiết:

ÔN TẬP**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức:** Giúp HS nắm lại kiến thức đã học gồm:

- Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số phân bón thông thường
- Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng
- Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

2. Kỹ năng:

- Phân tích, quan sát, khái quát hoá.
- Biết vận dụng lý thuyết để giải thích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và sản xuất.

II. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, quan sát, xác định mối liên hệ.

III. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
<i>Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số phân bón thông thường</i>	- Khái niệm, ví dụ phân hóa học, phân hữu cơ.	Đặc điểm tính chất của phân hóa học, phân hữu cơ.		Giải thích kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón Giải thích một số hiện tượng liên hệ thực tế
<i>Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng</i>	- Khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	Ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.		
<i>Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.</i>	Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.		Vận dụng kiến thức về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.	

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Chuẩn bị của giáo viên :**

- Giáo án.
- Ma trận ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK công nghệ 10
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS.
- Giúp học sinh nhớ lại những kiến thức đã học trong những bài ở tiết học trước

2) **Nội dung:** Gv đặt đưa ra ma trận cho cả lớp.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

31) **Mục đích:** - Giúp HS nắm lại kiến thức đã học .

- Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số phân bón thông thường
- Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng
- Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

2) Nội dung

2.1. Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số phân bón thông thường

PHIẾU HỌC TẬP 1

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Đặc điểm , tính chất, kỹ thuật sử dụng một số phân bón thông thường	- Khái niệm, ví dụ phân hóa học, phân hữu cơ.	Đặc điểm tính chất của phân hóa học, phân hữu cơ.		Giải thích kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón Giải thích một số hiện tượng liên hệ thực tế

2.2. Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

PHIẾU HỌC TẬP 2

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	- Khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng	Ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.		

2.3. Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

PHIẾU HỌC TẬP 3

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				

Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.	Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.		Vận dụng kiến thức về ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.	
---	--	--	--	--

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 1 Nhóm 2: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 2 Nhóm 3: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 3	HS tiếp nhận nhiệm vụ
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung .

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

- Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức.
- Rèn luyện khả năng làm tự luận.

2) Nội dung

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi tự luận

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập trắc nghiệm sau:

Câu 1: Khái niệm, ví dụ phân hóa học, phân hữu cơ.

Câu 2: Đặc điểm tính chất của phân hóa học, phân hữu cơ.

Câu 3: Tại sao phân hữu cơ dùng để bón lót?

Câu 4: Khái niệm phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

Câu 5: Ưu, nhược điểm của các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng.

Câu 6: Ảnh hưởng xấu của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường.

Câu 7: Tại sao dùng thuốc hóa học bảo vệ thực vật không đúng cách làm xuất hiện các quần thể dịch hại kháng thuốc?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.
- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

* Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)**Hoạt động 4. Vận dụng, mở rộng****1) Mục đích**

- Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp và bảo vệ đất trồng tại địa phương

2) Nội dung

GV đưa câu hỏi:

Câu 1: Nêu tác dụng tích cực của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

Câu 2: Nêu tác dụng tiêu cực của thuốc hóa học bảo vệ thực vật.

Câu 3: Vì sao khi dùng phân đạm, kali bón lót phải bón lượng nhỏ?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân ở nhà và trình bày vào vở.

- GV sẽ kiểm tra vở bài tập và bài làm của học sinh vào tiết sau.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Câu 1: Tác dụng tích cực của thuốc hóa học bảo vệ thực vật:

+ Tiêu diệt sâu, bệnh nhanh chóng.

+ Làm giảm thiệt hại do sâu, bệnh gây ra.

Câu 2: Tác dụng tiêu cực của thuốc hóa học bảo vệ thực vật:

+ Gây ô nhiễm môi trường

+ Gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người và vật nuôi.

+ Làm xuất hiện các quần thể dịch hại kháng thuốc.

Câu 3: Vì các loại phân này dễ hòa tan, nếu bón lượng lớn thì hao phí.

Ngày soạn:
Tiết:

KIỂM TRA MỘT TIẾT HỌC KỲ I
MÔN: CÔNG NGHỆ

BƯỚC 1: MỤC ĐÍCH KIỂM TRA:

Đối tượng	Mục đích kiểm tra	Nội dung kiểm tra
Giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá sơ kết được mức độ đạt mục tiêu của học sinh từ đầu năm học đến giữa học kì I. + Lấy thông tin ngược chiều để điều chỉnh kế hoạch dạy học và phương pháp dạy học, cải tiến chương trình. + Đánh giá, phân hạng, xếp loại học sinh trong lớp. 	Các nội dung đã học đến giữa học kì I gồm các bài trong chương I. Trồng trọt, lâm nghiệp đại cương.
Học sinh	<ul style="list-style-type: none"> + Tự đánh giá, tổng kết quá trình học tập. + Chỉ ra được những “điểm còn yếu” về kiến thức môn Công nghệ của học sinh. + Rút kinh nghiệm để có kế hoạch phấn đấu trong thời gian tới. 	

BƯỚC 2: HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: 30 câu hỏi trắc nghiệm.

BƯỚC 3: NỘI DUNG ĐỀ KT: Theo ma trận.

BƯỚC 4: BIÊN SOẠN CÂU HỎI THEO MA TRẬN

BƯỚC 5: THÔNG KÊ KẾT QUẢ

Môn học	Lớp	Thông kê điểm bộ môn(%)					Tỷ lệ % điểm từ TB trở lên	Ghi chú
		Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém		
Công nghệ								
Công nghệ								
Công nghệ								

*** Rút kinh nghiệm:**

Ngày soạn:

Tiết:

ÔN TẬP**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức:** Giúp HS nắm lại kiến thức đã học gồm:

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.
- Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng
- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản
- Bảo quản hạt, củ làm giống.
- Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản

2. Kỹ năng:

- Phân tích, quan sát, khái quát hoá.
- Biết vận dụng lí thuyết để giải thích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và sản xuất.

II. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, quan sát, xác định mối liên hệ.

III. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Nội dung				
Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm nuôi cấy mô tế bào. - Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào. - Sơ đồ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của nuôi cấy mô, TB. - Vật liệu nuôi cấy mô tế bào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cây lâm nghiệp thường được nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.
Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lí sản xuất phân vi sinh vật. - Liệt kê các loại phân vi sinh vật thường dùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật thường dùng. 	Giải thích mối quan hệ giữa vi sinh vật và cây họ Đậu.	
Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng	Nguyên nhân làm cho sâu bệnh xuất hiện trên đồng ruộng.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch. - Yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sâu, bệnh hại cây trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp để ngăn ngừa sâu bệnh phát triển. 	
Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm cơ bản của nông lâm, thủy sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản. 	

Bảo quản hạt, củ làm giống.	- Tiêu chuẩn của hạt giống. - Mục đích của công tác bảo quản hạt giống		- Phân biệt quy trình bảo quản củ giống và bảo quản hạt giống.	- Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình bảo quản hạt giống.
Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản	- Đặc điểm của cà phê nhân, cà phê thóc.	- Quy trình công nghệ chế biến chè xanh theo quy mô công nghiệp.	So sánh chất lượng cà phê được chế biến theo phương ướt so với phương pháp chế biến khô	Giải thích tác dụng của các bước trong quy trình chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt.

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :- Giáo án.- Ma trận ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh:- SGK công nghệ 10- Nghiên cứu tài liệu.- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động

1) Mục đích

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS.
- Giúp học sinh nhớ lại những kiến thức đã học trong những bài ở tiết học trước

2) Nội dung: Gv đặt câu hỏi cho cả lớp :

- Muốn phòng trừ sâu bệnh hiệu quả chúng ta phải làm gì?
- Làm thế nào để sản phẩm nông, lâm ngư nghiệp của nước ta có giá trị cao?

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Câu 1: Muốn phòng trừ sâu bệnh hiệu quả chúng ta phải hiểu về các loại sâu, loại bệnh đặc biệt là các điều kiện phát sinh, phát triển của chúng.

Câu 2: Để sản phẩm nông, lâm ngư nghiệp của nước ta có giá trị cao chúng ta cần ứng dụng công nghệ sinh học trong công việc bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm ngư nghiệp.

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

32) **Mục đích:** - Giúp HS nắm lại kiến thức đã học về các bài:

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.
- Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng
- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản
- Bảo quản hạt, củ làm giống.
- Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản

2) Nội dung

2.1. Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.

PHIẾU HỌC TẬP 1

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng	- Khái niệm nuôi cấy mô tế bào. - Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào. - Sơ đồ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào.	- Ý nghĩa của nuôi cấy mô, TB. - Vật liệu nuôi cấy mô tế bào.	- Các loại cây lâm nghiệp thường được nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô.	- Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình công nghệ nhân

<i>nông, lâm nghiệp.</i>				giống bằng nuôi cấy mô tế bào.
--------------------------	--	--	--	--------------------------------

2.2. Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.

PHIẾU HỌC TẬP 2

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.	- Nguyên lí sản xuất phân vi sinh vật. - Liệt kê các loại phân vi sinh vật thường dùng.	- Cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật thường dùng.	Giải thích mối quan hệ giữa vi sinh vật và cây họ Đậu.	

2.3. Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

PHIẾU HỌC TẬP 3

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng	Nguyên nhân làm cho sâu bệnh xuất hiện trên đồng ruộng.	- Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch. - Yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sâu, bệnh hại cây trồng.	- Các biện pháp để ngăn ngừa sâu bệnh phát triển.	Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng

2.4. Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

PHIẾU HỌC TẬP 4

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản	- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản	- Đặc điểm cơ bản của nông lâm, thủy sản.	- Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.	Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản

2.5. Bảo quản hạt, củ làm giống.

PHIẾU HỌC TẬP 5

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				
Bảo quản hạt, củ làm giống.	- Tiêu chuẩn của hạt giống. - Mục đích của công tác bảo quản hạt giống		- Phân biệt quy trình bảo quản củ giống và bảo quản hạt giống.	- Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình bảo quản hạt giống.

2.6. Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản

PHIẾU HỌC TẬP 6

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Tên chủ đề				

Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản	- Đặc điểm của cà phê nhân, cà phê thóc.	- Quy trình công nghệ chế biến chè xanh theo quy mô công nghiệp.	So sánh chất lượng cà phê được chế biến theo phương pháp ướt so với phương pháp chế biến khô	Giải thích tác dụng của các bước trong quy trình chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt.
---	--	--	--	---

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 1 Nhóm 2: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 2 Nhóm 3: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 3 Nhóm 4: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 4 Nhóm 5: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 5 Nhóm 6: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 6	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

4) Sản phẩm học tập: - Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

- Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức.
- Rèn luyện khả năng làm bài tập trắc nghiệm

2) Nội dung: - GV đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh làm bài tập trắc nghiệm sau:

Câu 1. Phương pháp nuôi cấy mô tế bào dựa trên cơ sở khoa học nào ?

A. Mô, TB là một phần của cơ thể nhưng sự phát triển của chúng vẫn có tính độc lập, chúng có tính toàn năng.

B. Nuôi dưỡng mô, TB trong môi trường nhân tạo giống như môi trường cơ thể thì nó vẫn duy trì sự sống.

C. Mỗi tế bào của cơ thể đều mang toàn bộ lượng thông tin di truyền của cơ thể đó và có khả năng phát triển thành cơ thể hoàn chỉnh khi gặp điều kiện thuận lợi.

D. Từ một tế bào thực vật nuôi dưỡng trong môi trường nhân tạo thích hợp sẽ tạo ra được một hoặc một số cơ thể mới

Câu 2. Ý nghĩa của nuôi cấy mô, TB là:

A. Các sản phẩm không đồng nhất về mặt di truyền.

B. Có trị số nhân giống thấp.

C. Cho ra các sản phẩm đồng nhất về mặt di truyền.

D. Phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, khí hậu

Câu 3. Loại phân nào có tác dụng chuyển hóa lân hữu cơ thành lân vô cơ:

A. Phân lân hữu cơ vi sinh.

B. Nitragin.

C. Photphobacterin.

D. Azogin.

Câu 4. VSV phân giải lân hữu cơ → lân vô cơ dùng để sản xuất phân:

A. Azogin.

B. Nitragin.

C. Photphobacterin.

D. Lân hữu cơ vi sinh

*Thực hiện nhiệm vụ

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

*Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến): 1a, 2c, 3c, 4c

Hoạt động 4. Vận dụng, mở rộng

1) Mục đích

- Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong thực tiễn sản xuất nông nghiệp và bảo vệ nông, lâm, thủy sản.

2) Nội dung

Câu 1: Vì sao chúng ta phải chế biến nông, lâm, thủy sản?

Câu 2: Em hãy nêu một số yếu tố môi trường ảnh hưởng mạnh đến chất lượng của nông lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.:- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

Câu 1: Nếu không chế biến sẽ bị vi khuẩn xâm nhập gây thối, lên men,...làm giảm chất lượng nông sản.

Câu 2: Độ ẩm, nhiệt độ, sinh vật gây hại.

Ngày soạn:

Tiết:

THI HỌC KỲ I – NĂM HỌC

MÔN: CÔNG NGHỆ 10

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA:

1. Giáo viên

- + Đánh giá sơ kết được mức độ đạt mục tiêu của học sinh trong học kì I.
- + Lấy thông tin ngược chiều để điều chỉnh kế hoạch dạy học và phương pháp dạy học, cải tiến chương trình.
- + Đánh giá, phân hạng, xếp loại học sinh trong lớp.

2. Học sinh

- + Tự đánh giá, tổng kết quá trình học tập.
- + Chỉ ra được những “lỗ hổng” kiến thức bộ môn.
- + Rút kinh nghiệm để có kế hoạch phấn đấu trong thời gian tới

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: Trắc nghiệm 100% .

Đối tượng kiểm tra: Học sinh lớp 10

III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỂ LẬP MA TRẬN**A. Nội dung kiến thức trong các bài sau:**

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.
- Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng
- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản
- Bảo quản hạt, củ làm giống.
- Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản

B. Thiết lập ma trận đề thi công nghệ 10 HKI (2018 – 2019)

Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Nội dung				
Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm nuôi cấy mô tế bào. - Cơ sở khoa học của phương pháp nuôi cấy mô tế bào. - Sơ đồ nhân giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của nuôi cấy mô, TB. - Vật liệu nuôi cấy mô tế bào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cây lâm nghiệp thường được nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào.
Số câu: 7	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 1
Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lí sản xuất phân vi sinh vật. - Liệt kê các loại phân vi sinh vật thường dùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cách sử dụng một số loại phân vi sinh vật thường dùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích mối quan hệ giữa vi sinh vật và cây họ Đậu. 	
Số câu: 6	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 1	
Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân làm cho sâu bệnh xuất hiện trên đồng ruộng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện để sâu, bệnh phát triển thành dịch. - Yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến sâu, bệnh hại cây trồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp để ngăn ngừa sâu bệnh phát triển. 	
Số câu: 4	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	

Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản	- Mục đích, ý nghĩa của công tác bảo quản nông, lâm, thủy sản	- Đặc điểm cơ bản của nông lâm, thủy sản.	- Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nông, lâm, thủy sản trong quá trình bảo quản.	
<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Bảo quản hạt, củ làm giống.	- Tiêu chuẩn của hạt giống. - Mục đích của công tác bảo quản hạt giống		- Phân biệt quy trình bảo quản củ giống và bảo quản hạt giống.	- Giải thích ý nghĩa của các bước trong quy trình bảo quản hạt giống.
<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 2</i>		<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Chế biến sản phẩm cây công nghiệp và lâm sản	- Đặc điểm của cà phê nhân, cà phê thóc.	- Quy trình công nghệ chế biến chè xanh theo quy mô công nghiệp.	So sánh chất lượng cà phê được chế biến theo phương ướt so với phương pháp chế biến khô	Giải thích tác dụng của các bước trong quy trình chế biến cà phê nhân theo phương pháp ướt.
<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng câu: 30 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ : 100%	<i>Số câu: 12 Số điểm: 4.0 Tỉ lệ : 40%</i>	<i>Số câu: 9 Số điểm: 3 Tỉ lệ : 30%</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 2 Tỉ lệ : 20%</i>	<i>Số câu: 3 Số điểm: 1 Tỉ lệ : 10%</i>

Bước 4: - Biên soạn câu hỏi theo ma trận*** Rút kinh nghiệm:****Ngày soạn:****Tiết:****HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC HỌC KÌ I****I. MỤC TIÊU:**

1. Mục tiêu

1.1 Kiến thức:

Sau khi học xong bài này học sinh phải hệ thống, khái quát và nắm được nội dung kiến thức cơ bản về: Giống cây trồng; Sử dụng, bảo vệ đất Nông, Lâm nghiệp; Sử dụng và ứng dụng công nghệ vi sinh vào sản xuất phân bón; Bảo vệ cây trồng

1.2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, so sánh, liên hệ, vận dụng, tư duy logic. Kỹ năng hoạt động nhóm và cá nhân.

1.3. Thái độ:- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, khả năng kết hợp nghe – quan sát - thực hành – phân tích tổng hợp để bài thực hành

2: Mục tiêu phát triển năng lực:

2.1. Định hướng các năng lực được hình thành:

- **Năng lực chung** : Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực thực nghiệm; năng lực dự đoán, suy luận lý thuyết; thiết kế và thực hiện theo phương án thí nghiệm, dự đoán; phân tích, khái quát hóa rút ra kết luận khoa học; đánh giá kết quả, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- **Năng lực chuyên biệt** : Sử dụng các hình vẽ trong SGK.

2.2. Bảng mô tả các năng lực có thể phát triển trong tiết

Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng CĐT	Vận dụng CDC
Nắm được các khái niệm cơ bản về nông, lâm, ngư nghiệp.	Hệ thống hoá kiến thức cơ bản của từng chương, mối liên hệ giữa các kiến thức trong các chương, bài.	Xây dựng được bản đồ khái niệm, hệ thống câu hỏi ôn tập từng chương	

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Giáo viên: - Hình ảnh về các sơ đồ liên quan đến nội dung SGK

2. Học sinh: - SGK, vở ghi chép.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp.-Kiểm tra sĩ số.

2. Kiểm tra bài cũ: Không

3. Bài mới.

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục đích:

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho học sinh.

- Bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của học sinh, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần sẽ lĩnh hội trong bài học mới.

- Giúp học sinh huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân có liên quan đến bài học mới, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới.

- Giúp giáo viên tìm hiểu xem học sinh có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

2. Nội dung:

- GV đặt vấn đề vào bài: Điều kiện tự nhiên và xã hội của Việt Nam ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển nông, lâm, ngư nghiệp? Muốn cây trồng cho năng suất cao cần có những điều kiện gì?

3. Dự kiến sản phẩm học tập của học sinh:

- Trả lời được câu hỏi của GV dựa vào kiến thức đã học.

4. Kỹ thuật tổ chức

Bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV đưa ra vấn đề: Điều kiện tự nhiên và xã hội của Việt Nam ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển nông, lâm, ngư nghiệp? Muốn cây trồng cho năng suất cao cần có những điều kiện gì?	HS tiếp nhận câu hỏi
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	- Gợi ý, hướng dẫn HS	Suy nghĩ, thảo luận

<i>Báo cáo kết quả</i>	- GV gọi HS trả lời.	- Cá nhân trả lời kết quả.
<i>Đánh giá kết quả</i>	- Nhận xét câu trả lời của HS. - Chuyển ý vào nội dung bài học	- HS tiếp thu kiến thức

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

1. Mục đích: nắm được nội dung kiến thức cơ bản về: Giống cây trồng; Sử dụng, bảo vệ đất Nông, Lâm nghiệp; Sử dụng và ứng dụng công nghệ vi sinh vào sản xuất phân bón; Bảo vệ cây trồng

2. Nội dung:

* Giống cây trồng

- Khảo nghiệm giống cây trồng
- + Mục đích, ý nghĩa của công tác KN
- + Các thí nghiệm khảo nghiệm giống cây trồng
- Sản xuất giống cây trồng:
- + Hệ thống sản xuất giống cây trồng
- + Các quy trình sản xuất giống cây trồng
- + Sự khác nhau giữa quy trình sản xuất giống cây trồng tự thụ phấn với cây trồng thụ phấn chéo
- Ứng dụng công nghệ tế bào trong công tác giống cây trồng Nông, Lâm nghiệp
- + Cơ sở khoa học
- + Quy trình kỹ thuật nuôi cấy mô
- + Ý nghĩa của công nghệ

Sử dụng và bảo vệ đất Nông, Lâm nghiệp

- Một số tính chất của đất trồng
- + Cấu tạo keo đất
- + Phản ứng của dung dịch đất; Ý nghĩa phản ứng của dung dịch đất
- + Độ phì nhiêu của đất; Biện pháp làm tăng độ phì nhiêu của đất
- Sử dụng và cải tạo đất xám bạc màu, đất phèn, đất mặn, đất phèn
- + Nguyên nhân hình thành
- + Đặc điểm
- + Biện pháp cải tạo và sử dụng

Sử dụng và sản xuất phân bón

- Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thông thường
- + Phân bón hóa học
- + Phân bón hữu cơ
- + Phân bón vi sinh vật
- Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón
- + Phân bón VSV cố định đạm
- + Phân bón VSV chuyển hóa lân
- + Phân bón VSV phân giải chất hữu cơ

Bảo vệ cây trồng

- Điều kiện phát sinh, phát triển sâu bệnh hại cây trồng
- + Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng
- + Điều kiện để sâu bệnh phát triển thành dịch
- Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng
- + Nguyên lý phòng trừ tổng hợp dịch hại CT
- + Các biện pháp chủ yếu của phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng
- Ảnh hưởng của thuốc hóa học BVTV đến quần thể sinh vật và môi trường
- + Ảnh hưởng đến quần thể sinh vật
- + Ảnh hưởng đến môi trường và con người
- Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật
- + Chế phẩm vi khuẩn trừ sâu
- + Chế phẩm virus trừ sâu
- + Chế phẩm nấm trừ sâu

3. Kỹ thuật tổ chức:

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao</i>	- Chia học sinh trong lớp thành 4 nhóm,	- Nhận nhiệm vụ của nhóm.

<i>nhiệm vụ học tập</i>	- Yêu cầu: Xem lại nội dung kiến thức đã học, khái quát lại những kiến thức trọng tâm của từng phần trong chương I theo các nội dung: + Nhóm 1: Giống cây trồng trong sản xuất Nông, Lâm nghiệp + Nhóm 2: Sử dụng và bảo vệ đất Nông, Lâm nghiệp + Nhóm 3: Sử dụng và sản xuất phân bón + Nhóm 4: Bảo vệ cây trồng	- Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động.	Huy động vốn kiến thức đã học, tái hiện kiến thức cũ dưới dạng sơ đồ tư duy, phiếu học tập
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định ngẫu nhiên một nhóm HS trình bày câu trả lời.	Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, phát vấn.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

HS vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các câu hỏi liên quan.

2) Nội dung

- Trình bày hệ thống sản xuất giống cây trồng?
- Quy trình sản xuất giống ở cây tự thụ phấn khác quy trình sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo như thế nào?
- So sánh cấu tạo keo âm và keo dương?
- Phản ứng của dung dịch đất phụ thuộc vào yếu tố nào?
- Biện pháp làm tăng độ phì nhiêu của đất?
- So sánh nguyên nhân hình thành, đặc điểm của đất bạc màu – xói mòn; Đất mặn – đất phèn?
- Sự phát sinh, phát triển của sâu, bệnh hại chịu ảnh hưởng của các yếu tố nào?
- Sâu, bệnh phát triển thành dịch cần phải có các yếu tố nào?
- Các biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng?
- Thuốc hóa học bảo vệ thực vật ảnh hưởng đến quần thể sinh vật như thế nào? Nguyên nhân?
- Thuốc hóa học BVTV ảnh hưởng gì tới môi trường và con người?
- So sánh các loại chế phẩm vi sinh trừ sâu hại cây trồng?

3. Kỹ thuật tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV: Yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành 7 bài tập trên. GV gọi đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. GV nhận xét, đánh giá cho điểm.	- HS vận dụng kiến thức trả lời theo từng nhóm.

4. Dự kiến sản phẩm học tập của học sinh:

HS có thể đưa ra câu trả lời, GV sẽ hướng dẫn và giúp HS phân tích, hoàn thiện kiến thức.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

Hoạt động 4. Vận dụng

1) Mục đích : Nhằm khuyến khích học sinh hình thành ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã thực hành trong thực tế.

2) Nội dung:

Câu 1: - Tại sao mỗi tế bào hoặc mô tế bào lại có thể phát triển thành cơ thể thực vật hoàn chỉnh khi nuôi cấy?

Câu 2: Công nghệ nuôi cấy mô có ý nghĩa gì? Giải thích tại sao lại có ý nghĩa như vậy?

3) Kỹ thuật tổ chức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV đưa câu hỏi trắc nghiệm và yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi GV nhận xét, đánh giá cho điểm.	- HS đọc câu hỏi, trả lời.

4) Dự kiến sản phẩm học tập của học sinh:

HS có thể đưa ra câu trả lời là đúng hoặc không đúng và đưa ra lí do để chứng minh, GV sẽ hướng dẫn và giúp HS phân tích, hoàn thiện kiến thức.

Ngày soạn: 15/03/2018

Tiết: 45

ÔN TẬP**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC****1. Kiến thức:** Giúp HS nắm lại kiến thức đã học gồm:

- Một số khái niệm liên quan đến kinh doanh và doanh nghiệp
- Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh
- Xác định kế hoạch kinh doanh
- Thành lập doanh nghiệp
- Quản lý doanh nghiệp

2. Kỹ năng:

- Phân tích, quan sát, khái quát hoá.
- Biết vận dụng lý thuyết để giải thích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh doanh trong thực tiễn đời sống.

II. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, quan sát, xác định mối liên hệ.

III. BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ NHẬN THỨC:

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	Nêu được: - Khái niệm: Kinh doanh, cơ hội kinh doanh, thị trường - Các lĩnh vực kinh doanh. - Các loại thị trường. - Các loại doanh nghiệp. - Các loại công ti. - Thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ. - Nguồn vốn của kinh doanh hộ gia đình.	- Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp ở thành phố và nông thôn. - Hiểu rõ các loại thị trường. - Đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Ví dụ và xác định các lĩnh vực kinh doanh cụ thể.	
<i>Số câu: 14</i>	<i>Số câu: 7</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	
Tổ chức và quản lý doanh nghiệp	Nêu được: - Phương pháp lập kế hoạch mua hàng. - Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. - Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Nội dung của đơn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. - Căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Biết được: - Cơ sở của kế hoạch bán hàng. - Các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. - Giải thích câu "phi thương bất phú". - Đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.	- Biết tính toán để xác định kết quả của từng yếu tố trong phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Bài tập về hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp.
<i>Số câu: 16</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 3</i>
Tổng câu: 30 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ : 100%	Số câu: 12 Số điểm: 4.0 Tỉ lệ : 40%	Số câu: 9 Số điểm: 3 Tỉ lệ : 30%	Số câu: 6 Số điểm: 2 Tỉ lệ : 20%	Số câu: 3 Số điểm: 1 Tỉ lệ : 10%

IV. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Chuẩn bị của giáo viên :

- Giáo án.
- Ma trận ôn tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- SGK công nghệ 10
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thực hiện theo phân công giáo viên và nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

* **Ôn định lớp:** Kiểm tra sĩ số, tác phong.

* **Kiểm tra bài cũ :** Không

Hoạt động 1. Khởi động**1) Mục đích**

- Tạo tâm thế vui vẻ, thoải mái cho HS.
- Giúp học sinh nhớ lại những kiến thức đã học trong những bài ở tiết học trước

2) Nội dung: Gv đặt câu hỏi cho cả lớp :

- Em hãy giải thích câu nói: **"phi thương bất phú"**.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi, giáo viên gọi đại diện 1 nhóm trả lời.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV phân tích và hoàn thiện kiến thức.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Muốn làm giàu thì phải kinh doanh

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức

33) **Mục đích:** - Giúp HS nắm lại kiến thức đã học về các bài:

- Bài mở đầu
- Doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Lựa chọn lĩnh vực kinh doanh
- Xác định kế hoạch kinh doanh
- Thành lập doanh nghiệp
- Quản lý doanh nghiệp

2) Nội dung**2.1. Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.**

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	Nêu được: - Khái niệm: Kinh doanh, cơ hội kinh doanh, thị trường - Các lĩnh vực kinh doanh. - Các loại thị trường. - Các loại doanh nghiệp. - Các loại công ti. - Thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ. - Nguồn vốn của kinh doanh hộ gia đình.	- Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp ở thành phố và nông thôn. - Hiểu rõ các loại thị trường. - Đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Ví dụ và xác định các lĩnh vực kinh doanh cụ thể.	

2.2. Tổ chức và quản lý doanh nghiệp**PHIẾU HỌC TẬP 2**

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao

Tổ chức và quản lý doanh nghiệp	Nêu được: - Phương pháp lập kế hoạch mua hàng. - Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. - Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Nội dung của đơn đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. - Căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Biết được: - Cơ sở của kế hoạch bán hàng. - Các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. - Giải thích câu "phi thương bất phú". - Đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.	- Biết tính toán để xác định kết quả của từng yếu tố trong phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Bài tập về hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp.
--	--	---	--	--

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

Các bước	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<i>Chuyển giao nhiệm vụ học tập</i>	GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS đọc SGK thảo luận nhóm trả lời: Nhóm 1,2: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 1 Nhóm 3,4: Yêu cầu Học sinh thảo luận và trả lời PHT 2	- Nhận nhiệm vụ của nhóm. - Phân công người viết báo cáo vào bảng phụ. - Phân công người trình bày. - Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.
<i>Thực hiện nhiệm vụ học tập</i>	GV quan sát, theo dõi các nhóm hoạt động, chủ động phát hiện những học sinh khó khăn để giúp đỡ; khuyến khích học sinh hợp tác, hỗ trợ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	HS quan sát, thảo luận nhóm để trả lời
<i>Báo cáo kết quả</i>	GV chỉ định đại diện các nhóm trình bày câu trả lời	Đại diện các nhóm trình bày trước lớp.
<i>Đánh giá kết quả</i>	GV tổng hợp nhận xét đánh giá và đưa ra kiến thức chuẩn.	- Nghe, ghi chép, hoàn thiện nội dung.

4) Sản phẩm học tập

- Báo cáo của nhóm về kết quả thảo luận.

Hoạt động 3. Luyện tập

1) Mục đích

- Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức.
- Rèn luyện khả năng làm bài tập trắc nghiệm

2) Nội dung

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi trắc nghiệm

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

* Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh làm bài tập trắc nghiệm sau:

Câu 1: Việc kinh doanh mở đại lý bán hàng là kinh doanh thuộc lĩnh vực:

- A. đầu tư **B. thương mại** C. sản xuất D. dịch vụ

Câu 2: Một trong những đặc điểm của kinh doanh hộ gia đình là :

- A. Doanh thu không lớn B. Thường thiếu thông tin về thị trường
C. Công nghệ kinh doanh đơn giản D. Dễ dàng đổi mới công nghệ

Câu 3: Đặc trưng cơ bản của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp là:

- A. Tính tập trung, tính dân chủ. B. Tính tiêu chuẩn hóa, tính dân chủ
C. Tính chuyên môn, nghiệp vụ. **D. Tính tập trung, tính tiêu chuẩn hóa**

Câu 4: Trong các căn cứ xác định lĩnh vực kinh doanh, căn cứ nào là căn cứ quan trọng nhất?

A. Đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu của doanh nghiệp B. Hạn chế thấp nhất những rủi ro đến với doanh nghiệp

- C. Huy động có hiệu quả mọi nguồn lực của doanh nghiệp và xã hội **D. Thị trường có nhu cầu**

Câu 5: Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá của công ty A trong 1 năm đạt 10 tỉ đồng. Tổng chi phí kinh doanh trong 1 năm khoảng 9,2 tỉ đồng. Vậy lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp này là

- A. 19, 2 tỉ đồng B. 9,2 tỉ đồng C. 10 tỉ đồng. **D. 0,8 tỉ đồng.**

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Làm việc cá nhân: Học sinh vận dụng kiến thức mới tiếp nhận được để giải quyết bài tập được giao. Ghi vào vở kết quả thực hiện nhiệm vụ.

*** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Làm việc cả lớp

- GV chỉ định một vài HS trình bày câu trả lời.

- Học sinh các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện và bổ sung ý kiến.

***Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động 3**

Học sinh đối chiếu kết quả làm bài tập của cá nhân với đáp án chung để tự đánh giá.

Ghi kết quả đánh giá vào vở.

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

1B, 2D, 3D, 4D

Hoạt động 4. Vận dụng, mở rộng**1) Mục đích**

- Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng vừa học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới trong thực tiễn liên quan đến kinh doanh.

2) Nội dung**GV đưa bài tập**

- Giả sử một người mở một quán bán cà phê. Mỗi ngày bán được trung bình 200 cốc, mỗi cốc 12.000 đồng. Tiền thuê quán 4.000.000 đồng/tháng, mua các nguyên vật liệu, thực phẩm 2.500.000 đồng/tháng. Em hãy tính doanh thu của quán cà phê hàng tháng.

3) Kỹ thuật tổ chức hoạt động

- GV đưa câu hỏi.

- HS thảo luận nhóm cặp đôi để trả lời

4) Sản phẩm học tập (dự kiến)

- Doanh thu của quán cà phê hàng tháng là:

$$200 \text{ (cốc)} \times 12.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ (ngày)} = 72.000.000 \text{ đồng}$$

Ngày soạn:
Tiết : 46

KIỂM TRA 1 TIẾT

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA:

1. Giáo viên

- + Đánh giá sơ kết được mức độ đạt mục tiêu của học sinh từ đầu học kì 2 đến giữa học kì 2.
- + Lấy thông tin ngược chiều để điều chỉnh kế hoạch dạy học và phương pháp dạy học, cải tiến chương trình.
- + Đánh giá, phân hạng, xếp loại học sinh trong lớp.

2. Học sinh

- + Tự đánh giá, tổng kết quá trình học tập.
- + Chỉ ra được những “lỗ hổng” kiến thức bộ môn.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Trắc nghiệm 100% .
- Đối tượng kiểm tra: Học sinh lớp 10

III. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỂ LẬP MA TRẬN

A. Nội dung kiến thức trong các chủ đề sau:

- Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.
- Tổ chức và quản lí doanh nghiệp

B. Thiết lập ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Doanh nghiệp và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh.	Nêu được: - Khái niệm: Kinh doanh, cơ hội kinh doanh, thị trường - Các lĩnh vực kinh doanh. - Các loại thị trường. - Các loại doanh nghiệp. - Các loại công ti. - Thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ. - Nguồn vốn của kinh doanh hộ gia đình.	- Biết lựa chọn lĩnh vực kinh doanh phù hợp ở thành phố và nông thôn. - Hiểu rõ các loại thị trường. - Đặc điểm của doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Ví dụ và xác định các lĩnh vực kinh doanh cụ thể.	
<i>Số câu: 14</i>	<i>Số câu: 7</i>	<i>Số câu: 4</i>	<i>Số câu: 4</i>	
Tổ chức và quản lí doanh nghiệp	Nêu được: - Phương pháp lập kế hoạch mua hàng. - Đặc trưng của cơ cấu tổ chức doanh nghiệp. - Nội dung kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. - Nội dung của đơn đăng kí kinh doanh của doanh nghiệp. - Căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Biết được: - Cơ sở của kế hoạch bán hàng . - Các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. - Giải thích câu "phi thương bất phú" . - Đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.	- Biết tính toán để xác định kết quả của từng yếu tố trong phương pháp lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.	Bài tập về hạch toán kinh tế trong doanh nghiệp.
<i>Số câu: 16</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 3</i>
Tổng câu: 30 Tổng điểm: 10 Tỉ lệ : 100%	Số câu: 12 Số điểm: 4.0 Tỉ lệ : 40%	Số câu: 9 Số điểm: 3 Tỉ lệ : 30%	Số câu: 6 Số điểm: 2 Tỉ lệ : 20%	Số câu: 3 Số điểm: 1 Tỉ lệ : 10%

Bước 4: - Biên soạn câu hỏi theo ma trận

* Rút kinh nghiệm: